



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 54

SỐ 1

(2190)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 5-1-2002



NĂM 2001

- TIN TƯỜNG VÀ HY VỌNG

1. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX thông qua chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm và 5 năm đầu thế kỷ (ảnh: Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh phát biểu tại Đại hội)



2. Quốc hội khoá X đã bầu đồng chí Nguyễn Văn An làm Chủ tịch Quốc hội, sửa đổi và bổ sung Hiến pháp 1992 và thông qua Hiệp định Thương mại Việt Mỹ.



3. Kỷ niệm trọng thể 50 năm Bác Hồ gửi thư cho các họa sĩ (1951 - 2001) với câu nói nổi tiếng: "Văn nghệ cũng là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy". (Nhà văn Nguyễn Đình Thi đọc lời chào mừng)



4. Trao Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật lần thứ I



5. Hội nghị toàn quốc Những người Viết văn Trẻ lần thứ III tại Hà Nội với 184 đại biểu khắp đất nước về dự (Ảnh: Các nhà văn trẻ trong giờ giải lao).



Ảnh: ĐÌNH TOÀN, HỮU ĐỒ

Bến Diêu Đài

Truyện ngắn của TRẦN THỊ HUYỀN TRANG

TỪ xa, Hưng đã nhìn thấy rằng vòng đồng nhỏ lên trông ngóng. Lòng anh chợt dội một tiếng vang thẳm. Ráng cây mỗi lúc một gần. Mặc chớ tàn phiến, mặc nhà cửa san sát, mặc quán xá với những người chào mời chồm ra vây ngoác, chiếc xe con chở anh bay lướt trên đường. Và cuối cùng, nó dừng lại, với cánh cửa mở ngác. Câu lái xe ngoắt Hưng đi vòng quanh từng thân cây. Anh khẽ khàng như thể nếu bước mạnh thì một cái gì đó sẽ giắt mình tan biến. Câu ta làm sao hiểu được Hưng đang gấp lại thời thơ ấu của mình. Hàng ngàn chiếc lá hình tim rần rần chào đón anh. Phải, những cây vòng đồng cũng đã nhận ra cái người đang thân thơ dưới kia chính là cậu bé con đã đưa chúng đến đây, từ khi chúng còn là những mầm trắng sữa phớt im lìm giữa hạt.

Phía sau trường tiểu học thì trấn có một

cây vòng đồng khổng lồ. Đó là cây mẹ của lứa cây này. Bắc cái trường bảo cây vòng đồng mẹ già hơn ngôi trường, mà ngôi trường thì khi Hưng vào lớp một, mái ngói của nó đã phủ đầy rêu từ bao giờ. Cũng từ bao giờ, các khung cửa nhà trường im lìm phơi một nước gỗ bọt bọt, thả vào không gian tiếng một nghiêng đều đều xa vắng. Cả cái trường đại bit da trâu cũng in bóng thời gian trắng thín trên gương mặt tròn lì, nhưng tiếng nó hãy còn khỏe, đủ sức làm giắt mình những cổ câu học trò yếu bóng vía. Biệt bao lần Hưng đang mê mải nhất hát vòng đồng làm bánh xe thì bị tiếng trống phá đám. Một hôm thấy giáo bán hộp xôi đồng, cho lớp nghỉ sớm, Hưng được dịp ló toet cái trống với những hồi dậm dậm của nó. Bọn cùng lớp về hết, chỉ còn Hưng và

(Xem tiếp trang 15)



Minh họa của TÙ NINH



Ủng hộ hoà bình. Phản đối chiến tranh

TRÁI đất của chúng ta đã kết thúc một vòng quay quanh mặt trời, và nhân loại đã đến lúc phải nhìn lại năm 2001 với những nhận định và đánh giá không thể lãnh đạm.

Dù đứng trên quan điểm nào thì năm 2001, năm đầu tiên của thế kỷ 21, viên đá đầu tiên trên quãng đường Thiên niên kỷ thứ ba, cũng vẫn thật đặc biệt với những sự kiện chưa từng có. Đó là vụ máy bay khủng bố đánh sập hai tòa nhà Trung tâm Thương mại thế giới ở New York, Mỹ, làm chết gần 5.000 người, là nỗi sợ hãi bệnh than bao trùm khắp các nước Phương Tây, là dịch bệnh lở mồm long móng gia súc làm tê liệt ngành chăn nuôi châu Âu, là vụ thảm sát nội bộ Hoàng cung Nepal, v.v... Tuy vậy, ở từng góc độ, từng hoàn cảnh, các nhà bình luận đều rút ra những bài học khác nhau cho riêng mình.

Từ góc độ chính trị

Trong một lần đến thăm trường tiểu học Richard M. Nixon ở thủ đô Washington, tổng thống Mỹ George W. Bush đã phải thừa nhận: "Năm 2001 tức mắt của chúng ta khá nhiều tự do". Rồi ông kêu gọi các cháu bé hãy biết chuẩn bị cho tương lai bằng cách "sẵn sàng từ bỏ bất tự do để có thể bảo vệ nó". Ý tổng thống Mỹ muốn nói đến hoàn cảnh nước Mỹ đã thay đổi, người Mỹ sẽ bị bốn khủng bố tấn công từ nhiều hướng, bằng nhiều cách, ở nhiều thời điểm, nếu vẫn còn kiểu tư duy "tự do tuyệt đối" như từ trước đến giờ người Mỹ vẫn thường tự hào.

Nhưng từ quan điểm khác, phóng viên đài BBC, Stephen Suckur, ngày 24.12.2001 lại viết bài bình luận: "Nước Mỹ đã thành công trên nhiều phương diện, trừ một khía cạnh duy nhất là tình diễn một khuôn mặt mà vì nó họ bị tấn công". Chẳng đúng thế ư? Nhiều người dân Mỹ đã phải thở than: tại sao họ (thế giới Hồi giáo) lại ghét

chúng ta đến thế? Còn tổng thống Nga Putin khi tiếp tổng thống Mỹ thì nói: "Tất nhiên chúng tôi vẫn giúp Mỹ chống khủng bố không điều kiện. Nhưng cách mà nước Mỹ rút khỏi hiệp ước START-II không hề làm cho các ngài mạnh lên".

Năm 2001 có quá nhiều sự kiện vượt quá sức tưởng tượng. Nhưng những nhà bình luận chính trị đều có chung một nhận định: thế kỷ 21 đòi hỏi một trật tự khác, mà ngay từ đầu nó đã không được đáp ứng nên loài người phải nhận bài học. Nói về chiến dịch chống khủng bố của Mỹ, Tổng thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan đã bình luận: "Ngài George Bush đã mạnh dạn quyết định đi bước đi đầu tiên, nhưng tôi e rằng đó mãi mãi vẫn chỉ là bước đầu tiên, không hơn không kém". Quả thật là trong hàng chục sự kiện gây chấn động đời sống thế giới thì chỉ có trận động đất ở bang Gujarat- Ấn Độ là không liên quan gì đến nguyên nhân con người, còn lại thấy đều có nguồn gốc sâu xa do chính nhân loại gây ra cho nhau. Nhưng nếu vậy thì đâu còn chỉ đơn thuần là chuyện chính trị?

Từ góc độ kinh tế

Các nhà phân tích có lúc nhìn nhận những sự kiện năm 2001 dưới góc độ chênh lệch phân bố kinh tế Bắc- Nam.

Nhà văn đoạt giải Nobel năm 2000 Guenter Grass bình luận: "Nếu muốn giải quyết lâu dài vấn đề khủng bố thì người ta phải thay đổi căn bản mối quan hệ giữa các nước giàu và các nước thuộc thế giới thứ ba. Các nước nghèo phải được nhận những cơ hội kinh tế bình đẳng về giá trị". Tổng thống đất nước Hồi giáo đồng dân nhất hành tinh, bà Megawati Sukarnoputri đã phải thốt lên: "Nước Mỹ giàu khác thường, đến mức chúng tôi khó bênh vực". Còn giáo sư Joseph Stiglitz, một trong ba người nhận giải thưởng Nobel kinh tế năm 2001 thì phát biểu: "Tôi e rằng chính các nước phát triển biết rõ sự cùng quẫn của thế giới nghèo, nhưng không chịu hoặc bất lực trong việc tìm hướng giải quyết".

Tóm lại, dù không trực tiếp, nhưng nguyên nhân kinh tế cũng góp phần quan trọng gây ra cuộc "khủng hoảng an ninh thế giới" thời kỳ đầu thế kỷ 21 như từ Thời báo Frankfurt cuối tháng 11 vừa qua nhận định.

Từ góc độ tôn giáo

Chưa bao giờ người ta lại trực tiếp vin vào lý do tôn giáo để cư xử với nhau dã man như bây giờ. Ngoài việc Bin Laden (và cả rất nhiều phần tử Hồi giáo cực đoan khác) hô hào thành chiến chống lại thế giới Phương Tây mà cốt lõi là dân Thiên chúa giáo, thì ngay cả đến những bộ phận nhỏ như công đồng người gốc Anbani cũng lớn tiếng đòi bảo vệ những "lý tưởng thiêng liêng" của riêng mình. Vào thời điểm chuyển giao thế kỷ, nhân loại theo ba tôn giáo đơn thần ngang ngửa nhau là đạo Thiên chúa, đạo Do thái và đạo Hồi. Cả ba tôn giáo này đều xuất phát từ vùng Trung Đông nhiều trăn trở, thậm chí cùng một nguồn gốc. Nhưng cho đến nay thì mọi lời kêu gọi hòa hợp, tôn trọng và nhường nhịn lẫn nhau giữa ba tôn giáo đó vẫn chỉ có giá trị biểu cảm. Giáo hoàng La Mã vừa qua phát biểu trong chuyến viếng thăm Jordan: "Người Thiên chúa và người Hồi giáo không có lý do gì để thù hận nhau", nhưng tiếng

nói của ông đã bị tiếng súng và những rung động của bom Mỹ trong cuộc tấn công Afghanistan át hẳn. Tổng thống Mỹ George Bush trấn an thế giới Hồi giáo trên truyền hình: "Nhân dân các nước Ả rập là bạn của nhân dân Mỹ", nhưng bản thân người Pakistan, đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến, thì lại chẳng nhận tình bạn ấy. Và thế giới vẫn tiếp tục tồn tại những cuộc thánh chiến dưới hình thức này hay hình thức khác.

Từ góc độ văn hóa

"Chưa bao giờ sự sai biệt về văn hóa lại dẫn đến những mâu thuẫn quyết tử như hình như bây giờ", đó là sự đánh giá của ủy ban Hòa bình UNESCO về những sự kiện xảy ra trong năm 2001.

Thời Trung cổ, con người có thể phát động những cuộc thập tự chinh giành giật phần mộ Chúa. Hồi đầu và giữa thế kỷ 20, các thế lực phát xít hiếu chiến nhất cũng có thể tiến hành những cuộc xâm lược và thảm sát đại quy mô trong hai cuộc Chiến tranh thế giới. Nhưng tất cả đều là mặt đối mặt, cổ kè đi cướp và người chống lại hành động cướp. Nhưng những sự kiện trong năm 2001 thì lại chứng tỏ một điều: con người ngày nay dám dùng mọi cách để trả thù, triệt hạ nhau chứ không đơn thuần là cướp bóc giành giật, và mặt trận bây giờ là không chiến tuyến, không giới hạn, thậm chí không chỉ bằng súng đạn, không chỉ máu chảy đầu rơi.

Trong bài trả lời phỏng vấn cuối năm, lại là nhà văn đoạt giải Nobel 2000 Guenter Grass đã biểu lộ: "Tôi đồng cảm với những nạn nhân của các vụ khủng bố. Nhưng đã đến lúc không ai có thể bắt tôi phải đồng cảm với Chính phủ Mỹ". Vậy thì làm sao cuộc chiến tranh ở Afghanistan lại có thể phân định chiến tuyến? Rồi vụ dẫn độ cựu Tổng thống Liên bang Nam Tư Slobodan Milosevic đến Hague nữa. Phương Tây được lợi lộc gì khi kiên quyết đòi phân xử lãnh tụ Serbi, nhân vật chỉ làm những việc liên quan đến quyền lợi người Serb và được cả cộng đồng người Serb tôn sùng bảo vệ?

Thủ tướng Anh Tony Blair, trong một lần đến Trung Đông đã phải thốt lên: "Nền văn minh của chúng ta đang bị thử thách. Hoặc tiếp tục tiến lên hoặc chúng ta phải lùi lại". Còn Tổng thống Nga Putin, khi nhận được tin bốn khủng bố có thể sẽ tấn công cả Mac Tu Khoa, cũng phải nói cứng: "Chúng tôi không run sợ. Hãy để họ (các phần tử khủng bố) phải sợ chúng tôi". Tại sao lại có chuyện đe dọa nhau đến vậy?

Nhân loại cùng có chung niềm vui và nỗi buồn, cách thể hiện niềm vui nỗi buồn ấy không giống nhau. Nhưng có lẽ chỉ có văn hóa mới làm cho con người hiểu nhau và biết cách cư xử với nhau tốt đẹp hơn. Một giáo sư Đại học Thanh Hoa- Bắc Kinh- bình luận: "Người Phương Đông không vỗ ngực khoe tài khoe khéo như Mỹ. Nhưng nếu có ai ngang chương đến vậy thì chúng tôi cũng không trả thù như kiểu Bin Laden. Đây là sự sai biệt giữa hai cội nguồn".

Và, có lẽ, thế giới cần phải bước vào năm 2002 với sự nhận thức lại về cội nguồn văn hóa như vậy. ■

LÀ THANH TÙNG
Tổng hợp từ Internet.



● Năm 2001 bị thống trị bởi sự kiện bốn máy bay đâm vào tấn công nước Mỹ ngày 11 tháng 9, và kết thúc bằng cuộc chiến tàn khốc chống khủng bố ở Afghanistan.

Chúng ta hãy cùng nhìn lại những hình ảnh nổi bật nhất, những sự kiện làm đau lòng loài người khi mỗi dịp bước vào Thiên niên kỷ thứ ba.



● Thảm họa tại bang Gujarat- Ấn Độ- khi trận động đất mạnh 7,9 độ richter cướp đi 30.000 nhân mạng và đẩy hàng triệu người vào cảnh không nhà cửa.

Các hãng cứu trợ đã phải chiến đấu thật sự với những khó khăn trong việc đem lại lương thực thuốc men cho các nạn nhân, và ngăn chặn dịch bệnh lan tràn.



● Cựu tổng thống Nam Tư Slobodan Milosevic bị bắt và bị đưa ra phiên tòa tội phạm chiến tranh ở Hague về tội diệt chủng!

Ông đã bác bỏ mọi lời buộc tội của Tòa án, đồng thời thách thức từ chối mọi luật sư bào chữa. Không có luật sư nào đứng ra bảo vệ ông. Cuối cùng, chẳng có bản án nào thích hợp với con người ấy cả.



● Thế giới sống sờ chứng kiến cảnh những máy bay chở khách lần lượt đâm thẳng vào hai tòa tháp Trung tâm Thương mại thế giới ở New York hôm 11 tháng 9.

Chỉ sau khi chiếc thứ ba đâm vào Lầu Năm góc và chiếc thứ tư rơi tan tành trên cánh đồng Pittsburgh, Tổng thống George W. Bush mới kịp thể "sẽ truy bắt và trừng trị kẻ gây ra thảm họa và cả những người che chở chúng".

L.T.T. dịch



● Bạo lực leo thang ở Trung Đông sau một loạt vụ tấn công cảm tử nhằm vào lính Israel ở bờ Tây và dải Gaza. Những cuộc tấn công trả đũa chống người Palestin cũng diễn ra ngay sau đó.

Đã có lúc không nhìn thấy bất cứ dấu hiệu le lói nào khả dĩ cứu vãn được hòa bình, khi phía Israel đoạn tuyệt mọi quan hệ với lãnh tụ Yasser Arafat, thậm chí phóng tên lửa cả vào Tổng hành dinh của Tổng thống Palestin.



ĐÓN LỄ NOEL VÀ CHÀO NĂM MỚI BẰNG... BOM ĐẠN!

MINH TÂM

THEO tin từ Kabul, ngày 27-12-2001 vừa qua, chính phủ lâm thời Afghanistan đã đề nghị Mỹ ngừng ném bom và chấm dứt chiến sự trên lãnh thổ Afghanistan để tránh gây thêm tàn phá cho đất nước này. Việc lúng lúng các hàng động tình nghi là nơi ẩn náu của Bin Laden không cần thiết nữa, vì nhiều nguồn tin tình báo, kể cả lời khai của tù binh, đều cho biết từ 20-12 Bin Laden đã chạy sang vùng núi gần Peshwar thuộc Pakistan.

Lời đề nghị này đã không được Mỹ chấp nhận. Ngày 28-12 trong lúc đang nghỉ tại bang Texas, Tổng thống Mỹ George Bush tuyên bố, quân đội Mỹ vẫn "cần ở lại Afghanistan một thời gian nữa".

Người đứng đầu nước Mỹ không nói rõ thêm lý do của sự cần thiết này, nhưng báo chí Mỹ lại thêm vào những ý đồ tiết lộ của Lầu Năm góc, cho biết Mỹ vẫn "cần" sử dụng vùng núi Tora Bora ở Afghanistan để hoàn chỉnh việc thử nghiệm các loại tên lửa và bom có chức năng khoan sâu ruột đất, nhất là tác dụng của loại "đốt cháy oxy trong các hang động". Mỗi ngày tiếp tục đánh phá Afghanistan là một dịp để các tổ hợp quân sự- công nghiệp Mỹ thu thêm lợi nhuận, nghiên cứu cải tiến vũ khí ngay trên thực địa.

Taliban đã hoàn toàn tan rã và sụp đổ. Chính phủ mới của Afghanistan đã thành lập từ ngày 22-12-2001. Lực lượng quốc tế cũng đã triển khai để giúp Afghanistan duy trì an ninh. Vậy mà, lính Mỹ vẫn cứ phải đón lễ Noel rồi lại đón chào Năm Mới bằng... bom đạn trên đất nước Afghanistan trong tình huống chính nước chủ nhà không tán thành và người dân địa phương không hoan nghênh. ■

TÍNH HIỆN ĐẠI TRONG THƠ

NGUYỄN VIẾT LÂM

Từ thơ truyền thống sang thơ cách tân, rồi một bước chuyển lên thơ hiện đại, con đường đi của thơ không dễ dàng. Lịch sử văn học nước nào cũng phải trải qua nhiều cam go thử thách. Apollinaire - một trong những nhà thơ lớn mở đầu cho cuộc cách tân thơ Pháp đầu thế kỷ XX đã phải thốt lên: "Hãy thương lấy chúng tôi đang chiến đấu trên biên giới của truyền thống và cách tân". Nền thơ ca Pháp từ Huygô đến Baudelaire bước vào hiện đại đã phải mất 50 năm. Thơ Việt Nam từ cũ sang mới chỉ mất 13 năm, từ 1932 đến 1945. Những ranh giới thời gian ấy không phải là khẳng định cứng nhắc vì cuối giai đoạn trước cũng đã manh nha những yếu tố của giai đoạn sau, cũng như giai đoạn đầu của thời kỳ sau vẫn còn rớt rớt những tàn dư cũ. Ví dụ câu thơ của nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh: *Đầy đê mùa đi nhịp hai hè*, đã là một dấu hiệu tương trưng khá sớm, khi tính hiện đại trong thơ Việt Nam chưa thấy phổ biến.

Mỗi nhà thơ là một thế giới riêng về thi cảm, thi tứ, về phong cách và phương pháp. Dù người yêu thơ chấp nhận mọi điều khác biệt, các nhà thơ (kể cả cùng trường phái) nhiều khi cũng có những nhận xét, những đánh giá nặng nề nhau theo chủ quan có lúc không công bằng. Aragon và Guillevic là hai nhà thơ hiện đại lớn của Pháp. Guillevic chỉ thừa nhận Aragon là nhà văn lớn chứ không chịu nhận Aragon là nhà thơ lớn, tuy thế giới mền phục Aragon chủ yếu với tư cách là thi sĩ. Điều ấy xuất phát từ một nguyên nhân không có gì quan trọng: Aragon thường viết thơ trường thiên còn Guillevic thì chỉ viết bài thơ ngắn trên cùng một đề tài.

Thơ lãng mạn so với thơ hiện đại có những điều không giống nhau, không chỉ ở hình thức diễn tả, ở ngôn ngữ và hình ảnh mà còn cả ở cảm xúc. Trong thơ của Martine, chúng ta không thể tìm thấy những câu thơ trẻ trung, sôi động như trong nhóm thơ của Rimbaud và Verlaine. Những tiếng thổn thức dài của vĩ cầm, - trời cao trên mái nhà, xanh lam sao, yên tĩnh làm sao! Tiếng thổn thức của tim tôi, - như mưa rơi trên đường phố...v.v... Nhưng phải

đến Paul Valéry chúng ta mới gặp trí tuệ gắn liền với thi hứng. Thơ bắt đầu đi vào một không gian tượng trưng và hiện đại. Bài thơ nổi tiếng của ông: *Nghĩa trang trên biển (Cimetière marin)* tiêu biểu cho trường phái của các nhà thơ trí thức lúc bấy giờ. Trường phái ấy có ảnh hưởng đến một số nhà thơ hàng đầu của Việt Nam, đặc biệt Chế Lan Viên. Câu thơ của Valéry: *mái nhà yên tĩnh này, mây con chim bỏ câu đi lại, - Tháp thánh sau những rừng thông, - Giữa những năm mồi...* Mái nhà tượng trưng cho biển cả, chim bỏ câu là những cánh bướm. Không khí bài thơ gợi nhớ bài thơ "Trưa" của Chế Lan Viên, một buổi trưa trầm mặc đầy suy tư triết học.

Nhưng đến Berton Bretch, nhà thơ lớn của Đức, thì thơ đã bước vào hậu hiện đại, với lối viết cô đọng đến tận cùng cả ý cả từ. Trước đây người ta hay nói chung mọi hiện tượng cách tân vào một phạm trù: Chủ nghĩa hiện đại (Modernisme), thật ra chữ Modernisme hàm một ý phê phán, một thứ chủ nghĩa hình thức tách rời quan niệm thẩm mỹ của quần chúng, nhưng không phải sự cách tân nào cũng đáng phê phán cả. Phong trào thơ mới ở Việt Nam là một bước cách tân lịch sử trong thơ ca.

Tương trưng thuộc phạm trù hiện đại, nhưng không phải chỉ thơ thời hiện đại mới có tương trưng vì tương trưng vẫn là một thủ pháp nghệ thuật xưa nay thơ vẫn dùng. Ở đây cần phải nhắc đến tính siêu thực của thơ. Thơ Việt Nam không có chủ nghĩa siêu thực như ở Pháp mà tiêu biểu là Breton và Soupault, tiếp theo là Aragon, cả ba được xem là *ba chàng ngư lôi phá thủ* của thơ siêu thực Pháp, nhưng yếu tố siêu thực vẫn thường có trong thơ ca chúng ta. Sinh thời, Chế Lan Viên nói: *Thơ hay phải hiện thực về nội dung và siêu thực về hình thức*. Tất nhiên, trong quan hệ giữa hiện thực và siêu thực càng phải giữ sự liên tục, nếu gần hiện thực quá thì sẽ dung tục, nếu xa quá thì sẽ trừu tượng, sẽ dung hình.

Đọc thơ dân tộc chúng ta tự hào được gặp những sáng tạo về hình ảnh, về ngôn ngữ mà thơ hiện đại không thể theo kịp. Cho nên chất hiện đại không phải dành riêng cho ai, không phải là độc quyền của thế hệ

thi sĩ chúng ta. Tôi không nhớ hai câu thơ này của ai: *Gió đập tường cao lưng gió phăng - Tráng dóm cửa sổ mặt trắng vuông*. Cũng như hai câu thơ của Tu Đức: *Đập cổ kính ra tìm lấy bóng - Xếp tàn y lại để dành hơi...*

Câu thơ thứ hai có thể là một câu thơ bình thường. Nhưng câu thơ thứ nhất quả là một sáng tạo hiếm thấy, với chất siêu thực rất đậm, câu thơ vừa thực vừa hư, cái phi vật thể ở đây có sức lay động tình cảm mạnh mẽ hơn mọi thứ vật thể nào khác.

Ngay cả ngôn ngữ trong thơ, người xưa cũng đã có cách nói rất mới mà thơ hiện đại không dễ gặp được. Bài thơ "Thu" của Tương An quân vương thời Tự Đức:

Vàng rụng giêng ngõ sa lá gió

Bạc xuy giậu cúc này chói sương

Chỉ trong một câu thơ đầu đã thấy hai lần sáng tạo trong cách diễn đạt: *Vàng rụng giêng* ngõ để nói lá ngô đồng màu vàng rụng xuống giếng, *Sa lá gió*, gió thổi cho lá ngô rơi. Đó là thơ hiện đại. Một nhà thơ lớn xa hơn, Nguyễn Bình Khiêm, có khá nhiều câu thơ dùng cách đảo chữ rất mới:

Mai bạc lạnh quen nhiều tháng trước,

Cúc vàng thơm đổi mấy phen hoa.

Đọc thơ người xưa, một lối thơ thiên về khái quát, ước lệ, đột nhiên gặp được những từ thơ chỉ tiết tình vì, làm sao không khỏi khâm phục. Nguyễn Úc đời Trần, viết:

Phấn hoa đầu cánh làm nặng râu ông

Bùn khóm rau cần làm thơm đầu chân chim én.

Tính hiện đại trong thơ đem lại cho người đọc niềm sáng khoái vừa tinh cảm vừa trí tuệ, vì trí tuệ và hiện đại là hai yếu tố song hành. Ngay cả những bài thơ hiện đại viết về tình yêu cũng không phải dễ dãi như trong thơ lãng mạn cũ. Nói về nỗi đau của một mối tình phụ phàng, Chế Lan Viên viết:

Người mang lại ái tình không ở cùng ta nữa,

Nhưng hương em còn quấn mỗi câu thơ

Hạnh phúc em đóng cho ta bằng đôi mắt nhỏ

Đôi mắt đắng cay làm lòng nức nở
Mỗi bức thư như gạch lở đầu tường



Nhà thơ
Nguyễn
Viết Lâm

Như đạn xé vào thịt non không lấp nổi...

Chất trí tuệ trong thơ hiện đại cho chúng ta thấy nhà thơ có bề dày của kiến thức và tư duy thơ. Thơ hiện đại không dành chỗ cho những cây bút bản năng vì không gian của thơ phải rộng, tầm trí thức của nhà thơ phải sâu. Gần đây chúng ta gặp một số bài thơ không rõ nói điều gì, đó là những câu ghép chữ không cần có trách nhiệm với người đọc, những bài thơ rắc rối bí hiểm mà có lẽ bản thân người viết cũng không tự hiểu được mình, mà họ tự cho là hiện đại. Thơ thực sự hiện đại là những bài thơ sâu sắc về ý nghĩa, mới về ngôn từ. Càng hiện đại càng giản dị trong sáng, càng tinh kết chứ không rậm rì, hiện đại là mới về nội dung và đạt đến sự giản dị cổ điển về hình thức. Trong một bài thơ về đề tài chống chiến tranh, Berton Bretch viết:

Họ yêu nhau

Ngày mai

Sinh ra những đứa con mồ côi.

Đó là một bài thơ hiện đại. "Nhật ký trong tù" của Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều bài thơ đầy chất hiện đại. Những vật bình thường bé nhỏ vẫn gợi cho Bác những từ thơ sâu sắc, lời thơ cô đọng mở ra một trường liên tưởng rộng rãi. *Trào lộng trử tình (Humour lyrique)* là đặc trưng hiện đại của thơ Bác.

Con đường đi của thơ dẫn đến hiện đại là tất yếu. Điều nên lưu ý là hiện đại không tách rời với bản sắc dân tộc, đó là nhân hậu trong tình cảm, uyển chuyển trong ngữ âm. Nền kinh tế trí thức càng phát triển, khoa học kỹ thuật ngày càng trở nên cơ sở hạ tầng của cuộc sống thì thơ ca cũng phải hiện đại. ■

MỪNG THỌ NHÀ THƠ KHƯƠNG HỮU DUNG 95 TUỔI (1-1-1907 - 1-1-2001)

Nhà thơ Khương Hữu Dung là bậc cao niên nhất trong Hội Nhà văn Việt Nam. Hơn nửa thế kỷ cầm bút nhà thơ đã có nhiều đóng góp quan trọng vào thành tựu văn học Việt Nam hiện đại.

Lễ mừng thọ nhà thơ Khương Hữu Dung năm nay được tổ chức trong không khí ấm áp, thân mật tại nhà riêng. Đồng đạo các nhà thơ, nhà văn, nhà dịch thuật văn học và các thân hữu đồng hương Quảng Nam đã đến dự.

Thay mặt Hội Nhà văn Việt Nam, nhà thơ Hữu Thỉnh Tổng thư ký Hội Nhà văn đã đến chúc mừng và tặng quà chúc thọ nhà thơ Khương Hữu Dung. P.V.

MÀU XANH VÀ MÀU CHÀM

ĐỖ BẠCH MAI

Từ thuở *Tiếng Dân* nghĩa là những số đầu (năm 1927) của tờ báo yêu nước nổi tiếng thời ấy, với các bút danh: Thế Nhu, Hy Doãn, Thiên Dân, HD, TN, HZ, Z, nhà thơ đã sớm giải bày lòng yêu nước, thương dân của mình.

Hoà nhập với cao trào Cách mạng Tháng Tám, với cuộc kháng chiến máu lửa ở Khu Năm, - nhưng phải hoà nhập một cách hết mình như thế nào đó thì nhà thơ Khương Hữu Dung mới có thể viết từ năm 1947-1948, bản hùng ca *Từ đêm mười chín*. Ở Chiến khu Việt Bắc, nhận được tập thơ từ chiến trường Liên khu Năm gửi ra, nhà thơ Xuân Diệu đã vui mừng giới thiệu:

Tôi vui sướng đón nhà thơ Khương Hữu Dung, một trong những giọng nói rền vang, có nhắc nhở, có trỗi lên giữa hàng vạn bài thơ hiện nay... Có thể nói: *Từ đêm mười chín* vừa trẻ, vừa già. Trẻ ở nội dung diễn tả, già ở nơi diễn tả... Ngoài thơ của bộ đôi tự diễn tả mình, Khương Hữu Dung là nhà thơ "quần sư" nhất; những đoạn thơ hành quân, đánh đồn của ông nổi bật lên với một bản sắc rõ ràng. Người thi sĩ là người làm được những câu thơ hay. Cái chuyện dĩ nhiên ấy mà nhiều bạn làm thơ quên khuấy đi mất. Xem những đoạn thơ, những câu thơ hay của Khương Hữu Dung, tôi phải gạt gò đắc ý. Tôi rất biết tài của người làm những câu thơ súc tích như:

Một tiếng chim kêu sáng cả rừng / Lên đường chân lại nổi theo chân / Đêm qua đầy chum run bên đá / Nay lại cùng mây xuôi nắng hồng

Hay nhớ lại rằng câu thơ *Một tiếng chim kêu sáng cả rừng* đã được viết từ những năm 1947, 1948. Thật hiện đại, mới mẻ ấy được



sinh ra như thế nào từ quá trình đào luyện có vẻ rất... "có điển" của nhà thơ? Có lẽ đây là một vấn đề thuộc về bí mật của quá trình sáng tạo? Và, nhà thơ Khương Hữu Dung - cho đến tuổi tám mươi lăm hiện nay, - vẫn không ngừng tạo nên những điều kỳ diệu kỳ như vậy trong sáng tạo của mình.

Các tập thơ *Những tiếng thân yêu*, *Quần nhỏ*, *Bí ẩn* mỗi tập đều cho thấy một giai đoạn mới trên con đường sáng tạo của một nhà thơ không bao giờ từ hoà mãn với những gì mình đã đạt được. Trong bài viết: "Khương Hữu Dung 80 tuổi trẻ" Nhà thơ Võ Quảng và Công Uẩn đã nhận xét: "Hình như Khương Hữu Dung ngày càng cố gắng đào ngược quá trình 'đá ong hoá' của thời gian bằng công phu tu dưỡng ngôn ngữ của mình" Tôi bổ sung thêm: và bằng công phu tu dưỡng nội tâm của nhà thơ. Trước một bài thơ như bài *Lên Cồn Sơn* chẳng hạn, ta sẽ thật khó phân biệt đâu là cái tài của ngôn ngữ và đâu là cái sâu của tâm hồn.

Lên đỉnh Cồn Sơn tâm Nguyễn Trãi / Trên đầu xanh ngắt một bầu không / Bàn cờ thế sự quân không động / Mà dấy quanh mình

(Xem tiếp trang 8)

TAN VÀO CHẤT MẶN HOÁ XANH TRONG

THANH THẢO

NGÀY cuối năm, giở đọc lại tuyển tập thơ bác Khương Hữu Dung tặng, tôi chợt giật mình: Ở trang 235, bên dưới bài thơ *Phổ đồng*, một bài thơ tình... già rất Khương Hữu Dung, nghĩa là rất tự nhiên, hồn nhiên:

"Nói thì / những chuyện đầu đầu / Lặng im / tay siết / là câu chuyện mình"

vâng, ở bên dưới bài thơ đã in ấy, tôi lại đọc thấy một bài thơ khác, viết tay, đúng nét chữ của bác Dung, bài *Biển và núi*, ghi thời gian sáng tác: 7-11-1991. Một bài thơ viết tay trong một tập thơ in, đó chẳng phải điều lạ sao? Tôi không biết bài thơ này bác Dung thích nên viết thêm vào đó (nhân trang thơ thừa giấy) để tặng tôi, hay bài thơ vốn có trong tuyển tập nhưng đã "được" Nhà xuất bản Đà Nẵng "mời ra"?

Ai như biển cả lượng mệnh mông / Muốn xuôi nghìn sông rộng mở lòng / Dòng đục dòng trong từ nạp cả / Tan vào chất mặn hoá xanh trong

Ta như ngọn núi đứng chon von / Đầu ngẩng mây bay trắng gió von / Đất bụi dưới chân không biết tôi / Xanh cao riêng tách một trời con.

Bài thơ nói lên cái chí của nhà thơ, và cả cách sống của nhà thơ. Nhưng tôi hiểu ở đây "Ai" và "Ta" không hẳn là hai thực thể khác nhau. Ai là ai mà ai cũng là ta, ta là ai mà ta cũng là... ta. Những năm khi ngoài 90 xuân, thơ bác Dung đã là thơ Thiền. Người từng viết trường ca kháng chiến *Từ đêm mười chín* với những dòng thơ sục sôi, bi tráng

Đã bay tung lửa nháy / Mặt đất chuyển rùng rùng / Hầm nào thành giếng nước / Đêm mùn trử mai dùng / Hầm nào thành lỗ huyệt / Đêm, lấp người thương vong

Người từng cảm được khí phách Nguyễn Trãi trong một "bầu không" đã bắt đầu Thiền:

Bàn cờ thế sự quân không động / Mà thấy quanh mình nổi bão giông / (Cồn Sơn)

Người thấy bằng tâm nơi ẩn cư của Ông già Bến Ngự:

Nhà đột trống vào dọi / Rèm thưa gió đến lay. (Đọc thơ Phan Bội Châu)

Người sinh sau Attila Jozef hai năm nhưng "sống bù nửa thế kỷ" đã đến thăm

nhà thơ Hungari trong một trạng thái rất thiền - thơ:

Lần đầu ghé thăm ông / Trắng nghìn trùng mây cách / Ông bận đi mộ xa / Thơ ở nhà tiếp khách. (Gửi Attila Jozef)

Khi viết được câu thơ *Ông bận đi mộ xa* nghĩa là đã thấy giữa sống chết không còn ranh giới nữa, nhưng lại viết được câu *Thơ ở nhà tiếp khách* thì bác Khương Hữu Dung đã chỉ còn nhìn thấy cái sống của thơ. Sức sống ấy khiến thơ tách hẳn sự sống chết của nhà thơ, để tiếp tục sống như một sinh linh. Năm nay tròn 95 tuổi, chẳng biết bác còn viết được bài thơ cho trẻ con như khi bác 80 tuổi:

Bé trèo lên gối / Bé nhay lên vai / Bé bêu cánh tay / Bé ôm cổ mẹ: / - Tóc mẹ là lá / Đầu mẹ là quả / Tay mẹ là cánh... / Con trèo cây / Mẹ hả? (Bé trèo cây)

Khi ấy, nhà thơ già đã thành đứa trẻ, và "cây - mẹ" mà bé trèo lên, với nhà thơ chính là... thơ. Đó là "cây - thơ" mà nhà thơ hồn nhiên "trèo hái suốt ngày", dấu có là "khế ngọt hay khế... chua" thì dưới cặp mắt thơ - trẻ thơ chúng cũng đều ngọt lành cả. Không có nhiều nhà thơ "càng già, càng trẻ" như bác Khương Hữu Dung. Chính cái hồn thơ luôn ngày thơ với đời sống luôn biết dung nạp để "hoà xanh trong", lại biết "đứng chon von" để tự thử thách, tự khẳng định mình, mặc "đất bụi dưới chân", chính hồn thơ ấy đã "cải tạo hoàn đồng" cho già Khương thành một đứa trẻ vô nhiễm và ngây thơ trong thơ. Đó là "cuộc hoá thân lần thứ ba" như Nietzsche hằng ao ước cho mỗi nghệ sĩ, và cho mình. Trở thành trẻ thơ trong thơ, ấy cũng là đạt cõi Thiền, một cõi mệnh mông như nằm gọn trong tấm hồn. Người như bác Dung "ăn thơ ngủ thơ sống thơ thở thơ", chính vì thế mà thiền, mà đạt đạo.

Người như thế chả bao giờ cạnh tranh với ai, thắc mắc với ai, và cũng chẳng nhớ xem liệu người ta có nhớ đến mình trong các dịp trao giải thưởng không. Mà cái giải hay nhất, bác đã có rồi: đó là tấm lòng "xanh-trong" của trẻ thơ, là cặp mắt "ngơ ngác nhìn thế kỷ" của trẻ thơ, là cái hùng khí rất trẻ thơ:

Kiếp sau xin cổ làm người / Trồng cây thông đứng giữa trời mà ca (Tâm sự với Nguyễn Công Trứ). ■

Rối những mùa nước nổi

T hắp thoảng chấm xanh trên nền
nước mênh mông
chấp chới con người giữa biển
lách sóng mà đi
xuống máy, xuống bơi gồng mình
thất lòng vẻ đẹp thiên nhiên !

Nước lên
cuồn cuộn nước lên
nước như chảy từ hang đá
lạnh lẽo rừng mình
ấp thấp
gió hú
liều xiêu
chống đỡ mái nhà
đôi và rách
kiếm từng cọng rau, con ốc
nắng mưa chảy tóc
(cái nghèo tưởng chừng chuyện bịa !)

Như cây lúa trời huyền thoại
như cọng bông súng phọt dài
trắng phau
cuộc vật lộn trăm năm quyết liệt
đất - nước - con người
thành ba bên thương lượng
tồn vinh con người
bằng trí khôn và lương tâm
hoạn nạn, đói no dùm bọc
dựng đảo xanh như chim tha cổ khó
làm tổ
vườn trái đông đưa, no ấm theo về
tiếng gà gáy thành thời cánh đồng
rạng rỡ
những mùa nước lên trôi hết nỗi buồn
những mùa nước lên phủ sa ông ánh
bông hoa kết nụ chờ xuân...

NGUYỄN THẾ VINH

Về Vĩnh Tường nhớ Hồ Xuân Hương

Ai bảo có đi là có được
Một đời đứt gánh mấy duyên tơ
Cánh phượng trầu têm môi, chẳng
thăm
Hối xuân vẫy nòn đợi sang đò
Phủ đường ẩm lạnh nào mấy chốc

Tài sắc về đâu giữa cuộc cờ
Bà Tống ghen thâm đành chịu tiếng
Vợ quan xiêm áo phận danh hờ
Chót đà khôn chữ hơn người khác
Đường ngòi rẽ lệch cả vắn thơ...
Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc cuối năm 2001

ĐẶNG HIỂN

Ném thia lia

Tôi ném thia lia
Miếng thủy tinh
Rời tôm
Ngay
Xuống nước
Để lại
Vài vòng xoáy
Mất tăm.
Em bé
Đứng bên tôi

Như cây nấm
Ném thia lia
Hòn sỏi
Thành một đường hoa sóng
Nở tít tắp
Bờ xa
Để lại
Chuối cười
Như pha lê
Vỡ ra.

20-11-2001

THI SÁNH

Bài thơ xuân trên vách núi

Móc trái tim mình
Treo lên vách núi
Gắn sâu trăm năm vẫn tươi ròn
Những vần thơ lửa cháy*

Những câu thơ nét hoa văn khắc vách
Hình trái tim trên vách núi như treo
Nhịp đập rung rinh mặt sông như reo

Ngày đầu xuân năm Quang Thuận
thứ chín
Nhà vua tuần du xứ An Bang
Một biển trời đẹp đến nao lòng
Đảo đá tựa những ngôi sao lấp lánh
Mặt vịnh lung linh như cốc rượu mạnh
Nhà vua say như chưa thể bao giờ
Trái tim Người bốc cháy những vần thơ

Mỗi lần ta lặng nhìn lên vách núi
Lại thấy dáng Người đọc thơ trước
ba quân ngày ấy
Áo lông bào thấp thoáng rỗng bay
Ta lại nghe trong gió trong cây
Tiếng thơ truyền
Thiên Nam vạn cổ hà sơn tại**
Như tiếng núi sông âm vang mãi
Những mùa xuân xanh thắm cỏ hoa

11-2001

Gắn sâu trăm năm
Lung lũng một phương trời
Những câu thơ thời gian hoá thạch

* Bài thơ Lê Thánh Tông khắc trên vách
núi Bài Thơ năm 1468.
** Dịch là: Trời Nam muôn thuở núi sông
vững bền.

TRẦN VĂN GIÀ

Vẫn còn mùa xuân

Ghân trâu cắt cỏ ngoài đồng
Một thời khói rạ mênh mông gió chiều
Một rừng tuổi đại bông - xiêu
Một cơn gió lộng cánh diều đứt dây

Lạc đàn thương tiếng - sáo kêu
Trong ca dao mẹ đặt đầu lòng con
Ai ơi chân cứng đá mềm
Tình quê ngun ngút vẫn còn
mùa xuân.



Hoa chuối rừng

NGUYỄN NHÃ TIÊN

Khúc chiều xuân

Dầm vạt nắng vàng không niu nổi
ngày đi mất hút cuối trời không
nhẹ nhàng đến vậy mà thế kỷ
nhớ gì ai sợi khói bay vòng

Về vơi chi mộng đêm trừ tịch
bóng đã tà dương, ánh chứt lòng
thoảng gót xuân hồng sương lấm tấm
cay xè con mắt ngó thình không

Em chợt thương chiều buồn vô cớ
hay là lấm lỗi mắt tôi trông
ngoài hiên gió đã theo mùa tôi
ngõ vắng dần em tuổi lấy chồng

Giot nguyệt cảm rơi chừng cũ lắm
rêu đầy một bến kẻ qua sông
sầu đông còn tiếc cảnh đêm là
tôi giữ hoài gió vẫn cô phong.

TUYẾT NGÀ

Sóng Đổng chiều cuối năm

Những chiếc lá vừa ủa vút mình vào
hư không
bên dòng sông ngầu đỏ bần cợt trời
ngang cầu.
Bao nhiêu thế kỷ trước con chuồn cất
cánh bay
bao nhiêu thế kỷ nữa cỏ xanh đầy
mặt trăng?
Sóng Đổng chiều cuối năm cát giải
triển dề nhỏ

trút thắm hồng một thuở đào phai tàn
bây giờ.
Có anh và có em mà sương chiều rấm rứt
không anh và không em ngàn sau
xuân vẫn biếc.
Nào thôi con đường nhỏ quanh co nữa
làm gì
lòng đâu còn ánh lửa mà ta về
lối khuya.

NGUYỄN BẢO CHÂN

Bóng sen

Chôn chân sen đứng trong bình
Nhớ tiếc gương hồ ngàn ngát
Nhớ tiếc bóng thời xuân sắc
Thì thắm sen nở cùng sen

Thắm cho hết một đời hương
Ngút ngàn mắt môi xiêm áo
Tưng bừng những cánh thuyền hoa
Trôi suốt mùi thơm hư ảo

Mùi thơm gọi gọi bóng sen
Bình còn bơ vơ mấy dạo....

22-6-2001

LÊ HOÀNG ANH

Bình minh trên cỏ

Những khoé mắt mặt trời
Đầu thành sương ngũ sắc
Cỏ cũng như cỏ mặt
Đất hình như nhìn tôi.
Mắt người ấy xa xôi
Sao lại về trên cỏ
Cử như là trách nhỏ
Dù bình minh đang rơi.

Mắt sương ơi đừng xoá
Nhật nhòa đầu chân cỏi.

Trong lòng bàn tay ấm
Mắt sương có mây trời
Thu vào trong mắt ấy
Có cả bóng hình tôi.

Ban mai là lá cỏ
Hừng mai mắt sương rơi
Trong bình minh miền nhỏ
Trải rộng khắp lung đối.

Đường mòn xanh ký ức
Bước thời gian nhẹ nhàng

NGUYỄN TRUNG HIẾU

Phía ấy mặt trời lên

Khi cô mặt trời
chưa có anh và em
tiếng mang "tác" trước tiếng gà gọi sáng
núi trong mây, rừng cháy nắng
Đak-Ring lặng lẽ xuôi dòng
và khi mặt trời khuất dãy Ta-Man
đêm đổ xuống bịt bùng hoang dã.

mặt trời đầu muốn ngủ trước đêm
vắng sáng dịu kỳ mọc dậy
thủy điện Ta-Man
soi bóng dòng sông, thác quảy
tiếng xe reo hối hả công trường
con trẻ riu rạn
lao xao
người như hội

Từ lúc có con người đến ở
có anh và có em

Ơi Đak-Ring, ơi bao con suối
Ơi Ta-Man, phía ấy mặt trời lên.

QUÁN cà phê Kiểu Dung đầu dốc Cẩn, luôn chật cứng khách vào mỗi buổi sáng. Mà toàn khách loại sang. Bên ngoài những bộ bàn ghế song mây kê dưới mái hiên rộng là những dãy xe máy mới toanh, bóng lộn. Người ta có thể tìm thấy ở đây những loại xe máy đắt tiền nhất, đời mới nhất. Song gần ba tháng nay, tất cả những loại phương tiện sang trọng ấy dường như bị lu mờ, ít được người ta bàn tán tới bởi sự xuất hiện đều đặn của ông Tam với phương tiện đi uống cà phê của mình. Ông từ bên kia quả đồi, xuống đây uống cà phê bằng... ngựa. Một con tuấn mã với bộ yên cương vô cùng sang trọng! Khi con tuấn mã rung bõm đứng dưới cây bàng trước quán, tất cả đều thật sự trở thành một dãy sắt thép vô hồn. Mọi người đều bàn tán về con ngựa và đều nghĩ ông Tam cùng cách đối đãi rất chi là "thời thượng" này.

Gia đình ông Tam hành nghề xe ngựa chở khách mang tính cha truyền con nối. Xe ngựa khách của ông chuyên chở người từ làng Đồi vào thành phố và ngược lại. Cái nghề này xưa còn khấm khá nhưng bây giờ thì ngày một ế ẩm đi. Ế ẩm bởi có quá nhiều những phương tiện chuyên chở hiện đại chạy ngang qua làng Đồi này. Kinh tế gia đình ông Tam vì thế ngày càng sa sút. Ông đã có lúc tính bán đi chiếc xe ngựa, tìm cho mình một nghề gì đấy cho hợp thời, hợp sức hơn. Nhưng mãi rồi ông cũng chẳng tìm cho mình được công việc gì hơn là... xà ích. "Dù gì nó cũng là nghề của ông bà mình để lại, bao giờ thực sự không còn người khách nào đi xe, rồi hẵng tính", bà Chụ vợ ông thường bảo thế mỗi khi thấy ông cặm cụi tu bổ xe hay mệt mỏi công về những bao cỏ ngựa. Điều ấy chẳng khi nào xảy ra, bởi ông luôn luôn có một số các bà khách ruột ở làng Đồi này. Các bà khách với những gánh gồng lịch kịch, vừa ngại lên xuống những phương tiện hiện đại, vừa quen và ghiền nghe tiếng vó ngựa gõ trên đường. Quyết tâm, nắm nuôi với nghề của cha ông như thế thành ra kinh tế nhà cũng gọi là lay lắt theo xe, tuy không no đủ lắm. Thời may gần năm nay, đứa con gái độc nhất của ông bà, cô Nữ khi nghe cha muốn đổi nghề đã tình nguyện đi làm để kiếm thêm, bù vào lợi tức ngày một thu hẹp của con Mã. Nữ bứt ra khỏi việc cắt cỏ ngựa, cấy thuê cuốc mướn, làm cho khách sạn Trùng Dương. Đây là một khách sạn liên doanh giữa Việt Nam và Đài Loan, lương thưởng cũng khá nên đã giữ lại được phần nào sự tụt dốc của nghề nhà.

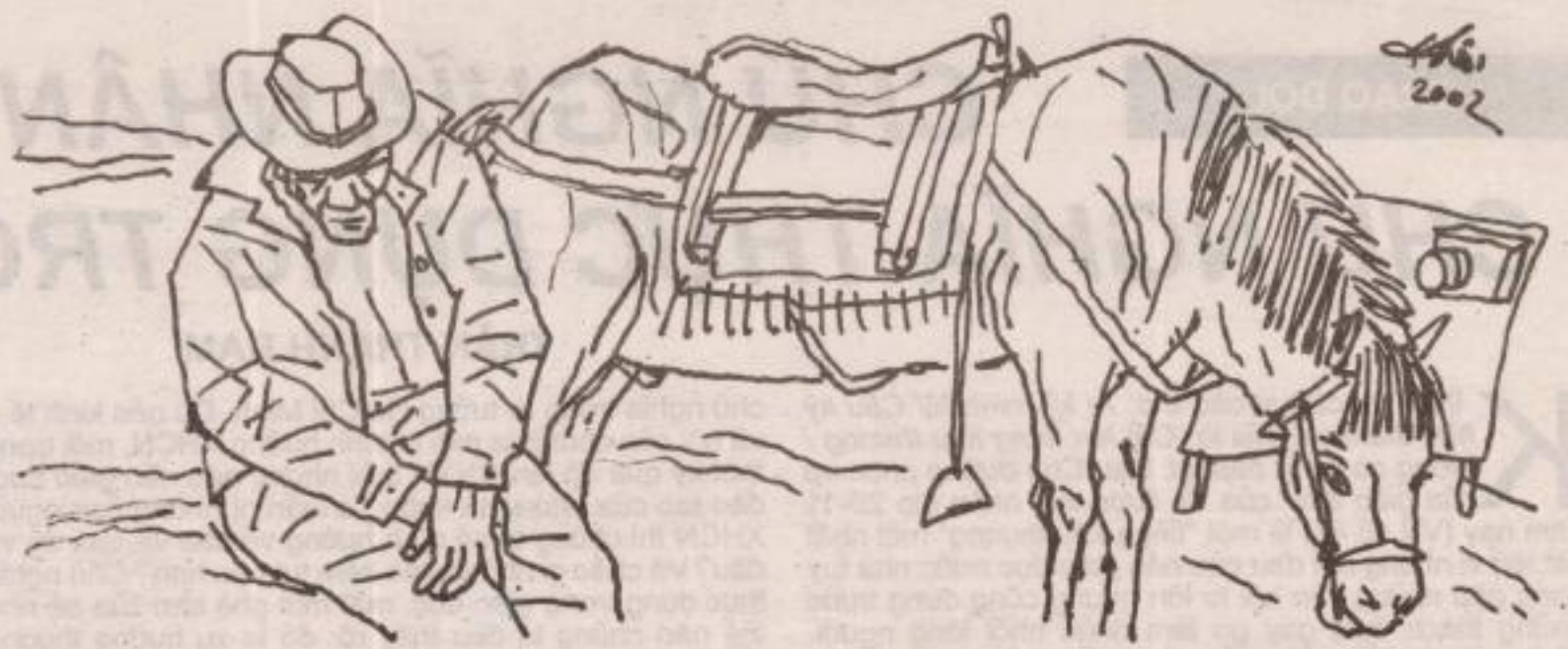
Sự đời nhiều lúc oái oăm. Bán cùng bắt năng đi nhưng phú quý có khi lại làm cho người ta thay đổi. Thậm chí thay đổi cả cái nghề xà ích mang tính cha truyền con nối như ông Tam. Đâu đâu việc cư dân dọc đường làng Đồi không còn được nghe tiếng vó xe ngựa quen thuộc nữa bắt đầu là từ cô con gái rượu của hai ông bà. Do làm ở nơi liên doanh với nước ngoài nên Nữ quen với một người Đài Loan. Ông này tuy lớn tuổi song đã nhanh chóng dẫn tới tình yêu rồi hôn nhân với Nữ. Đây là cuộc hôn nhân do hai người tự quen biết, tìm hiểu và đến với nhau. Hoàn toàn khác với những cuộc "lấy chồng ngoại" qua mối mai, dịch vụ i xèo đầy bất trắc như ông bà Tam thường nghe báo, đài đưa tin, đăng tải. Hơn thế nữa, ông rể Đài Loan này lại làm việc cùng khách sạn với Nữ. Con gái tuy lấy chồng ngoại nhưng vẫn ở Việt Nam. Đây chính là điều khiến hai ông bà bằng lòng, chứ không phải vì món tiền "nạp tài", "dẫn cưới" vô cùng béo bở của chủ rể. Ông nghĩ đánh xe ngựa hai hôm và việc "lên xe hoa" của Nữ diễn ra đúng bài bản, thủ tục và hết sức trang trọng ngay nơi khách sạn con gái và rể làm...

Hôm Nữ đưa chồng về làng Đồi thăm nhà, ló ngó thế nào chiếc xe con bóng lộn của chàng rể lại song hành cùng cỗ xe ngựa cũ kỹ đang chờ khách của ông Tam. Lý Đại Lợi - tên chàng rể - tỏ ra vô cùng thích thú khi thấy chiếc xe ngựa có một không hai trong đời mình này. Mà đó lại là xe của cha vợ! Khi về đến nhà, Lý khẩn khoản xin được cho dạo một vòng bằng xe ngựa xuống phố. Lần đầu tiên trong đời, ông Tam "tróc" ngựa, ra rôi mà trên xe chỉ chở một người duy nhất trước bao cặp mắt đổ ra đầy ngạc nhiên của bà con làng Đồi...

Sau đó thì lần nào về thăm nhà vợ, Lý cũng xin được ngồi xe ngựa. Cứ như thế anh ta về chỉ vì mục đích này. Lý còn đặt làm hai tấm bưng gỗ chạm vẽ theo tranh "Tứ mã tề phi" của danh họa Tử Bi Hồng treo hai bên hông xe.

- Đã đến lúc phải bán chiếc xe ngựa này thôi, bà nó ạ! Ông Tam lâu lâu nói với vợ ngay sau lần về thăm mới đây của chàng rể.

Số 1 (5 - 1 - 2002)



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

Con Mã làng Đồi

Truyện ngắn của LÊ NGUYỄN NGŨ

- Sao lại phải bán xe?
- Thật chả hay hớm gì khi cứ phải làm phu xe cho con rể mỗi khi nó về thăm mình.

Bà Chụ nín thinh.

-Hàng xóm làng Đồi người ta cười cho!

Ông Tam nói vậy bà thấy cũng phải. Dù thẳng rể sống theo lối Tây thấy lạ và thích thú mặc lòng, nhưng một đôi lần chơi thì được, còn đằng này..., bản thân bà cũng thấy chường chường.. Ông Tam lại già rồi, không kể con rể chu cấp tiền bạc có thể sống thong thả, việc bưng bê hành lý khách đi xe đã phần nào bắt đầu quá sức của ông. Bà buồn rầu nói:

- Thôi thì... tùy ông!

Thế là ông Tam bán chiếc xe ngựa cũ kỹ của cha ông để lại cho một người tân ngoại Phú Hải. Khổ cái, người này chỉ mua có mỗi chiếc xe, không chịu mua con Mã, viện lẽ rằng nó quá già. Mã, như tên gọi, tuy là ngựa hay song đã ở kéo xe với ông bà hơn hai mươi năm rồi. Ngày nó về nhà này cũng là ngày con Nữ chào đời. Bây giờ Nữ đã lấy chồng nhưng nó vẫn còn kéo xe được. Ngựa là hay vậy. Hay nhưng với tuổi già liệu nó kéo được bao chuyến nữa? Người ta không mua cũng đúng. Ông Tam chẳng cần lắm điều này, miễn rằng chiếc xe ngựa không còn để ông phải làm phu xe cho thẳng rể nước ngoài là đủ. Còn con Mã sẽ tính sau.

Hôm về thăm, nghe ông đã bán chiếc xe ngựa, Lý Đại Lợi rất buồn. Nó bảo ông cần bao nhiêu tiền nó giúp, chiếc xe ngựa nếu họ cho chuộc lại giá nào nó cũng chi. Lý đâu biết rằng ông bán chiếc xe ngựa cũng chính vì sợ sự yêu thích quá trớn đó của con rể. Nhìn nó lũng thũng dắt con Mã ra bãi cỏ bên nhà, ông cũng thấy hối hận. Nhưng biết làm thế nào! Ông cũng đã đến tuổi hết cấm rôi ngựa được rồi. Vô lễ lại duy trì cả chiếc xe vào chỉ mỗi việc mười bữa nửa tháng rể về để làm phu cho nó!

Cũng phải công nhận thẳng rể Đài Loan của ông đúng là người mê ngựa. Mê còn hơn cha ông Tam ngày xưa. Khi Lý dắt con Mã ra đến bãi cỏ, nó "chăm" một tràng cả miệng lẫn tay với ông ý muốn cưỡi ngựa dạo theo vòng đồi. Ông Tam phụ đỡ Lý lên lưng ngựa. Để thường thẳng rể của ông nặng ngót nghét gần tạ. Khi nó ngồi lên, lưng con Mã oằn đi và hai chân trước run run. Ông Tam chưa biết nói thế nào cho rể xuống thì sau cái thúc gót của Lý, con Mã mới dậm bước bỗng té khuỵu ngay. Cùng với tiếng hí thăm thẳm, người ngựa lăn quay làm thành một đám bụi giữa con đường đất đỏ. Cũng may Lý chẳng việc gì song con Mã bị tẹo gối chân phải trước. Ông cùng Lý xúm vào đỡ dậy nhưng nó chỉ ở thế cúi mũi, chống mõng chừng mười giây lại lăn kềnh ra cùng với những tiếng hí thăm thiết. Giống ngựa từ lúc lọt lòng đến khi sắp chết chẳng biết nằm bao giờ nên con Mã đã cố đứng lên. Mỗi lần cố đứng lên lại một lần lăn đùng ra, với bọt mép là những tiếng hí nghe khàn khàn. Cuối cùng với sự giúp đỡ đầy kinh nghiệm của ông Tam, hai người cũng diu được nó về tàu ngựa...

Sau đợt ấy, ông Tam quyết định bán con Mã để góp tiền mua con ngựa Kim Hồng trẻ khỏe trên Ma Lâm. Chỉ có con này mới chịu nổi sức nặng bổ tượng của rể ông. Mua để mỗi khi rể về làng Đồi nắng gió này có

cái để nó người ngoại thú đi xe ngựa và ông cũng được "độ chân an theo" mỗi khi xuống thành phố.

- Trước người ta còn chề, bây giờ ai lại ngu mua về con ngựa vừa già, vừa đi cà nhắc và giục như con Mã? Bà Chụ nói.

- Vậy tôi tìm có người chịu mua mới hay!

Bà Chụ nín chống nghị ngờ:

- Ai vậy?

Ông Tam vẫn ra chiều bí mật:

- Ai có người mua thì thôi, mà bà có bằng lòng bán nó không đã?

Bà Chụ thở dài:

- Thì... tùy ông! Nhưng nghĩ mà thương con ngựa, đã bao nhiêu năm đồng lao cộng khổ với mình, giờ đành phải sang tay người khác.

- Vật dưỡng nhơn, chỗ nói như bà thì làm sao!

Hôm khách mua đến, bà Chụ vô tàu dắt con Mã ra. Nó vừa khập khiêng đi vừa chảy nước mắt. Bà Chụ thấy vậy cũng ngậm ngùi. Bà vuốt lấy đầu nó, vỗ về:

- Thiệt cực chẳng đã mẹ mới "gả" con. Con đã già lại què quặt nhưng họ chịu mua chắc cũng là người độ lượng, nhơn tử... Con cứ an tâm về với họ.

Lúc ngồi trong nhà lắng nghe câu chuyện mua bán ngựa giữa ông Tam và khách bà Chụ vô cùng ngạc nhiên. Khách mua ngựa làm gì toàn tỉnh thịt, xương, da... chẳng nghe nói thổ, kéo chi cả!

Khi khách đi rồi, bà Chụ vội hỏi chồng:

- Người đó là ai vậy, hở ông?

- Chủ tiệm... phở bò Phương Nam, hẳn trả rẻ quá!

Bà Chụ thất kinh:

- Thôi, thôi, thôi! Tui biết lão ta mua nó để làm gì rồi. Không bán, tui nhất quyết không bán con cho mục đích đó đâu ông ơi! Đã bao năm nó ăn ở với mình...

Bà Chụ vừa ngoáy trầu vừa ôn nghèo kể khổ từ ngày con Mã bắt đầu về với nhà mình và khóc... Trong thâm tâm ông Tam cũng thấy bất nhẫn khi phải bán con ngựa đã gắn bó bao năm cho hàng phố. Nhưng chẳng lẽ lại... ngày nào cũng cắt cỏ nuôi không nó đến chết?

- Ông thiếu tiền mua con Kim Hồng, hãy lấy chiếc nhẫn bà ngoại con Nữ cho tui để thêm vào. Nhất quyết không bán cho hàng phố con Mã, nghe ông!

Trước sự quyết liệt của vợ, ông Tam đành phải để Mã "đứng chơi xơi cỏ", nhưng vẫn mua con Kim Hồng. Nhà ông dạo này nhờ con gái và rể, cũng khá thong thả. Ngoại trừ ngày Lý về thăm thôi, còn cứ sáng sáng ra ông thường cưỡi Kim Hồng xuống thành phố... uống cà phê. Rồi về ông lại vác cuốc tể nó vào chăm sóc miếng rẫy gần trong núi Ba Hòn. Riêng con Mã tạm gọi là thoát khỏi đao thốt của hàng phố Phương Nam, song cũng có lúc làm ông "nhức cả đầu". Những xế chiều thả rong quanh đồi, mấy đứa nhỏ mê ngựa bu quanh con Mã leo lên tụt xuống, hò hét như đám giặc. Con Mã rất khôn và hiền, nhưng ai dám chắc ngựa nào mà chẳng đá? Nó búng cho mấy đứa nhỏ một phát, nội tiền cơm thuốc cũng đã hết hơi! Còn cột vào tàu, Mã lại loàm ngoàm sang tiêu chuẩn lương thực khá đặc biệt thẳng rể mua cho con Kim Hồng. Ông Tam lại nhắc đến hàng phố Phương Nam. Bà Chụ lại kiên quyết phản đối.

(Xem tiếp trang 9)

CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN VÀ CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG TRONG GIÁO DỤC

TRẦN THANH ĐẠM

KINH Thi có hai câu thơ: *Ai kỳ minh hĩ/ Cầu kỳ hữu thanh*. Nghĩa là: *Cất lên tiếng kêu thương/ Mong có tiếng đáp lại*. Bài "Con đường phục vụ của giáo dục" của tôi được viết nhân dịp 20-11 năm nay (VN số 46) là một "tiếng kêu thương" mới nhất cất lên vì những nỗi đau của nền giáo dục nước nhà tuy đang gặp những vận hội to lớn nhưng cũng đứng trước những thách thức gay go làm nhức nhối lòng người. Khác với các lần trước, lần này "tiếng kêu thương" của tôi sớm có "tiếng đáp lại", có lẽ do trong tiếng kêu của tôi không chỉ có nỗi đau mà hình như có cả sự phản kích nữa, và đó cũng là chủ ý của tôi. "Tiếng đáp lại" đó là của giáo sư Nguyễn Trọng Di (NTD), một nhà giáo lão thành, cũng như tôi thân về hưu mà tâm chưa hưu, cũng đã từng nhiều lần "kêu thương" vì những nỗi đau của nền giáo dục hiện thời. Bài viết của anh "Văn học và giáo dục khác nhau chứ?" tuy với bài của tôi chưa phải hoàn toàn đồng điệu nhưng bên trong đều xuất phát từ một mối đồng tâm: cùng băn khoăn và mong mỏi cho sự nghiệp giáo dục của chúng ta bước sang thế kỷ XXI được tốt đẹp hơn, đáp ứng với ý Đảng, lòng dân nhiều hơn. Sau đây là đôi điều trao đổi lại với giáo sư mà tôi gọi tắt là anh NTD.

1. Mở đầu bài của mình, anh NTD viết: "Tác giả Trần Thanh Đạm trong bài viết... muốn sử dụng một lời cảnh báo ở lĩnh vực văn học vào lĩnh vực giáo dục, mong để phòng thái độ thực dụng thô lỗ, thiên cận trong quan niệm phục vụ đối với giáo dục. Lời cảnh báo của một nhà giáo đồng thời là nhà văn này thật đáng trân trọng". Tôi cảm nhận đây là lời vàng ngọc, tri kỷ, tri âm. Anh NTD đã thấy rõ cái chủ ý trong bài viết của tôi. Quả thật, dù triển khai bao nhiêu lời lẽ và lý lẽ, cũng có khi cố ý thâm xung lên để gây ấn tượng, song chung qui điều tôi muốn lưu ý là: một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho nền giáo dục của chúng ta hiện tại gặp phải nhiều điều bất như ý là nó đang có xu hướng xa rời chủ nghĩa nhân văn (nói thẳng ra là chủ nghĩa nhân văn cộng sản) và sa dần vào chủ nghĩa thực dụng (cũng nói thẳng ra là chủ nghĩa thực dụng tư sản), nghĩa là trong khi nó cố tránh nguy cơ thứ nhất thì nó đang sa vào nguy cơ thứ hai trong bốn nguy cơ mà Đảng đã cảnh báo. Các biểu hiện của xu hướng tiêu cực này trong giáo dục chúng ta có nhiều, ảnh hưởng xấu đến chất lượng giáo dục kể cả về đức, trí, thể, mỹ, gây nên nhiều điều rối rắm làm cho chúng ta nhiều khi phân vân: kiểu người mà nền giáo dục chúng ta đào tạo là như thế nào đây? Có đúng như trung nghị quyết của Đảng (xem Nghị quyết Đại hội IX) và di huấn của Bác Hồ về "đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau, vừa hồng vừa chuyên", "thầy trò phải không ngừng nâng cao lòng yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tìm cách cách mạng gắn bó với công nông" v.v... và bao lời dạy khác nữa? Trong bài của mình tôi đã nhắc lại mục tiêu con người xã hội

chủ nghĩa trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Dù nền kinh tế - xã hội của chúng ta mới là định hướng XHCN, mới trong thời kỳ quá độ lên CNXH thôi nhưng nếu nền giáo dục - đào tạo của chúng ta không chuẩn bị những con người XHCN thì chúng ta sẽ định hướng về đâu và quá độ về đâu? Và chắc gì nhờ đó mà kém tụt hậu hơn? Chủ nghĩa thực dụng trong giáo dục, mặt mũi ghê tởm của nó như thế nào chúng ta đều thấy rõ: đó là xu hướng thương mại hoá giáo dục, nhà trường thành thương trường, kiến thức thậm chí cả thầy giáo trở thành hàng hoá trao đổi, mua bán, giáo dục trở thành chiếc cầu cho danh lợi, cho cuộc chạy đua vì đồng tiền, vì lợi ích vật chất, vì những ảo vọng giàu sang, bất chấp lương tâm, đạo lý v.v... Trong ngày 20-11, mọi người đều nói tới "tôn sư trọng đạo" song cái đạo mà ông thầy và nhà trường ta hiện đang truyền bá là cái đạo nào? Là hệ thống giá trị gì? Tôi cho rằng từ giáo dục phổ thông đến giáo dục chuyên nghiệp, từ giáo dục tiểu học đến giáo dục đại học, chúng ta đang đánh mất lý tưởng nhân văn dân tộc và cách mạng của chúng ta để chạy theo những ảo ảnh phồn vinh vật chất đầy cám dỗ và cạm bẫy. Bằng cách đó mà nói rằng sẽ đi tắt, đón đầu thế giới há chẳng là nghịch lý sao? Đánh mất lý tưởng nhân văn ấy thì giáo dục chúng ta đang đánh mất lý tưởng nhân văn rồi còn gì. Tôi biết bài viết của tôi có thể bị những người thực dụng về chính trị lên án là tách rời giáo dục với chính trị và những người thực dụng về kinh tế phê phán là không có quan điểm kinh tế trong giáo dục. Tuy nhiên, tôi đã nói rõ: "Cũng như văn học, giáo dục mà không thành giáo dục thì nó không phục vụ được cho ai cả". Giáo dục không thành giáo dục là giáo dục đánh mất chủ nghĩa nhân văn (cộng sản) và sa vào chủ nghĩa thực dụng (tư sản). "Cũng như trong văn học, đấu tranh để quân triệt chủ nghĩa nhân văn, khắc phục chủ nghĩa thực dụng trong giáo dục là một quá trình lâu dài và không phải dễ dàng như người ta thường tưởng". Đó là "tiếng kêu thương" của tôi, cũng là niềm tin của tôi về giáo dục cũng như về văn học. Tôi rất cảm ơn anh NTD đã bày tỏ sự "trân trọng" đối với điều đó trong bài của tôi. Cho đến chết, tôi vẫn bảo vệ niềm tin đó.

2. Tôi trộm nghĩ trên đây là chỗ "đại đồng" giữa tôi và anh NTD. Các điều khác chỉ là "tiểu dị", có khi chỉ là do chưa hiểu hết ý của nhau. Ví dụ như: sự khác nhau giữa văn học và giáo dục. Anh NTD đặt câu hỏi ngay từ đề bài: "Văn học với giáo dục khác nhau chứ?". Tất nhiên là khác rồi. Nếu không khác thì sao một bên là văn học một bên là giáo dục, nếu không khác thì hai bên đã là một rồi. Tuy nhiên, theo tôi cái chỗ khác "về cơ bản" không phải ở chỗ "một bên mang tính nhà nước, một bên không"; "giáo dục có Luật giáo dục còn các hoạt động kia thì không v.v..." như anh NTD khẳng định. Nếu nhà nước quản lý xã hội bằng luật pháp thì mọi hoạt động xã hội, cả giáo dục lẫn văn học, đều trong

khung khổ của pháp luật, trong phạm vi "hành lang pháp lý" của nhà nước. Giáo dục có Luật giáo dục, Văn học có Luật báo chí, Luật xuất bản, Luật bản quyền tác giả, có sao không? Giáo dục không thể vi phạm pháp luật, thế văn học thì được phép ư? Có lẽ nào. Không phải, về mặt này cũng như nhiều mặt khác, văn học và giáo dục có những điểm tương đồng. Như tôi đã nói, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, "văn học, nghệ thuật là một mặt trận..." thì giáo dục, đào tạo cũng là một mặt trận. Văn học nghệ thuật phục vụ Tổ quốc, nhân dân, xã hội, con người bằng đường riêng của mình thì giáo dục, đào tạo cũng thế, cũng có "con đường phục vụ của giáo dục", đó đều là con đường của chủ nghĩa nhân văn chân chính, xa lạ với mọi biểu hiện của chủ nghĩa thực dụng thiên cận. Anh NTD là nhà khoa học vật lý, anh thừa biết nếu chỉ thấy cái khác nhau mà không thấy cái giống nhau, chỉ thấy cái riêng mà không thấy cái chung thì không thể nào có tư duy khoa học. Văn học và giáo dục có trăm điều khác nhau thì cũng có trăm điều giống nhau. Nếu không thì làm gì có phương pháp so sánh trong khoa học, không làm gì có các khoa học so sánh, từ sinh học so sánh đến văn học so sánh.

3. Anh NTD còn bắt đồng với tôi về "sự khái quát về con người". Tiếc rằng về điểm này, anh không hề trích dẫn một luận điểm nào về con người của tôi, dù rằng trong phần cuối, bài của tôi đề cập đến hàng loạt quan niệm về nhân cách con người xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần lấy làm mục tiêu, làm chủ đích cho chiến lược giáo dục và cả cho thực tiễn giáo dục của chúng ta. Đó không hề là "luận điểm của chủ nghĩa cá nhân cho rằng cá nhân con người là tối thượng và đòi của xã hội phải được tổ chức tùy thuộc vào cá nhân" v.v... Có cảm tưởng rõ rệt rằng ở các điểm này, anh NTD phê phán "thoát ly văn bản", chỉ xuất phát từ suy nghĩ chủ quan của mình. Nhiều điều anh viết ra chính là tư tưởng của anh chứ không có chỗ nào là của tôi cả. Nếu tôi muốn tiếp thu sự phê phán của anh để sửa chữa sai lầm thì không biết chỗ nào mà tiếp thu. Gọi anh là chụp mũ thì cũng quá đáng, song suy diễn thì có. Cũng trên đà suy diễn đó, anh bàn đến vấn đề cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng mà ý kiến có phần quanh quẩn và không liên quan gì mấy đến trọng tâm vấn đề mà anh muốn góp ý với tôi.

Tôi đã nói trong phần mở đầu rằng tôi rất vui mừng khi thấy "tiếng kêu thương" của mình có "tiếng đáp lại". Song đầu sao, tiếng kêu cũng như tiếng đáp là. Của hai ông giáo già, kêu đáp với nhau, không biết có đến tai và đến tâm của ai không, nhất là những người đang trực tiếp đảm đương trách nhiệm của sự nghiệp giáo dục, những người quyết định tương lai của sự nghiệp giáo dục cùng với sự tồn vong của đất nước ta, chế độ ta, của sự nghiệp cách mạng được đánh dấu bằng bao nhiêu hy sinh và chiến công của nhân dân ta. ■

15-12-2001

MẤY Ý NGHĨ TẢN MẠN VỀ VĂN XUÔI VIỆT NAM THẾ KỶ XX

VŨ HUY ANH

CÓ thể nói, thế kỷ XX là thế kỷ hình thành và phát triển của văn xuôi Việt Nam. Sau một trăm năm ấy, văn xuôi Việt Nam đã lớn lên nhiều cả về số lượng tác giả, tác phẩm lẫn kỹ thuật văn chương. Trên mặt bằng trung bình, nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết xuất hiện cuối thế kỷ đọc thấy có tay nghề hơn nhiều tác phẩm cùng thể loại hồi đầu và giữa thế kỷ, nguyên thể không thôi cũng đã là điều đáng mừng, huống hồ vào vài, ba thập niên cuối thế kỷ, chúng ta còn có một số truyện ngắn, tiểu thuyết rất xuất sắc.

Cũng vào những năm cuối của thế kỷ XX, cùng với nhu cầu đổi mới đất nước, xuất hiện ý hướng đổi mới văn chương, mà muốn vậy, tất phải đánh giá lại kết quả, thành tựu, đặc biệt là với thời kỳ văn xuôi cùng văn nghệ nói chung, vừa làm nghệ thuật vừa đánh giặc. Sự ưu tiên từng lúc, từng nơi, ở tác giả này, tác phẩm khác cho sự sinh tử, sống còn của dân, nước cũng là điều dĩ nhiên, cần thiết và dễ hiểu. Chỉ sẽ là bất cập khi dân tộc, đất nước đã sang một trang sử mới mà văn xuôi Việt Nam vẫn viết lách như trước, nặng về tuyên truyền, thời sự. Tuyên truyền, thời sự luôn luôn cần thiết đối với xã hội; nhưng lúc này đã có đội quân truyền thông - báo chí hùng hậu và

hiện đại đảm nhận, chẳng còn cần đến văn xuôi, với nữa văn xuôi có muốn chạy theo cũng chẳng kịp. Thì xin là những người viết văn xuôi hãy quay về với những truyện ngắn, tiểu thuyết thuần văn chương. Cách đây ba, bốn thập niên khi Giáo hội đạo Thiên Chúa họp Công đồng Va-ti-căng II để bàn việc cách tân đạo Chúa, thì cũng đồng thời kêu gọi Giáo hội trở về nguồn, về với đạo Chúa lúc khởi thủy. Sự đổi mới văn chương Việt Nam, nói chung, văn xuôi, nói riêng, có lẽ cũng giống vậy: Trở về chính văn chương.

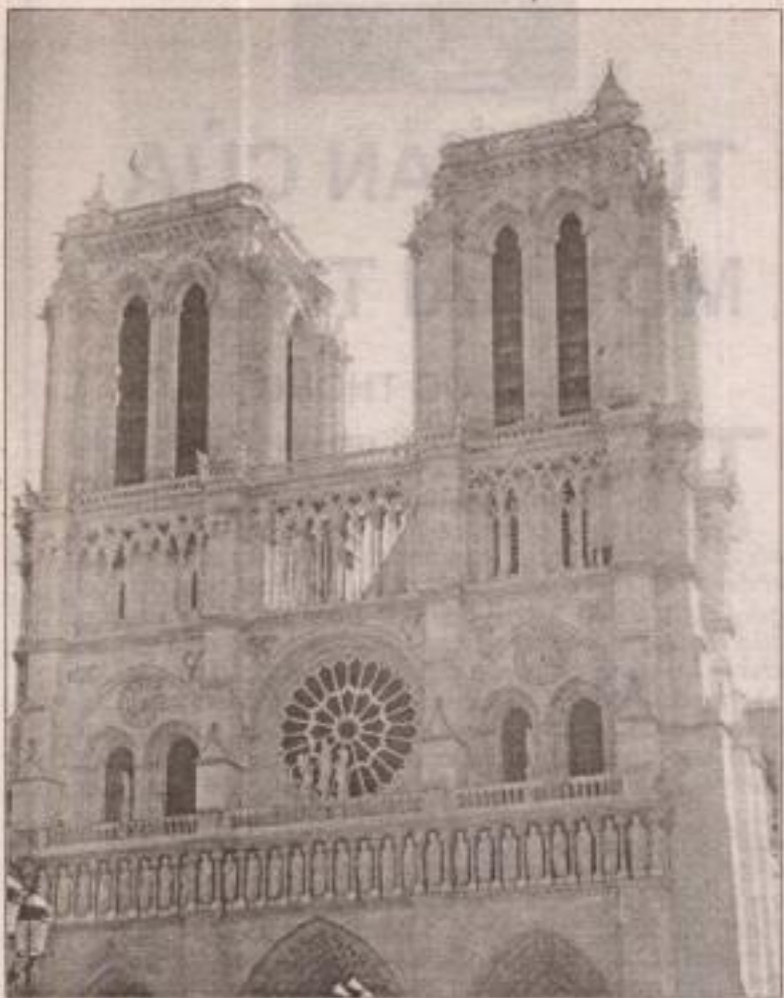
Nhân nói đến mối quan hệ giữa thông tin - tuyên truyền và văn chương ở nước ta, không thể không nghĩ đến nghề văn và nghề báo. Văn xuôi lúc sơ khởi cũng nương dựa vào báo chí không ít, nhiều nhà văn từ nhà báo mà nên, một số người vừa là nhà văn, vừa là nhà báo. Đến những năm đánh giặc và thời kỳ đầu xây dựng lại miền Bắc, phân biệt được rạch ròi đầu báo, đầu văn kể cả tác giả lẫn tác phẩm, e là khó. Tuy nhiên thiếu một đội ngũ nhà văn chuyên nghiệp vẫn là một sự thiệt thòi lớn cho nền văn chương nước nhà. Trong nghệ thuật muốn giỏi thì phải chuyên. Những tưởng sang thời kỳ đổi mới thì được chuyên, thì có nhiều người chuyên, hoá ra lại không phải. Mười năm trở lại đây càng ngày

phải chứng kiến sự "lấn sân" của báo với văn: Sách văn chương thì ế ẩm trước báo chí, truyện hình, báo chí có đăng văn xuôi, trước hết cũng chọn truyện câu khách, nhiều nhà văn bỏ viết văn chuyển qua viết báo để mưu sinh, đến sự phê bình, giới thiệu một tác phẩm văn chương dường như cũng tùy thuộc vào cái yêu cầu bán chạy của tờ báo, hơn là giá trị thực đáng lẽ phải có của bài phê bình, nhằm phản ánh giá trị thực của tác phẩm được phê bình. Bóng đá nam, rồi gần đây cả bóng đá nữ cũng được chuyên nghiệp hoá với bao nhiêu là đội, là người, mà nhà văn chuyên nghiệp ở nước ta được mấy móng, nghĩ cũng buồn.

Nhiều người nói văn xuôi, nhất là tiểu thuyết gần đây có chứng lại, ít xuất hiện những tác phẩm hay. Tôi cũng thấy như vậy và cũng sốt ruột cho mình, cho người, nhưng làm thế nào vượt lên được, quả cũng khó. Loay hoay chỉ đi tìm hình thức, theo lối không cần biết viết cái gì, chỉ nên quan tâm xem viết như thế nào, e rằng cũng không phải là thần dược làm bốc lên được những lực sĩ của văn xuôi. Người đọc tìm đến một tác phẩm văn xuôi vẫn là muốn đọc thấy một cái gì, một chuyện gì, chuyện có hay không, chứ ít ai đọc truyện chỉ để xem người viết truyện đặt câu thế nào, kể chuyện theo

lối có trước có sau, hay cho đồng hiện lên bao nhiêu người, bao nhiêu chuyện cùng một lúc... Cho nên vấn đề vẫn là chọn được cái viết, rồi làm sao viết cái mình muốn viết cho hay, cho lời cuốn được người đọc. Chỗ khó chính là ở đây. Sự nói ngược những điều lâu nay người ta vẫn nói, vẫn viết, cốt để tỏ ra ta khác, ta mới, đã không còn thu hút được mấy ai. Chuyện tình yêu tay ba, tay tư, hay uỷ mỵ, suốt mười tám đời hàng trăm trang, cũng ít còn sức hấp dẫn, băng hình và các phụ trương báo chí diễn tả "tốc độ" hơn nhiều, mùi mẫn, "tươi mát" hơn nhiều, chẳng cần cố căng mắt chống buồn ngủ trước một cuộc truyện dày cộp. Còn sự quan sát, chất lọc giữa những bộn bề, chưa định hình của cuộc sống xã hội hôm nay để rút ra một cái gì có thể viết, mà không rơi vào tốc tả như báo chí, rõ ràng là việc người viết văn xuôi cần có thời gian. Thế nên sự chậm có tác phẩm văn xuôi xứng tầm với đời sống xã hội hiện đại cũng là điều có thể hiểu được. Ngoài ra thì cũng rất cần một sự định hình, một ý hiểu rộng rãi, nhất quán về nhiều vấn đề tư tưởng, nếu không sẽ rất khó cho nhà văn, vì nói đến văn chương, đặc biệt là văn xuôi, là không thể bỏ qua yếu tố tư tưởng. ■

NGUYỄN QUANG THIỂU



Nhà thờ Đức Bà Paris sau khi được tu sửa

PARIS ĐỜI THƯỜNG

PHAN QUANG

lớn phía đại lộ Edgar Quinet đi vào không xa, tôi nhìn thấy một ngôi mộ mới xây, thiết kế khá đẹp. Dòng chữ vàng cho biết nơi đây yên nghỉ ông Henri Langlois sinh năm 1914 mất năm 1977. Nhà sáng lập Viện lưu trữ phim điện ảnh Pháp, Nhà xây dựng Bảo tàng ximêna, kèm theo là một câu trích trong ngoặc kép của thi hào Jean Cocteau tôn vinh người nằm ở đây vốn là "Con rồng chăm lo gìn giữ các kho báu của chúng ta". Mộ ông đặt bên cạnh ông em sinh thời là luật sư toà thượng thẩm, qua đời sau ông anh mấy năm.

Theo ý kiến một tờ tuần báo lớn xuất bản ở Paris cách đây chưa lâu, dường như tại Pháp hiện nay vừa nảy sinh một thiên hướng là cố gắng làm đẹp các nghĩa trang, nhằm giảm bớt vẻ "xám xịt và vô danh" của các mộ chí trong đó. Chủ xưởng là nhà điêu khắc Pierre Aubert. Ông này khẳng định "Nền nghệ thuật về việc tang không chết đâu".

Ông quả quyết, nền nghệ thuật ấy đã có nhiều nghìn năm lịch sử vì nó ra đời cùng với những nghi thức tang chế thời thượng cổ. "Hãy nghĩ đến các kim tự tháp Ai Cập thì đủ rõ", người nghệ sĩ nói đầy tự tin. Ông đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm, giới thiệu tác phẩm của các nhà điêu khắc về các mẫu mộ chí, về các bình đựng di hài đủ kiểu đủ dạng. Có cái nhỏ để đặt lên lên sỏi. Có cái lớn kê trên chiếc ghế để có bánh xe lăn. Lại có cái bàn kèm sợi xích để treo trong phòng nếu bạn thích. Như vậy các thành viên trong gia đình vừa được gần gũi nằm tro còn lại của người thân đã khuất, vừa có thêm một vật trang trí mỹ thuật. Một vài nhà kiến trúc và điêu khắc ngày nay – vẫn theo lời tờ báo – thỉnh thoảng lại nhận được thư đặt hàng, nhờ giúp thiết kế và trang trí... mộ.

Để phục vụ việc tang, ở góc đại lộ Edgar Quinet và phố Emile Richard có cả một dãy hiệu lớn và sang trọng chuyên bán những mặt hàng phổ thông dùng trong nghĩa địa. Các phiến đá dùng ốp lên mộ chí nhỏ to nhiều cỡ và làm bằng vật liệu khác nhau, từ granito mài nhẵn cho đến cẩm thạch đen đặc tiền nhập khẩu từ Italia. Giá cả chênh lệch từ hai trăm đến hai nghìn franc một tấm. Nhiều cái đã chạm sẵn hình trang trí: trái tim non, con chim nhỏ, đoá hoa hồng hoặc hình Chúa Hải đồng. Có sẵn những câu thường tiếc ngậm ngùi được sáng tạo nên, thuận tiện cho khách chọn theo thị hiếu và túi tiền. Còn có thể chọn hoa mang vào viếng. Hoa tươi, hoa lụa, hoa ny lông, hoa nhựa... Giá bán từ mười franc một cum hoa tươi cho đến cả ngàn franc một bình hoa giả cầu kỳ.

Tôi để ý một hiệu khi thơ thần trong nghĩa trang Montparnasse. Cũng như ở mọi nghĩa trang, trên các ngôi mộ có hoa của người thân. Có hoa còn tươi rói, có hoa bắt đầu héo, có hoa lại tàn, có hoa đã khô xác... Nhìn hoa đủ rõ thời điểm và nhịp độ các cuộc viếng thăm thừa hoặc nhạt. Lại có

những hoa luôn luôn đẹp, luôn luôn tươi – chắc đây là sự tưởng nhớ của những người thân giàu có muốn tiết kiệm... thời giờ vàng ngọc, nghĩ cách dùng đồng tiền thay cho tình cảm, dùng hoa giả thay hoa tươi.

Tháng ba, mùa xuân chớm về, hàng cây bên tường nghĩa trang đã ra nhiều lộc, song trời còn lạnh. Tôi bước ra khỏi nghĩa trang vào lúc xế trưa ngày chủ nhật. Không ngờ Paris có những lúc yên tĩnh thế này. Những dãy ô tô đỗ sát vỉa hè đều ngủ yên. Máy hiệu cả phê – quán rượu đầu phố chưa đến giờ mở cửa. Dăm con chim bồ câu đậu trên cành cây còn trơ trụi. Những người vô gia cư hoặc khách vắng lại cơ nhờ nằm ngủ ngon lành trên các chiếc ghế gỗ dọc vỉa hè. Những chiếc ghế ở đây tựa lưng vào nhau – đúng hơn là hai ghế chung một chỗ tựa. Trên băng bên này, một người khoanh tay lên ngực ngủ. Băng bên kia, một người quay lưng lại ngủ. Trên chiếc ghế đằng kia, một người ngồi ngủ, dáng điệu mệt mỏi, chiếc ba lô đặt bên cạnh. Nếu những người bất hạnh này vào được trong nghĩa trang, họ có thể tìm nhiều chỗ ngả lưng rộng và thoải mái hơn, song họ thường bị người gác cổng chặn lại, không cho bước vào. Có vào được chẳng nữa thì cũng không được phép ngồi lâu hay nằm lại ở bất cứ đâu. Gió của họ chưa đi. Và chẳng cái nghĩa trang này đâu có phải được xây nên để chờ đón họ.

Những con người mà ta quen gọi là người lang thang cơ nhỡ, hoặc những người không có họ hàng thân thích không nơi cư trú, tìm lại những người vô gia cư, thì bên Tây người ta khéo dùng chữ bóng bẩy hơn chuẩn xác hơn. Người ta gọi đó là những "người lang thang nơi cư trú cố định", sans domicile fixe. Ta vẫn thường gặp các SDF ấy trên truyền hình vào những ngày đông tháng giá khắc nghiệt, khi nhiệt độ ngoài trời ở độ thành Paris tụt xa xuống dưới con số không. Mỗi năm đến cứ này, báo chí lại đưa tin ở phố nọ phố kia có người chết công, có người phải đưa vào cấp cứu tại bệnh viện lâm sàng. Các tổ chức từ thiện lại hô nhau đưa xe đi nhặt họ đang tránh gió rét ở một góc ngõ cụt nào, đưa về những nơi cư trú tạm thời: trường học nghỉ đông, kho hàng bỏ trống. Lại thấy học trên ti vi chiếu những nỗi xùp bóc lột và dòng người với những khuôn mặt sạch sẽ đổ ập vào vỉa hè vừa được vào tẩy uế thân thể trong nhà tắm nước ấm ra, xếp hàng nhận suất ăn. Lại có nhiều dãy giường trải những tấm ga sạch sẽ chờ họ. Báo chí cho biết, mỗi đợt rét như vậy Nhà nước và các tổ chức từ thiện đã giúp cho những bao nhiêu chục thậm chí cả trăm người được ăn no ngủ ấm vài đêm. "Nhưng rồi nhiều người tìm cách trốn ngay khỏi nơi họ được tập trung, vì họ không thích cuộc sống tù túng, vì sinh hoạt ở đây không phù hợp với nếp sống quen thuộc của họ, v.v và v.v..." – nghe có phát thanh viên xinh đẹp trên truyền hình nói vậy thì tôi biết vậy. Không nghe truyền hình phân tích số người được giúp đỡ đợt xuất này chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần nghìn phần vạn trong số mười mấy triệu cư dân của đô thành hoa lệ.

Tất nhiên xã hội giàu có đến đâu cũng vẫn có ăn mày. Tôi quan sát thấy ăn mày bên Tây không có được sự tự do thoải mái như ở bên ta. Ta hơn Tây ở chỗ người ăn xin

cứ tự do bám riết đuổi riết những ai nhìn có máu mặt, nhất là khách nước ngoài, níu kéo vạt áo buộc người ta quay lại mới chia bàn tay ra xin. Ở Paris, những người đói khát xin ăn một cách lạng lẽ, và chính vậy làm cho ta xúc động nhiều hơn. Trên gốc những quang trường đông hội nhất, giữa những cơn gió hút căm căm, một chị phụ nữ bé con trong một chiếc khăn trùm kín, chỉ để hở khuôn mặt tái xanh vì rét. Mẹ con chị lặng im sau chiếc ống bơ đựng mấy đồng xu người nào vừa làm phúc. Có lẽ chị không còn hơi sức cất lời van. Cũng có thể là chị không biết nói gì. Hoặc là dưới ga xe điện ngầm, đầu chiếc cầu thang cuốn không ngừng đưa hàng vạn người lên kẻ xuống. Thỉnh thoảng ta lại bắt gặp một người đàn ông lẳng lẽ quỳ lên một tấm bia lót dưới đầu gối – cho đỡ đau và cho đỡ thấm lạnh – sau một mảnh bia viết hai chữ: *Tôi đói*. Cũng có mảnh bia nói ngay, cụ thể hơn: *Tôi sẵn sàng nhận làm bất cứ việc gì*. Phần lớn những người này nhập cư bất hợp pháp, không có việc làm, không người thân thích. Họ ít được ai bảo vệ.

Ài cũng biết Pháp là một trong những nước giàu nhất thế giới. Thu nhập quốc nội tính theo đầu người năm 2000 vượt quá 21.210 đô la. Cứ mười người dân từ em bé mới nứt mắt cho đến cụ già kẻ miệng lỗ, thì có bốn xe hơi. Tỉ lệ thất nghiệp từ 12,4% năm 1997, nhờ giảm bớt giờ làm việc, rút xuống xấp xỉ 10% năm vừa qua. Đấu tranh xã hội không lúc nào ngưng. Các vấn đề nhập cư, tội phạm rất nhức nhối.

Một lần, ở quầy trả tiền một siêu thị Ed – loại siêu thị chuyên phục vụ khách hàng nghèo – tôi thấy một người đàn ông Bắc Phi mua mấy thứ ăn gì đó. Anh cầm trên tay một lon nước ngọt Seven Up. Anh lục tìm các túi nhưng hình như anh đã tính toán sai, không đủ tiền trả. Anh lạng lẽ bỏ lon nước ngọt lại ở ngay chỗ trả tiền. Rồi cầm gói thức ăn lạng lẽ bước ra. Không nhìn ai. Tôi nhớ hoài khuôn mặt cần cù mà buồn rười rượi của anh.

Cũng cần phải nói ngay là ăn mày ở đây có nhiều hạng. Một lần đến Paris, tôi trọ tại một khách sạn không xa "Phố vui vẻ". Mỗi lần đi cắt ngang cái ngõ để ra đại lộ Montparnasse, tôi lại nhìn thấy người đàn ông ăn xin ấy. Một người béo tốt, mặt mũi phương phi lại kèm một bộ ria khá oai vệ. Dao ấy vào mùa đông. Ông ta mặt chiếc áo va rô nhà binh kiểu NATO màu xanh ô liu gần như còn mới và chiếc quần bò sạch sẽ. Cảnh ông là một chiếc túi du lịch to cồng kềnh, tôi đồ chừng đựng chân đạp. Và một con chó beagle to lớn mập mạp không kềm chủ, có đeo đai da, nằm sát vào người đàn ông ngủ ngon lành. Không rõ giữa vật và người ai đang tận hưởng hơi ấm của ai đây. Thấy tôi nhìn, anh bạn đàn đường vội nói: "Đây là một người ăn mày. Ta đi đi". Vừa lúc ấy có một đôi thanh niên nam nữ chầm từ xứ khác mới đến, tò mò dừng lại xem. Người hạnh phúc có vẻ không hài lòng, đưa tay vỗ nhẹ lên lưng con vật. Như đã được tập luyện, con chó ngừng đầu, sủa một tiếng rõ to, đầy hàm dọa. Có gái phát khiếp kéo bạn chạy. Nhưng con vật chẳng buồn cử quẫy. Sau tiếng sủa ngắn, nó lại cúi đầu vào lưng chủ tiếp tục giấc ngủ ngon lành. ■

2001

MÀU XANH...

(Tiếp theo trang 3)

nổi bão giông

Và, quả thật khó lòng đoán ra tuổi của nhà thơ đã viết những câu như:

Xin một nụ trên cành / Ừ kín vào thương nhớ / Em để dành

mùa xuân / Đợi anh về mỗi nỏ...

Khi viết những dòng thơ ấy, Khương Hữu Dung đang ở tuổi sáu mươi hai.

Trong bài giới thiệu tập *Tập đêm mười chín*, nhà thơ Xuân Diệu rất tinh tường khi phỏng đoán: "Tác giả trong bao nhiêu năm chắc đã làm nhiều thơ đường luật, thơ cổ phong, nên từ thơ đã luyện nhiều, chữ dùng già dặn, đúc lại mà vẫn dồi dào..." Từ những năm trước Cách mạng, nhà thơ Khương Hữu Dung không những đã làm nhiều thơ đường luật mà còn dịch rất nhiều thơ Đường. Sự nghiệp dịch thuật của nhà thơ được tiếp tục cho tới ngày nay, trong đó bao gồm cả việc tham gia dịch tập thơ *Ngục trung nhật ký*.

Tôi hỏi nhà thơ: - Châu được nghe nói bác rất công phu trong việc dịch thơ. Có những câu thơ bác đã dịch từ lâu, đã in ra rồi, nhưng bác vẫn suy nghĩ, trau chuốt cho hay hơn...

Khương Hữu Dung: - Thơ dịch là một sự nghiệp của tôi. Người xưa để lại cho mình những áng thơ hay, đó là tâm sự của người xưa gửi lại, mình phải làm sao thể hiện cho được. Như vậy mới không phụ lòng người xưa.

Chẳng hạn hai câu của Lý Bạch: "Hiếu xuy viên quán tuyền lạc hoa – Đa đảo nhùng y hướng minh nguyệt". Có người dịch là: "Theo cảnh hoa rơi tiêu thối sớm – Đêm trường áo đắp bóng trăng thâu", đã thấy hay! Nhưng bác vẫn tìm cách dịch nữa: "Tiếng tiêu ban sớm theo hoa rụng – Chiếc áo đêm trường đắp bóng trăng". Bữa nay đọc lại, bác thấy chữ *chiếc* không được, mà phải là chữ *tấm*: "Tấm áo đêm trường đắp bóng trăng". Dịch thơ là phải thế đó. Khi dịch, mình phải suy nghĩ, ngoại cảnh tác động đến bài thơ thế nào...

Công phu như vậy, lẽ nào nhà thơ không sáng tạo nên những bản dịch nghệ thuật cao, gần như một sự bổ sung cho nguyên tác, thì bài *Văn dạ chăm của Bạch Cư Dị* sẽ chính phục tâm hồn họ bởi bản dịch tuyệt vời của Khương Hữu Dung: *Thu đến nhớ chống ai đắp lụy, / Gió trăng nào làm đá chầy*

lời / Tháng tám tháng chín đêm dài bấy, / Ngàn tiếng muôn tiếng không hết nơi. / Một tiếng trăng thêm tờ một sợi, / Sáng ra em bạc cả đầu ai!

Cần phải có một công trình nghiêm túc phân tích, bình giảng những đóng góp to lớn của nhà thơ Khương Hữu Dung trong việc dịch thơ. Cũng như cần phải có một công trình nghiên cứu đầy đặn thì mới nói hết được những đóng góp của ông vào nền thơ hiện đại.

Rồi nhà thơ đọc hai câu thơ của ông:

Chỉ thăm gần xe to một mối

Lòng son đứng người lửa ba sinh

Và tôi hiểu điều ông muốn nói. Đứng bao giờ để lòng son người – ngọn lửa tình yêu nước, ngọn lửa thương đời yêu người – đó chính là bí quyết để người ta có thể sống thanh thản, trung thực, và hết lòng làm việc, sáng tạo, cống hiến, không băn khoăn việc được đánh giá, dãi ngộ như thế nào. Người đời có thể nhìn nhận mình chưa đúng, nhưng miền là mùa xuân – như một câu thơ của ông miền là *Xuân gọi ta bằng anh*.

● Những lời viết tiếp đầu năm 2002

Cách đây 10 năm (năm 1992) nhân dịp kỷ niệm 85 năm ngày sinh của nhà thơ Khương Hữu Dung, tôi đã viết bài "Màu xanh và màu chàm". Phần kết thúc bài tôi đã cầu chúc và mong muốn sẽ còn có nhiều mùa xuân rực rỡ đến với nhà thơ. May mắn sao năm nay, đầu đã ở tuổi 95, nhà thơ Khương Hữu Dung vẫn nước da hồng hào như một tiên ông, đã hiện hữu trước mọi người với gương mặt nhân từ rạng rỡ. Ông cười đón hậu và rừng rừng nước mắt đón nhận những bó hoa tươi thắm của đồng nghiệp văn chương, của bạn bè các con ông và cùng các con cháu, chất đến chúc mừng sinh nhật ông vào ngày đầu năm của năm 2002.

Lễ sinh nhật nhà thơ Khương Hữu Dung 95 tuổi, được gia đình tổ chức tại nhà riêng trong một căn phòng nhỏ bé khiêm nhường nhưng không khí của buổi lễ mừng thọ đã diễn ra rất trang trọng và ấm áp.

Nhà thơ Hữu Thịnh, Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam đã đến dâng lễ hoa mừng thọ và chúc mừng nhà thơ Khương Hữu Dung. Trong lời phát biểu thay mặt Hội Nhà văn Việt Nam, nhà thơ Hữu Thịnh đã đánh giá cao sự đóng góp to lớn của nhà thơ Khương Hữu Dung trong nền văn học cách mạng nước nhà. Cuộc đời cách mạng, sự nghiệp văn học và nhân cách của nhà thơ Khương Hữu Dung mãi mãi là bài học cho các thế hệ trẻ Việt Nam. Nhiều nhà văn, nhà thơ của nhiều thế

hệ nhà văn khác nhau đã có mặt trong lễ sinh nhật. Trong đó có nhiều người là những người bạn vong niên, có những người đã từng là học trò của nhà thơ Khương Hữu Dung, có những người đã là những người bạn chiến đấu của hai con trai nhà thơ. Nhà văn Nguyễn Ngọc, nhà văn Nguyễn Chí Trung, nhà văn Võ Quảng, nhà văn Hữu Mai, nhà thơ Ngô Linh Ngọc, nhà thơ Lê Đạt... đã phát biểu thật xúc động. Bởi vì những người có mặt đều nhận thấy rằng: những điều mà các nhà văn, nhà thơ nhắc lại trong buổi lễ không chỉ có ý nghĩa chỉ là những kỷ niệm về nhà thơ Khương Hữu Dung, mà qua những kỷ niệm đó mà người đời nhận thấy bằng sáng lên hình ảnh một nhà thơ đã đi qua trọn một thế kỷ mà cuộc đời cách mạng của ông, tâm hồn trong sáng của ông và cốt cách thanh cao của ông là một vẻ đẹp sẽ còn lại mãi mãi cũng như thơ ca của ông. Ông là một nhà thơ đã vượt quá thời gian và không sự thời gian.

Riêng tôi, có một cảm nhận riêng.

Khi tôi nắm chặt bàn tay ông và ông nói với tôi: "Trong ngày này trông thấy các bạn của con mình là như trông thấy con mình..."

Vâng, ông đang nhớ tới hai con trai mình là liệt sĩ Khương Thế Xương và đại tá Khương Thế Hưng đã không có mặt hôm nay.

Cũng trong buổi lễ này, nhà văn Nguyễn Ngọc đã rất xúc động khi nhắc tới 2 người con trai ông: "Chỉ riêng việc ông đã dâng hiến cho đất nước, cho dân tộc 2 người con trai ưu việt cũng đã là một sự đóng góp to lớn của ông cho dân tộc..."

Nhân dịp này, tôi không thể không nhắc lại việc gia đình ông đi tìm mộ liệt sĩ Khương Thế Xương hy sinh năm 1953 tại Tú Thủy, An Khê Gia Lai. Năm 1996, nhiều lần đi tìm mộ, đến lần thứ ba gia đình quyết định đưa hai cốt tử tìm thấy ở An Khê về nghĩa trang liệt sĩ quê nhà ở Quảng Nam. Nhưng gia đình vẫn bán tin bán nghi. Chính ông đã an ủi các con ông: "Nếu bố hài cốt đó không phải là của anh các con thì cũng là của đồng đội anh các con. Gia đình ta sẽ thờ phụng. Còn anh của các con sẽ không mất đi đâu. Anh của các con vẫn đang nằm giữa các đồng đội... và vẫn được tất cả nhân dân thờ phụng."

Nhà thơ Khương Hữu Dung là như thế đấy. Lúc nào cũng nghĩ đến mọi người, đến bạn bè của các con, đến đồng đội của con mình... ■

Đ.B.M.

GIẢI PHÁP GIÁO DỤC

HỒ NGỌC ĐẠI

19. GIẢI PHÁP CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI CHO GIÁO DỤC

NẾU cuộc sống bình lặng như hàng ngàn năm thanh bình, giữa bốn bề bao quanh lũy tre làng, với đình chùa miếu mạo thiêng liêng, với cung cách làm ăn đơn điệu, ngày nào cũng như ngày nào, năm nào cũng như năm nào... cứ một chu kỳ ấy lặp lại của **nông nghiệp cổ truyền**, thì...

Rồi nổ ra Cách mạng Tháng Tám. Rồi hai – ba cuộc chiến tranh liên tiếp. Rong rã 30 năm trời không một đêm yên giấc. Bom đạn đã phá tan tất cả, làm bật tung nền móng đến chùa, làm bật gốc các gốc cây, từ cây đa làng đến cây trồng ở vườn nhà, rồi đi ra tận tất cả trai làng, rồi cả những cô gái, những người trung niên... để trở ra một khoảng trống không bình địa...

Rồi đất nước trở lại thanh bình, nhưng là một thanh bình hoàn toàn khác, chưa hề có. Rất nhiều người từ chiến trường đổ máu trở về, chưa kịp lấy lại cân bằng thời bình đã vội bước vào thương trường với cơ chế thị trường cho những thị trường ngày càng mở rộng, mở rộng mãi, mở rộng cho đến hết cỡ, - toàn cầu hoá! Cái xu thế "toàn cầu hoá" ấy không cưỡng được, và như ai đó ví, dù muốn dù không, nó vẫn cứ đến, như tuổi già vẫn cứ đến. Đã không tránh được, tốt nhất nên chủ động tiếp đón "lịch sử". Mà thực ra, mặc cho thái độ đón tiếp lịch sử hay thờ ơ, nồng hậu hay lạnh nhạt, kẻ "toàn cầu hoá" kia vẫn cứ đến, cứ lừng lững đến, đến bằng **sức mạnh vật chất**, ai cũng nhìn thấy bằng mắt trần, dưới hình thù **sản phẩm vật chất** (hàng hoá hay tiền) do sức lao động tạo ra.

Với nông nghiệp lạc hậu, trong một đơn vị sản phẩm vật chất, có thể 99% là lao động chân tay (cơ bắp) và 1% là lao động trí óc (kinh nghiệm của lão nông). Thế nên, hai mảnh đất liền nhau, diện tích như nhau thì thu hoạch chênh nhau có đáng gì, quá lắm là một chín – một mười. Nhưng bây giờ, trên một mảnh đất dựng lên một cơ sở sản xuất hiện đại, thì thu nhập từ hai thửa ruộng sẽ chênh nhau hàng triệu lần. Đại khái như hai lực điện, có sức cơ bắp (sức lao động) chênh nhau quá lắm là vài lần, và cứ cho là vài chục lần, vài trăm lần, thì đã ăn thua gì so với sự chênh lệch giữa nó với sức lao động trí óc hiện đại. Nhưng điều quan trọng hơn nhiều là tốc độ tạo chênh lệch. Trong hàng ngàn năm nông nghiệp lạc hậu, sức lao động (cả sức mạnh cơ bắp lẫn

độ khéo léo và kinh nghiệm) của các cá nhân lực điện tăng lên được bao nhiêu và chênh nhau bao nhiêu? Nhưng chỉ cần vài thập kỷ, sức lao động giữa các cá nhân hiện đại chênh nhau đến hàng triệu lần.

Tình hình có thực ấy của cuộc sống thực, của lịch sử hiện thực, đã phản ánh vào giáo dục. Một nền giáo dục cho nông nghiệp lạc hậu chỉ ngong ngồng trông chờ vào kinh nghiệm cá nhân và cư xử cầu may. May hơn khôn! Học tài thi phận! Nhưng hồi đó, chỉ có 5% dân cư được hưởng giáo dục, thì may rủi đối với các cá nhân ấy có nghĩa lý gì đối với cuộc sống của 100% dân cư! Nay cả 100% dân cư đều được hưởng giáo dục, lại đang trong cơn lốc "toàn cầu hoá", thì không thể cầu may được, không thể đánh liều phó mặc cho may rủi được! Giáo dục không thể là chuyện may rủi cá nhân nữa! Nhiều người cho tôi là "cực đoan" khi tôi nói ngược lại: thời nay, **khôn hơn may!** Sản phẩm giáo dục là tất yếu! Quá trình giáo dục phải được tổ chức và kiểm soát! Không thể trông chờ vào "sáng kiến", "kinh nghiệm" tại chỗ của các thầy giáo riêng lẻ, mà phải có một đội ngũ chuyên gia cao cấp "thiết kế" cho các thầy giáo riêng lẻ chỉ đạo học sinh "thi công". Hồ hào giáo viên "sáng tạo" chỉ là một cách thoái thác trách nhiệm, và mặc nhiên chấp nhận sự tùy tiện của các cá nhân hành nghề riêng lẻ. Xin thưa, ca sĩ có thể có chất giọng riêng, có thể có độ nhạy cảm riêng với tình cảm riêng... nhưng nhất thiết phải hát theo bản nhạc của nhạc sĩ!

Sự thực hiển nhiên, ai cũng thấy bằng mắt trần là đời sống xã hội đang chuyển từ nguyên lý cũ, nông nghiệp lạc hậu, sang nguyên lý mới và kéo theo sự thay đổi **cách cư xử** của người đời. Trên cánh đồng, mọi sự đều thất thường may rủi, thì đúng là may hơn khôn, nhưng trong nhà máy, với công nghệ ổn định, thì khôn hơn may. Đã đến lúc cần quyết đoán, tạo ra sự thay đổi ấy trong đời sống xã hội và trong giáo dục.

Đã đến lúc cấp lãnh đạo cao nhất của đất nước cần đưa ra một giải pháp chính trị – xã hội có tính đột phá cho giáo dục. Đưa ra được một giải pháp có tính quyết đoán như thế tức là nhân danh dân tộc để ra được nhiệm vụ lịch sử ấy, và điều đó tự nó có nghĩa là trong đời sống thực, ở trình độ phát triển có thực, đã có những điều kiện để giải quyết nhiệm vụ ấy.■

(Còn nữa)

CON MÃ...

(Tiếp theo trang 5)

Trong việc "mới chuộng cũ vong" này của ông Tam, nhà bây giờ chỉ có vợ chồng già nhưng vô hình trung chia làm hai phe. Ông Tam với con Kim Hồng và bà Chu với con ngựa già. Cuối cùng để ổn đôi đường, ông phải cho cột Mã riêng ra và bà Chu muốn nó khỏi bị Phương Nam già làm thịt bỏ, phải đi cắt cỏ ngựa. Ngày một bao.

Khi Lý Đại Lợi về thăm cưới chơi Kim Hồng được chừng mười lần, chẳng hiểu công tác, nhiệm vụ đến hạn hết kỳ sao đó, bây giờ anh ta phải về Đài Loan. Thế còn con Nữ? "Xuất gia tung phu" câu tiếng Việt lơ lớ của Lý làm ông và bà Chu cứng họng, không biết nói thế nào. Lý thốt ra được câu ấy chứng tỏ nó đã nghiên cứu kỹ tập tục Việt Nam. Lấy chồng phải theo chồng xưa nay ở ta, mà có lẽ bên đất nước Lý cũng vậy. Chỉ còn ý kiến của Nữ là quyết định thôi. Khi ông bà Tam hỏi đến cô con gái, không ngờ Nữ lại muốn về Đài Loan nghe chừng còn... mảnh liệt hơn cả chồng nó. Ông bà xúm vào khuyên con nên ở lại Việt Nam. Nhưng trong việc này lý lẽ của hai đứa đều cứng cả. Ông bà buộc lòng phải tuân theo, chẳng trách người ta bảo sinh con gái là đẻ ra "vịt giời"!

Bây giờ thì hai ông bà Tam mỗi người một ngựa hiu hắt bên làng Đồi. Thưa dần cái cảnh ông Tam cưới Kim Hồng xuống phố uống cà phê. Cảnh nhà sa sút hẳn. "Khi thằng Lý ở đây, hàng xóm cạnh khoé ông mua con Kim Hồng cho *đêm ngày gì rồi cũng có đồ để cưới*, nay ông tiếc gì không bán nó đi, trang trải bớt nợ nần!". Ông Tam giờ có cưới con Kim Hồng xuống phố cũng là để làm theo lời khuyên của vợ. Hơn thế nữa, Kim Hồng vốn kén ăn mà tiền con gái gửi về chẳng hiểu sao ngày một thưa dần. Và gần đây thì hoàn toàn bất vô âm tín!

Cho đến một hôm ông bà nhận được tin sét đánh từ một người cũng lấy chồng Đài Loan về. "Con Nữ đã bị chồng nó bán cho một quán Karaoke khóa thân!". Bà Chu té xỉu, bất tỉnh nhân sự khi nghe tin này. Con

gái có thể sẽ bị bán làm điểm ở xứ người là điều mà ông bà lơ mơ nhận thấy từ ngày nó ngỗ ý lấy chồng Đài Loan. Nhưng khổ nỗi thằng Lý lại bực cái mã ngoài đường hoàng, đạo đức quá, đã vậy lại còn... thích ngựa nữa! Mà thích ngựa là nó điếm trùng "huyệt" nhà, nên rất dễ lừa vợ chồng ông và con gái!

Sau lần té ấy, bà Chu bị liệt luôn. Tuổi già lại nằm một chỗ nên bà yếu đi rất nhanh rồi...qua đời. Trước khi nhắm mắt, bà Chu nắm lấy tay ông, thổ lộ: "Nhớ đừng bán con Mã! Ông với nó ở lại mạnh giỏi... nuôi nhau...!".

Bây giờ thì người ta thấy nơi Đồi Dương, cạnh các khách sạn du lịch đông khách nước ngoài, thường xuyên xuất hiện một ông lão với con ngựa bên tấm cạc tông có dòng chữ "Ngựa cho chụp hình thuê" bằng hai thứ chữ Anh, Việt. Con ngựa tuy đẹp mã nhưng đã già lắm, nhìn kỹ thấy lông, bờm đều lồi hói và da thì nhăn nheo cả. Nhìn gần vậy, nhưng nếu đứng bên ngựa chụp hình lại khá "ăn ảnh" bởi dáng vóc của nó. Đó là con Mã và ông già Tam. Không còn cách nào khác, người – vật bây giờ chỉ có thể kiếm sống và nuôi nhau như vậy. Mỗi "pô" đứng cạnh ngựa chụp hình, người Việt ông lấy một nghìn, còn khách nước ngoài thì gấp năm.

Có lần ông Tây ngỗ ý muốn cưới lên lưng con Mã chụp hình, trả mười đô nhưng ông già Tam không những đã giận dữ từ chối mà còn chửi cho hắn một trận. Tất nhiên là ông chửi bằng tiếng Việt còn người kia nghe bằng tiếng Tây!

Ấy là ngày thường, còn lễ lạt nhất là Tết Nguyên đán, người ta lại thấy ông Tam và con Mã sạch sẽ, tươm tất đứng ở Cung Văn hóa Thiếu nhi. Vào những ngày này, nơi đó bao giờ cũng đông vui nhất. Bên cạnh các cháu chơi xuân, chụp hình kỷ niệm, ông Tam luôn cười rung rung hàm râu bạc. Suốt ngày ông bận rộn bồng lên đặt xuống lưng ngựa mấy đứa nhỏ và vui đến quên lấy cả tiền. Những lúc như vậy con ngựa già lại phớt chỉ hí lên. Tiếng hí nghe khàn khàn đó chỉ có ông Tam mới là người hiểu được.■

L.N.N

BIẾT ĐẾN ĐÂY
NÓI ĐẾN ĐÂY

NGƯỜI TRÍ THỨC TRONG THIÊN NIÊN NIÊN KỶ MỚI

ĐỖ MINH TUẤN

THỰC ra, không phải chỉ đến khi có khủng bố thì người trí thức Mỹ mới mất đi sự lựa chọn, mà xu thế phát triển của thời đại đã thu hẹp điều kiện lựa chọn, thời gian lựa chọn của người trí thức trên phạm vi toàn cầu do rất nhiều điều xưa kia nằm trong ngà ba ngà bảy của suy tư thì giờ đây đã trở thành hiển nhiên, khó có thể bàn khác được. Chẳng hạn, vai trò của đồng tiền, sự ưu việt của thể chế dân chủ và sự cần thiết phải chống khủng bố bằng mọi giá. Ngay trong lĩnh vực chống "khủng bố", trước đồng đồ nạt của toà tháp đôi WTC ở New York, trước sinh mệnh của mấy ngàn người vô tội, trước lòng căm thù sục sôi của người Mỹ, không dễ gì có chỗ cho người trí thức Mỹ phân vân giữa ngà ba đường với những suy tư về cội nguồn văn hoá của khủng bố, về một giải pháp hoà bình. Tổng thống Bush đã tuyên bố: "hoặc là theo chúng ta, hoặc là theo bọn khủng bố". Cơ hội lựa chọn chỉ có vậy thôi. Người ta có thể cười giễu lời tuyên bố có tính chất cao bồi đó, nhưng thực ra, Tổng thống Bush chỉ là người phát ngôn gián tiếp và thành thật luật chơi của thời đại toàn cầu hoá, trong đó, người ta chỉ có thể chọn lấy một trong hai con đường: đó là hoặc nghiêng đầu, đầu cúi hoặc độc tài, Bush hoặc Bin Laden. Nói cho cùng, sự lựa chọn hiện nay có vẻ là sự lựa chọn giữa hai con đường: Mỹ hoặc những gì khác Mỹ.

Trên thực tế, toàn cầu hoá đang được nhìn như một sự mở rộng biên giới Mỹ. Trong bài viết "Mỹ hoá toàn cầu hay toàn cầu hoá nước Mỹ", Jean Marie Guehenno, Chủ tịch Hội đồng Quản lý của Viện nghiên cứu Quốc phòng cao cấp (IHEDN) của Pháp đã cho rằng toàn cầu hoá đánh dấu sự chiến thắng lâu bền của nước Mỹ, là quá trình mở rộng "giấc mơ Mỹ" ra toàn hành tinh. Song người Mỹ càng đánh giá cao công cuộc toàn cầu hoá bao nhiêu thì nó càng bị bác bỏ bấy nhiêu bởi những xã hội mà kỳ ức (La me-moire) chứ không phải khế ước (le contrat) là cơ sở của bản sắc và sự cố kết xã hội. Ông viết:

"Vĩ cảnh thế giới đang Mỹ hoá, liệu chính sách "đối ngoại" của Hoa Kỳ có buộc phải trở thành sự mở rộng đơn giản chính sách đối nội của nó chứ không phải là sự biểu hiện của mối quan tâm quốc gia cho rằng trước mắt Mỹ cần phải có những quốc gia khác có bản sắc riêng và có vai trò của mình trong cuộc chơi cổ điển của các cường quốc? Khái niệm hệ thống quốc tế còn có nữa không?" Ông giải thích tình "áp đặt" mở rộng biên cương "của Hoa Kỳ cũng như" chủ nghĩa ngoại lệ "của người Mỹ là do họ tin rằng nước Mỹ sẽ đóng góp một cách hiệu quả hơn cho sự tiến bộ của thế giới bằng cách duy trì tính mẫu mực của mình chứ không tham gia vào những thỏa hiệp không hoàn hảo... Chắc chắn với nhiều người Mỹ thì toàn cầu hoá là một "biên giới mới", mà trong thế giới của nền kinh tế ảo, nó kéo dài và lặp lại ở cấp hành tinh những gì trước đây là kinh nghiệm của Hoa Kỳ..." (1)

Người trí thức càng có hiểu biết thì sự lựa chọn càng tinh vi phức tạp. Người trí thức cụ thể lựa chọn, sống trong xã hội kỳ ức bị ràng buộc với bao nhiêu chiều kích của truyền thống, của bản sắc sự lựa chọn chắc chắn không giản đơn. Người trí thức Mỹ cũng không lựa chọn giản đơn vì trí thức luôn hiện đại với sự giác ngộ về vai trò của cái bất định đã làm nảy sinh trong anh ta nhiều nhu cầu lựa chọn phong phú sâu sắc hơn xưa. Nhưng về mặt chính trị xã hội dường như cả người trí thức cụ thể và người trí thức tâm lý đều bị mất đi nhiều cơ hội sự lựa chọn như nữ nhà thơ người Mỹ đã viết.

Vladimir Alexandrovits Mau, tiến sĩ kinh tế học, giáo sư, phụ trách Thông tin nghiên cứu cải cách kinh tế trực thuộc chính phủ Liên bang Nga. V.Mau đã từng viết tám cuốn sách và ba trăm bài báo khoa học và phổ biến khoa học. Trong một bài viết về trí thức Nga gần đây, ông đã đề cập tới bằng một chuyện tiểu lâm hiện đại: "Một tráng sĩ Nga đứng giữa ngã ba đường và đọc tâm biến để. Đọc xong anh ta đứng nghĩ ngợi. Và chợt nghe thấy một giọng nói từ trên cao vọng xuống: "Nghĩ nhanh lên, không thì gạc rơi ngay xuống đầu đây". Sau đó từ, vào đầu, V.Mau viết: "Trên ranh giới hai thế kỷ nước Nga lại đứng ở ngã ba đường. Đi về đâu? Sang Tây - mất bản sắc. Sang Đông - mất máu. Che chắn an toàn đứng giữa hai chủng tộc xung khắc là rất khó... Chúng ta đang ở đâu: giữa ngã ba đường hay lâm ngõ cụt, đầu một con đường lớn hay cuối đường?" (2)

Câu chuyện tiểu lâm trên gợi đến một cảnh ngộ của trí thức thời hiện đại: nhu cầu lựa chọn của anh ta ngày càng lớn, nhưng tốc độ lựa chọn của anh ta lại trở nên quá chậm so với tốc độ mà cuộc sống đương đại đòi hỏi.

(Còn nữa)

Jean Marie Guehenno "Américanisation de L'Amerique?" – Politique étrangere No1, 1999, trang 7-20.

"Trí thức, lịch sử và cách mạng - Bút ký về cuộc sống của nước Nga hiện nay", "Thế giới mới (Novy Mir) số tháng 5/2000, trang 140-167, trích theo bản dịch của Ngân Xuyên.

CHÀNG biết là nghĩ thế có tội hay không, nhưng mỗi khi nhìn đứa con của người em gái còn đỏ hồng bọc trong cái tã, đầu đội mũ hoa có cái điểm trước trán, chị lại thấy xúc động. Đứa trẻ vừa đẻ ra, mắt đã to sáng và có cái nhìn trong veo như Đức Mẹ đồng trinh. Những ngón tay thì bé xiu, nhẵn nhụi bị buộc chặt vào trong tã, thì thoàng quảy ra được hua hua trước mặt chị. Chị lại nghĩ đau đẻ thì chị đau có một lúc nhưng được đứa con. Giờ thì chị không thắc mắc vì sao mẹ cứ đẻ nữa. Đẻ ra con cơ mà! Từ đó ấy trở đi chị thấy trong người mình khác hẳn. Có đêm chị nằm mơ thấy mình chứa. Bụng phình to như cái nồi nấu rượu, đi lại rất khó khăn. Thế rồi lúc chị đang xay thóc tự nhiên bụng chị xì xì như cái chõ trét cám ở nồi rượu bị nứt ra, hơi rượu thơm thơm, phì phì rất nhanh. Chị vội bắt cầm dây phòng trét bụng lại, nhưng càng trét nó càng lớn. Hơi rượu làm tay chị bông rất rồi teo lại nhẵn nhụi như tay đứa trẻ vừa mới đẻ. Sáng dậy, chị bực mình lắm. Lúc cho đàn lợn ăn xong, chị tư tất vào mà mình một cái. Chị tại mình nghĩ bấy nên mới mơ ngủ như thế. Đêm hôm đó chị ngồi đọc kinh đến một giờ sáng.

Đầu mùa thu năm ấy, xứ đạo Tân An xây lại nhà thờ. Mỗi hộ phải đóng góp ít nhất 25 ngày công, nhà nào góp nhiều hơn thì càng tốt. Các em chỉ một buổi đi học, một buổi thay nhau đi làm. Chị nghĩ xây nhà thờ là việc chung và chị muốn nghỉ vài ngày việc nhà để đi làm. Mẹ chỉ bảo thế cũng được. Công việc ngoài nhà thờ cũng chẳng nặng nhọc gì. Chị chỉ gánh đá, gánh gạch, trộn vữa và xách hồ khi thợ xây gọi. Trước khi khởi công xây nhà thờ, Cha xứ đã có một nhắc nhở: "Đời thợ xây này là dân ngoại đạo, bởi vậy cần có sự chứng mực trong quan hệ. Nhất là con gái, tuyệt đối không được cười đùa trêu chọc. Nhớ lời Cha, ra đẹp nơi là chị lành lẽ lắm. Ba ngày trôi qua chẳng có ai trêu chọc gì chị cả. Chị nghĩ, phỏng thế thôi chứ họ có gì ghê gớm đáng sợ đâu. Quảng độ ba tháng thì nhà thờ xây xong phần thờ. Mọi người nói phần hoàn thiện mới lâu nhưng phải hoàn thành trước Giáng sinh. Việc hoàn thiện phải do một nhóm thợ khác, giỏi hơn, chuyên việc trang trí đảm nhiệm. Lúc này giáo dân chỉ làm các việc lát vát như san sân, trồng cây, dọn dẹp. Một em gái nữa của chị đi lấy chồng. Việc trong nhà dồn lại nhiều hơn. Bấy giờ chị phải đi chợ. Ngày một buổi chợ bán rượu và mua thóc. Rượu nhà chị nấu ngon có tiếng nên toàn người quen tìm đến mua, chỉ một loảng là hết hũ. Chị lại quay ra đóng thóc gánh về để xay. Thời gian này, chị không ra nhà thờ giúp việc nữa. Nghe nói người ta đang đắp nổi các tích trong kinh thánh lên bức tường phía mặt tây nhà thờ, đẹp lắm. Chị muốn ra xem mà chưa ra được.

Sáng chủ nhật hôm ấy, lễ xong chị rẽ vào nhà thờ mới. Đang vợ vắn ra phía sau chị bỗng nghe tiếng gọi giọng: "Cố cố kia, giúp tôi một tay. Quay lại tiếng gọi, chị thấy một anh thanh niên đang khênh cái thùng to trong đứng cái gì sánh sánh màu xanh. Chị đoán là sơn hay vôi vơ gì đó. Lặng lẽ đi đến khênh hồ, mắt chị vẫn nhìn xuống đất. "Áy cần thân kéo rầy ra áo cô đây". Chị cúi xuống y tú giữ lấy vat áo dài thăm nghĩ. Giọng nói của anh ta khác quá, nghe thế nào nhỉ, ấm mà gần gũi như người quen. Lúc đến nơi, đặt cái thùng xuống đất, liếc với người thanh niên, chị kịp nhận ra anh ta thật nhiều râu, da cao sạm nhưng xanh rì khắp mặt. Chị vội vã quay về.

Hôm sau, rồi hôm sau nữa, chị muốn kiểm kê để ra nhà thờ chỉ vì một ý nghĩ còn con là nhìn lại xem có đúng mặt anh ta nhiều râu thế hay không. Nhưng chẳng có gì cả. Thế rồi chị tự trách mình, nhiều râu thật thì đã sao. Với lại, anh ta là người ngoại đạo, mình không được để ý. Ở kia để ý là để ý thế nào. Chẳng qua mình chỉ nhìn thấy có một lần. Với lại mình cũng có nghĩ gì về anh ta đâu, chỉ muốn biết xem hôm ấy nhìn có đúng không thôi. Nghĩ thế rồi chị đi dọn chuồng lợn. Chị xách hai xô nước đầy vào chuồng sau khi đã quét dọn kỹ, dùng quả bầu khô múc nước dãi. Tự nhiên con nai Móng Cái có những khoảng đen đến ừm ừm vào bàn chân, có cơ hồng vào bắp chân chị. Chị thấy nôn nồn buồn buồn. Lấy chân hất con lợn đi, tự nhiên chị lại nghĩ đến khuôn mặt đầy râu của anh thợ. Vô lý nhỉ. Họ có râu để làm gì mà làm thế. Chị chẳng biết đem cái thắc mắc này đi hỏi ai cả. Xấu hổ chết. Nhưng mà chị vẫn muốn biết. Rồi chị lại gặt đi, biết cũng chẳng để làm gì.

Cuối cùng, nhà thờ cũng kịp khánh thành trước lễ Giáng sinh. Mọi người hào hứng chuẩn bị cho ngày lễ trong. Chị ủ thêm một nồi rượu mới ngày. Hôm hời công thợ, chị gánh rượu ra nhà thờ. Đêm thờ lúc ấy đang ngồi ngay trước tiền sảnh nhà thờ gọi chị: "Thơm quá, cô em đi, rượu hời. Chị im lặng nghiêng nòn nhưng khi liếc tìm khuôn mặt nhiều râu mà chẳng kịp nhìn thấy gì cả. Tự nhiên chị thất vọng rồi mắng mình: Rõ là vô vắn. Thế nhưng trong lúc phụ giúp nấu nướng, chị có ý đi tìm anh ta. Chị muốn nhìn thấy khuôn mặt ấy, nghe lại giọng nói ấy. Để làm gì thì chị chẳng biết như vì sao nhà chị lại nấu rượu, vì sao các em chị đi lấy chồng còn chị thì chưa. Chị thấy cuộc đời này có quá nhiều cái khó hiểu. Có cái diễn ra hàng ngày, cả trong con người chị mà chị cũng không lý giải được. Năm ấy chị hai tư tuổi. Hai tư tuổi mà vẫn chưa lấy chồng là đã bắt đầu muộn. Chị không thắc mắc vì sao không thấy ai đến hỏi mình. Chị thấy ở như thế cũng tốt.

Chị Hạo

Truyện ngắn của
PHẠM THÁI LÊ



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

Ngày ngày, công việc cứ êm ả trôi. Chị chăm chỉ và cần mẫn. Từ bé đến giờ chưa ốm đau gì. Nhà thờ chị đi đều đặn. Sáng sáng dậy sớm đọc kinh. Mỗi năm hai con nai cho bốn lứa lợn con. Lợn mẹ thì khoang đen, lợn con thì trắng bạch. Mỗi nồi rượu nấu được năm lít. Mỗi ngày một nồi cơm, một nồi rượu. Ở hai ngày thì vào nước. Ngâm tiếp hai ngày thì nấu. Mùa nóng sáu viên men. Mùa lạnh thì tám viên. Chị như một cỗ máy thành thạo. Mọi người trong gia đình xem đó là sự phân công rất tự nhiên, không cần thay đổi. Chị cũng chẳng cần phải thay đổi gì cả. Có lúc chị nghĩ: Rồi mình cũng phải lấy chồng chứ. Nhưng bao giờ lấy và lấy ai thì chị không thể nghĩ được. Chị không có bạn. Trong xứ có đám bảy người gì đó cùng học với chị đến lớp năm giờ đã có gia đình hết. Có một người đi xa, hình như học gì cao lắm. Còn có một người đi làm bị đá lăn đập chân rồi bị trúng uốn ván, đã chết cách đây mấy năm. Lứa con trai lớn tuổi hơn chị trong xứ chẳng còn ai là chưa có vợ. Lấy sang xứ khác thì xa xôi mà chị cũng chẳng quen biết là mấy. Có lần chị vô tình nghe được mẹ chị nói với cha chị rằng nếu vài năm nữa, không có ai hỏi thì để chị vào ở trong nhà thờ giúp việc cho các xứ. Chị nghĩ: Thế cũng được!

Nó em năm ấy không rét, trăng lại sáng nữa chứ. Từ bé đến giờ chị chưa thấy Giáng sinh nào lại như thế. Mười giờ đêm chị tranh thủ về nhà xem mấy đứa em tiếp ban bê thế nào để tỷ nửa còn trở ra nhà thờ cho kịp. Vừa bước vào cổng, chị đã thấy trong nhà có một người là mặc comlê rất bảnh đàng ngồi nói chuyện với mẹ chị. Chưa kịp đi tạt vapo chỗ khuyệt, chị đã nghe người đó lên tiếng: "Phải Hạo về đây không?". Ai mà lại biết mình nhỉ? Chị đành phải đi vào nhà. "Nhân ra mình không? Minh là Tuấn đây. Tuấn Đạt đây". Chị khẽ à lên một tiếng. Thì ra đây là Tuấn con ông Đạt, trước cùng học với chị. "Nghe nói ở đâu xa lắm cơ mà". Tự nhiên chị lúng túng rồi buột ra một câu trống không. Bởi tại chị không biết xưng hô thế nào. Bấy giờ, người ta đã là cán bộ, người ta lại có học, mình không thể một bề một ló được, nhưng gọi bằng anh thì cũng khó khó thế nào ấy. Chưa bao giờ chị thấy khổ xứ trước một người đàn ông đến thế. Những người đàn ông mà chị tiếp xúc chỉ là những người

quen trong xứ, không chú bác thì cũng cầu dưỡng, mà không nữa cũng chỉ là những người mua rượu của chị ở ngoài chợ. Họ chỉ bảo chị đóng đầy lên hay bao sao hôm nay rượu sớt thế. Quá lắm họ trêu ghẹo chị vài câu đại loại: Lấy ta không, về nấu rượu cho ta uống, hay rượu ngon nhỉ, người cũng ngon. Chẳng việc gì phải lúng túng với họ. Chị lặng lẽ làm dầu rất kín rồi ngồi xích sang chỗ khác trong dãy hàng rượu là xong. Thế nhưng trước một người cùng xứ, cùng học, chị lại ngượng ngập. Tiếng là học cùng nhưng hồi ấy bé quá, lại lâu rồi nên chị chẳng nhớ gì. Đại khái là có mấy vết nước vương ra ở bàn thanh hình tròn, rồi mèo, rồi vương, im lặng nghe Tuấn nói. Một lúc sau, ngẩng lên rót nước cho Tuấn, chị chợt nhận thấy mắt Tuấn cũng đầy râu, cũng đã cao sạm, nhưng vẫn lộ ra những đám xanh, kéo dài từ mang tai xuống cằm và cả ở cổ. Chị thoàng xúc động. Chị thấy mình thật vô duyên. Từ lúc ấy trở đi, chị không dám nhìn vào mắt Tuấn nữa. Tuấn hỏi chị đủ thứ chuyện, chị đáp dè dặt. Trò chuyện được một lúc giọng Tuấn nghiêm lại: "Này, mình nói thật lòng, Hạo đứng

giận. Phải lấy chồng đi. Phụ nữ không lấy chồng sống thế là không ổn đâu". Chị cười, nu cười không phải vui, chẳng phải buồn, cũng chẳng phải xa giao, vì chị chưa biết cưới xa giao bao giờ cả. Hình như chị xấu hổ. Chưa ai nói một cách thẳng thắn như thế với chị. Ở xứ này, trai gái không tán tỉnh nhau, không bay bướm hoa lá. Họ thỉnh thích nhau, cha mẹ đi đàm hỏi. Thế là cưới. Thế là thành vợ thành chồng, là sinh con đẻ cái, đứa nọ nối tiếp đứa kia, rất tự nhiên. Chị chưa thấy mình thích ai bao giờ. Không phải vì chị khô tính. Đơn giản vì chị bận bịu quá. Suốt ngày chị lo lom công việc. Nhà chị lúc nào cũng sạch sẽ ngăn nắp. Đám vườn nhỏ quanh năm xanh tốt, không một cây cỏ, không một tí đất để không. Trong chuồng lúc nào cũng có hai con lợn nái, đàn lợn con và ít nhất là bốn con lợn thịt nhưng không hề có mùi hôi. Vài năm lại đây, người ta bỏ dần cối xay tre để xay gạo, nhưng nhà chị thì không. Gạo để nấu rượu thì chỉ cần xay lút như thế là được. Với lại cái cối xay gạo đời gần bỏ tự nhiên phá bộ đi cũng không đáng. Thế là tối tối chị vẫn xay gạo, nấu cơm rượu. Rồi bận bịu cưới em trai, cưới em gái, giúp làm nhà cho em trai, chăm em gái, em đã sinh nở. Mùa Giáng sinh này nổi mùa Giáng sinh khác, thời gian lặng lẽ trôi qua. Chị cũng không biết có ai thích mình hay không, nhưng nghe lời Tuấn nói, tư duy sâu của trai tìm mình, chị biết, Tuấn thương chị. Có thể với một người có học thì tình thường của họ rộng lớn hơn, sâu sắc hơn, chị không thể biết hết, nhưng chị hiểu chị là người đáng thương. Đáng thương vì không có ai thương mà lấy về làm vợ. Nghe Tuấn nói, tự nhiên chị thấy Tuấn lớn lao vĩ đại như cha xứ, gần gũi thân thiết như một người bạn gái mà chị chưa có bao giờ.

Hai ngày sau, Tuấn sang chào chị để lên tỉnh. Lúc ra đến cổng Tuấn còn nói vọng lại: Tết mình về Hạo phải lấy chồng đấy nhé. Tết mình về! Chị thấy lòng xôn xao. Bấy giờ đã vào tháng mười một ta. Hơn một tháng nữa là Tết.

Thế mà đã mười cái Giáng sinh nữa đi qua. Chị vẫn thế. Suốt ngày quần quật. Nhưng đêm thì không. Chị thấy đêm dài hơn rất nhiều. Nổi có quanh không hề ý thức như màn sương mỏng mùa thu thu ngấm dần, ngấm dần khiến người đi đầu

trần ngoài đêm thấy mình ướt tóc lúc nào cũng không biết. Đêm không trôi qua ngắn ngủi trong giấc ngủ say để sáng ra thấy mình trần đầy sinh khí. Chị thấy mình không ngủ. Chị thấy mình có những thêm khát tới lời và bấy ba. Những hình như giấc mơ nào cũng có Tuấn. Có lần chị còn mơ thấy chị và Tuấn đi trên cánh đồng toàn rau bắp cải. Tuấn quàng tay ôm vào eo chị, kéo mắt chị về phía mình. Và khi chị quay mặt lại thì thoát cái khuôn mặt Tuấn biến thành con quýt râu ria xồm xoàm. Chị hoảng quá, bỏ chạy, nhưng sợi râu trên mặt con quýt dài ra như cái vòi bạch tuộc quấn lấy chị. Chị ngã dúi dúi xuống luồng bắp cải thì lập tức bắp cải không còn là bắp cải nữa mà là những cái đầu trẻ con đội mũ, điểm họa lóa xoe. Chị hét to lên rồi giắt mình tỉnh giấc. Nhân danh Cha và Con và Thánh thần. Amen! Chị làm dầu liên tục. Quý sư đang hành hạ mình đây. "Lạy Chúa, xin Người hãy xá tội cho con, những tội lỗi trong tư tưởng, lời nói và việc làm. Người là đấng sáng láng thấy hết mọi việc. Chúng con cầu xin Người. Chúng con chịu ơn Người. Chúng con thờ phụng Người". Chị lẩm rẩm cầu nguyện trong bóng tối dày đặc và nặng trĩu. Lòng u uẩn. Sự u uẩn chỉ có từ ngày người bạn học cũ về khuấy lên trong chị những nỗi niềm mới lạ, những ý thức về bản thân và cả những tình cảm rất ngọt ngào với người khác giới. Tuấn về,

ném một hòn sỏi nhân thức và trách nhiệm xuống mặt hồ bình lặng gây nên những xao động. Và thời gian là cơn gió cứ thổi mãi vào vòng sông đỏ làm nên những cơn sóng cồn cao trên miền. Tết năm ấy, Tuấn không về quê. Anh về nhà bạn gái. Bạn gái anh là dân ngoại đạo, người thành phố, xinh lắm, ăn diện lắm. Chị chỉ nhìn thấy có hai lần. Một lần Tuấn đưa về dịp lễ Châu lượt. Lúc đó trong Nhà thờ, chị thấy một cô gái lạ cách chị một dãy ghế mặc quần bò, áo phông đen, cho vào quần, một tờ son đỏ chót. Mọi người đứng thì cô ấy đứng, quý thì cô ấy quý nhưng mắt thì lim dim và mỗi không hề chớp mắt. Nghĩ là không đọc kinh. Khi mọi người lên quỳ tiến giúp nhà thờ mua nhạc cụ chị thấy cô ấy móc tiền trong áo lót ngực đi lên. Lần khác, chị nhìn thấy khi họ về làm lễ cưới ở nhà thờ. Dịp ấy là ra Tết. Họ đi xe máy từ trên tỉnh về. Tuấn mặc một bộ comlê đen, trên ngực đính bông hồng bạch. Cô dâu mặc váy dài trắng lóa xoe rất rộng. Đường làng mấp mấp, Tuấn chạy xe từ từ. Cô dâu một tay ôm eo Tuấn, một tay vén váy. Trẻ con reo hò chạy theo hàng đoàn. Lúc ấy đã nhà nhem. Tối, làm lễ xong họ lại lên tỉnh ngay. Hôm ấy, chị trần trọc mãi không ngủ. Chị vẫn biết rằng Tuấn là cái gì đó với với lung linh và thiêng liêng lắm. Chị không thể sờ mó, không thể với tới, càng không thể giữ lấy cho mình. Nhưng chị vẫn buồn. Một phần vì cảm giác mất mát, cái người hiểu mình, thường mình không còn biết đến mình nữa. Một phần vì cảm thấy chốn thiêng liêng ấy bị một bàn tay phạm tục vấy bẩn. Chị biết làm sao, mọi người một số phần. Chúa đã an bài. Thế nhưng đêm đêm, chị vẫn cầu nguyện cho Tuấn hạnh phúc.

Thế mà chị đã hứng chịu sự rành mạch và tình táo đến tận nhân của chính những người thân của chị. Chuyện là thế này.

Duyên - em gái thứ chín của chị sinh con đầu lòng. Nó lấy chồng được hai năm mới sinh con. Như thế cũng là muộn. Chị đến chào nào giắt giữ rồi lại về lo đàn lợn, nấu rượu ở nhà mình. Trời nắng nóng thế này người uống rượu cũng đi đi, chị ngại thừa hơn. Tối hôm đó, chị không về bắc cơm rượu mà ở lại nhà Duyên. Thời tiết đã bắt đầu dịu lại. Cả ngày chịu cái nóng hăm

(Xem tiếp trang 14)

Số 1 (5 - 1 - 2002)



MÁTXCƠVA LÚC NÓNG LÚC LẠNH CHÍNH QUYỀN ĐÓ ĐỨNG VỮNG

Ngày 2 tháng 10 năm 1949, tức ngày hôm sau ngày Mao Trạch Đông đọc bài diễn văn trên Thiên An Môn tuyên bố nước Trung Quốc mới thành lập, Mátxcơva đã gửi đến bức điện mừng đầu tiên trên thế giới:

Liên bang các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết nhiệt liệt chúc mừng Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, và chính thức công nhận Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa...

Phản ứng của Chính phủ Liên Xô, rất nhanh, được cả thế giới rất chú ý. Sau đó, một loạt nước công nhận Trung Quốc.

Ngày 4 tháng 10, Bungari lập quan hệ Ngoại giao với Trung Quốc.

Ngày 5 tháng 10, Rumani công nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc.

Tiếp sau, chỉ trong một thời gian ngắn, các nước dân chủ nhân dân như: Cộng hòa dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Hungari, Tiệp Khắc, Ba Lan, Mông Cổ, Anbani, Việt Nam lần lượt quan hệ Ngoại giao chính thức với Trung Quốc.

Chính quyền đỏ của một quốc gia chiếm 1/4 dân số loài người nhanh chóng đứng vững chân trên trường quốc tế, điều đó khiến các lãnh tụ của Trung Quốc thờ phảo nhe nhom. Sự ủng hộ về vật chất và tinh thần của Liên Xô và các nước dành cho Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã đập tan mưu đồ của một số thế lực thù địch trong phe tư bản phương Tây và âm mưu của Tướng Giới Thạch muốn đưa vào Mỹ để cô lập nước Trung Quốc mới.

Trước sự việc đó, Mao Trạch Đông đã cười, và cười rất thoải mái.

Dĩ nhiên, trong tiếng cười của Mao Trạch Đông cũng hàm ý cảm ơn phe xã hội chủ nghĩa phương Đông do Xtalin đứng đầu. Mao cho rằng thời cơ thân chinh sang thăm Liên Xô đã chín muồi. Một buổi tối, ông gọi điện mời Chu Ân Lai đến nhà, chính thức bắt đầu làm việc bắt tay chuẩn bị chuyến đi Liên Xô vào cuối năm để đích thân ông được gặp Xtalin.

- Đồng chí Ân Lai này, tôi thấy bây giờ tôi đi Liên Xô là tương đối thích hợp rồi đấy!

- Năm nay mừng thọ Xtalin 70 tuổi, lần chúc thọ đồng chí ấy 60 tuổi, Chủ tịch ở Diên An chẳng đã viết bài mừng sinh nhật đó sao?

—Đúng thế, mới đấy mà đã mười năm, thời gian qua nhanh như tên bay!

- Ngày 21 tháng 12 năm nay, rất nhiều nhà lãnh đạo Đảng và Chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa đến Mátxcơva mừng thọ Xtalin, Chủ tịch chọn dịp này đi Liên Xô rất thích hợp.

- Tôi chỉ lo việc mừng thọ, còn các việc như hai bên bàn bạc, ký kết hiệp định, hiệp ước v.v... nhờ đồng chí Thủ tướng lo cho.

- Chủ tịch trước tiên hãy nghỉ ngơi ở Liên Xô một thời gian cho lại sức, các công việc cụ thể liên quan đến việc đàm phán giữa hai bên Trung - Xô mới - đây là hai mục đích chính, ba là tìm hiểu tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô.

- Tốt lắm! - Mao Trạch Đông gật đầu đứng lên rời khỏi xa lông, đắm đắm nhìn vầng trăng đầu tháng treo lừng lờ trên bầu trời Trung Nam Hải...

CHỦ NHÂN MỚI CỦA TRUNG NAM HẢI, LẦN ĐẦU XUẤT NGOẠI

Ngày 6 tháng 12 năm 1949, Mao Trạch Đông dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Trung Quốc đi thăm Liên Xô. Lần đi thăm này, một là mừng thọ Xtalin 70 tuổi, hai là ký kết hiệp ước Trung - Xô mới - đây là hai mục đích chính, ba là tìm hiểu tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô.

Trăng lằng lể nhô lên khỏi bức tường đỏ, hồ Thái Dịch từ lâu đã phủ một lớp băng mỏng giờ ánh lên một vùng sáng xanh. Trong làn gió hiu hiu lạnh, những cây bách cổ thụ, mình mang những giọt sương trong vắt thỉnh thoảng lại nhô ra mấy nhánh lá xanh.

Mấy chiếc xe con từ cổng Phong Trạch Viên chạy từ từ ra Tân Hoa Môn, sau đó phóng nhanh về phía Vĩnh Định Môn...

Vừa bước ra khỏi xe, Mao Trạch Đông đã nhìn thấy mấy bóng người quen thuộc đang đứng trên sân ga vắng lặng.

Đã nói là không tiễn cơ mà? Ông kéo dài giọng Hồ Nam nặng trĩu âm mũi, nắm chặt bàn tay to lớn của Chu Đức vừa hạ xuống vành mũ.

Trong buổi hội ý của Bộ Chính trị hồi chiều, ông đã dẫn tới nay mọi người không cần ra tiễn. Lúc đó chẳng ai nói gì, ông cho là tất cả đồng ý. Chẳng dè khi sắp khởi hành thấy người nọ tiếp người kia tới. Thấy ý kiến của mình không được mọi người chú ý, ông thực sự muốn nói mấy câu gì đó, nhưng vừa định nói lại thôi ngay. Đâu sao, đây cũng là lần đầu tiên ông với tư cách nguyên thủ của nước Trung Quốc mới đi Liên Xô gặp Xtalin, bạn bè quan tâm và đặt nhiều hy vọng vào chuyến đi này của ông cũng là điều tất nhiên!

Chủ tịch lần đầu đi nước ngoài, lý nào lại không đưa tiễn được! - Chu Đức nở nụ cười thật thà hiền hậu:

- Các vị, các vị... thật là!

Mao Trạch Đông chậm rãi đưa tay cho Lưu Thiếu Kỳ,

LẬT GIỎ QUAN HỆ TRUNG - XÔ

LÝ KIẾN

Năm 1998, Nhà xuất bản Thế giới đương đại (Bắc Kinh - Trung Quốc) cho xuất bản bộ sách Ngọn lửa chiến tranh lạnh (Lãnh chiến phong hỏa) do Lý Kiện biên soạn. Bộ sách được biên soạn công phu, để cập đến nhiều sự kiện chính trị lớn trên thế giới như chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh vùng Vịnh, sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu... Những trang tư liệu mới công bố về các mối quan hệ phức tạp giữa các nước lớn như Xô - Mỹ, Mỹ - Trung, Trung - Xô... cùng những phân tích khá cụ thể về bối cảnh quốc tế, đường lối, chính sách đối ngoại từng thời kỳ của từng nước trong sự biến động to lớn của lịch sử thế giới đương đại...giúp bạn đọc có thêm tư liệu nhìn nhận, nhận định về một giai đoạn lịch sử quan hệ quốc tế đã qua.

Văn nghệ xin trích giới thiệu một phần trong những trang viết về mối quan hệ Trung - Xô, in nhiều kỳ. Chúng tôi xin cảm ơn Nhà xuất bản Thanh Niên đã chuyển cho Văn nghệ tư liệu đáng quý này.

V.N.

Chu Ân Lai đang đứng cạnh Chu Đức.

- Bất Thờ này, người không được khỏe mà cũng đến à - Mao Trạch Đông nhìn khuôn mặt sưng đỏ mắt ngủ lâu ngày và chiếc cánh tay phải run rẩy bầy của Nhiệm Bất Thờ, giọng như có ý trách - Cần chú ý sức khỏe, tuyệt đối không được liều lĩnh với tâm thần già như vậy!

Nhiệm Bất Thờ mỉm cười:

- Vâng.

Mao Trạch Đông gật đầu hài lòng, sau đó vốc người cao lớn của ông cúi xuống nói với những người đi tiễn đứng xung quanh:

- Các vị đều đã đến cả, tôi muốn ký với các vị một "hiệp định quân tử"!

- Được - Mọi người đồng thanh phụ họa theo.

- Thế này nhá - Mao Trạch Đông chậm rãi nhướn đôi lông mày, giơ một ngón tay - Tôi cảm tình con khi, trời sinh hiểu đồng không thích tình, ưa tung tẩy khắp nơi. Sau này tôi có đi ra ngoài, các vị không cần tiễn đưa đón rước. Các vị đưa đón tôi, phiền phức cho các vị đã đành, Mao Trạch Đông tôi đây cũng không thoải mái. Các vị cũng đừng lo có kẻ bắn lên tôi. Tay nào muốn đồng đến cái đầu của Mao Trạch Đông tôi cũng không dễ đâu. "Lai vô ảnh, khứ vô hình", đi không biết, về không hay, đâu có là quý thần cũng chẳng biết đầu mà mò, có phải thế không vị đại thần công an?

Nói đến đây, Mao Trạch Đông đột nhiên quay về phía Dương Kỳ Thanh, Thứ trưởng Bộ Công an đang đứng đằng sau. Dương Kỳ Thanh thật thà cười đáp:

- Đúng a.

- Các vị xem, đồng chí ấy đã cam đoan rồi đấy, các vị còn chưa yên tâm sao?

- Yên tâm rồi a, xin Chủ tịch giữ gìn - Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức tươi cười trả lời.

- Thôi cứ thế nhá!

Mao Trạch Đông đưa ánh mắt tinh anh nhìn mọi người một lượt, thấy không ai có ý kiến gì, ông lạnh thình với vẻ hài lòng, sau đó từ tốn vẫy tay rồi rào bước đi về phía đoàn tàu đặc biệt mang số hiệu 9002 đầu trước sân ga.

Dương Kỳ Thanh vừa định đi theo Mao Trạch Đông tới đoàn tàu thì Chu Ân Lai khẽ kéo áo ông. Ông hiểu ý, đứng ngay lại.

- Thứ Thủ tướng, Thủ tướng còn dặn dò gì nữa không a?

- Vừa rồi đồng chí Thụy Khanh báo cho biết, trước đây một tiếng, điện đài bí mật của địch phát tín hiệu báo tin đoàn tàu đặc biệt của Chủ tịch sắp sửa khởi hành.

Chu Ân Lai chau mày, trên khuôn mặt đôi chút võ vàng lộ rõ vẻ lo âu:

- Đồng chí Kỳ Thanh, chuyến đi này liên quan đến những việc vô cùng hệ trọng, đồng chí phải cẩn thận từng li từng tí, phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Chủ tịch, không được để xảy ra một chút sai sót nào đấy!

- Xin Thủ tướng yên tâm, tôi nhất định bảo đảm Chủ tịch tới Mãn Châu Lý an toàn! - Dương Kỳ Thanh uốn ngực đứng nghiêm...

Chu Ân Lai yên lặng không nói gì. Ông không mấy may nghi ngờ sự trung thành và lão luyện của người chiến sĩ Hồng quân già, người phụ trách công tác bảo vệ kỳ cựu này.

Tháng 5 năm 1942, bọn xâm lược Nhật Bản dùng chiến thuật "bao vây bằng bức tường thép", một lần nữa tiến hành cuộc "vây quét" lớn khu căn cứ Thái Hàng Sơn. Các cơ quan quân, chính, đảng bị tổn thất nặng. Người nhà và nhân viên công vụ của Dương Kỳ Thanh cũng bị quân địch bắt. Ít lâu sau ông được tin các đồng chí bị bắt trong cuộc chống càn hồi tháng 5 đã thành lập chi bộ Đảng trong "Trại tập trung" Thái Nguyên, nhân viên công vụ của ông cũng tham gia hoạt động và bí mật liên hệ được với Tổng bộ tiền phương của Bát lộ quân đóng ở Thái Hàng Sơn. Dương Kỳ Thanh tranh thủ thời cơ, thông qua nhân viên công vụ do nắm tình hình nội bộ quân địch, tích cực tìm cách cứu các đồng chí bị bắt. Sau khi cuộc chống càn kết thúc, La Thụy Khanh - Chủ nhiệm chính trị Bộ tổng chỉ huy tiền phương Bát lộ quân, tại một đại hội đã biểu dương: Trong cuộc chống "vây quét", rất nhiều cán bộ do Dương Kỳ Thanh lãnh đạo đã hy sinh, người nhà của đồng chí Thanh cũng bị bắt, nhưng đồng chí vẫn rất hăng hái, rất tin tưởng, đứng vững trên cương vị của mình, kiên quyết đấu tranh với quân địch. La Thụy Khanh kêu gọi các cán bộ chiến sĩ học tập tinh thần cách mạng cao cả, không tính toán riêng tư, không nao núng trước kẻ thù của Dương Kỳ Thanh.

Nhớ lại, hồi cuối năm 1942, quân địch rầm rộ phát động cái gọi là "phong trào tăng cường trị an", xiết chặt ách thống trị phát xít ở vùng địch chiếm, tìm trảm phương nghìn kẻ đầu đảng vào khu căn cứ để chui sâu vào phá hoại. Tổ chức bí mật "Duy trì hội" của Nhật - Ngụy lên lút thâm nhập khu căn cứ. Bọn chúng dẫn đầu gia hiệu của tên Hán gian Ưng Tinh Vệ và bọn đặc vụ Tưởng đầu hàng Nhật đã lọt vào nơi đóng quân của Tổng bộ tiền phương Bát lộ quân. Một phần bộ Quốc dân Đảng phải một nữ điệp viên nằm vùng ở khu căn cứ, dụ dỗ mua chuộc cán bộ âm mưu ám sát thủ trưởng Tổng bộ tiền phương Bát lộ quân. Dương Kỳ Thanh trực tiếp chỉ đạo phá được vụ án lớn này, giáng cho kẻ thù một đòn nặng nề, bảo vệ được cơ quan đầu não và sự an toàn của cán bộ lãnh đạo.

Giữa và cuối thời kỳ chiến tranh chống Nhật, trong công tác thẩm tra cán bộ của Đảng ở Diên An, đường lối "làm trong sạch nội bộ" của Mao Trạch Đông do bị ảnh

hưởng "lả khuynh" nặng nề nên có thời kỳ mắc sai lầm nghiêm trọng. Sai lầm này lan cả đến khu căn cứ Thái Hàng Sơn. Năm 1944, Dương Kỳ Thanh từ Diên An trở về Thái Hàng Sơn. Theo chỉ thị của Mao Trạch Đông và Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Đảng Tiểu Bình, Đảng Đại Viên, ông tiến hành thẩm tra lại các "vụ án" của cán bộ khu Thái Hàng. Ông nghe báo cáo từng vụ án, xem tài liệu, tiến hành điều tra, cùng nghiên cứu với các đồng chí có liên quan, rút ra những kết luận thực sự chính xác, nhanh chóng sửa được hàng loạt các vụ án sai, ăn giá.

Vụ nã pháo vào Thiên An Môn để phá hoại việc thành lập nước, vụ gián điệp trong Tổ đặc biệt Thiên Tân thuộc Cục bảo mật... đều do Dương Kỳ Thanh chủ trì, và tham dự phá án. Nhưng quá khứ vinh quang không đồng nghĩa với hiện tại, huống hồ, bức điện mật đặc biệt của địch vừa mới thu được chứng tỏ kẻ địch đã bắt đầu những hành động tội ác! Ai dám bảo đảm rằng trên tuyến đường sắt dài hơn vạn dặm không có điều "bất trắc" ngẫu nhiên nào đó? Nếu điều "bất trắc" đó xảy ra sẽ mang lại cho Đảng, cho nhân dân những tổn thất nặng nề biết chừng nào!

Chu Ân Lai nắm chặt hai bàn tay Dương Kỳ Thanh thiết tha căn dặn:

- Tất cả đều trông cậy vào đồng chí, có tình hình gì báo cáo kịp thời, tôi và Bộ trưởng Công an La Thụy Khanh trực ban 24/24 giờ.

- Rồi! - Dương Kỳ Thanh rạp chân chào Chu Ân Lai theo lễ tiết quân nhân, rồi cùng với Bộ trưởng công an La Thụy Khanh rào bước đuổi theo Mao Trạch Đông đang đi phía trước.

HAI VI NHÂN LẦN ĐẦU TIÊN BẮT TAY NHAU

Ngày 9 tháng 12, đoàn tàu đặc biệt của Mao Trạch Đông đến thành phố Mãn Châu Lý. Đoàn tàu phải dừng lại trên thảo nguyên mênh mông bao la để chờ đổi tàu vì đường sắt Trung Quốc đường ray hẹp, đường sắt Liên Xô đường ray rộng.

Đoàn tàu cao cấp đón đoàn Mao Trạch Đông đã đỗ trên sân ga biên giới của Liên Xô từ rất sớm. Đây là đoàn tàu thiết bị rất đầy đủ, có phòng họp, phòng ngủ, phòng nghỉ ngơi, và phòng tắm, nói chung rất đáng hoàng. Đến đường biên đón Mao Trạch Đông có các cán bộ lãnh đạo Đảng, Chính quyền, quân đội địa phương và Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô. Mao Trạch Đông bước tới thân mật bắt tay họ. Đôi bên thăm hỏi nhau xong, ông và đoàn tùy tùng lên tàu của phía Liên Xô, trong tiếng còi tàu vang vang, đoàn tàu rời đường biên, lao vun vút trên đất nước Liên Xô. Ngồi trên tàu, thần thái của Mao Trạch Đông rất bình thản, phần lớn thời gian ông cầm cuốn sách và tra cứu tư liệu, đôi khi nhân viên tới mời ông dùng bữa, ông cũng không nghe thấy. Đoàn tàu tới ga đầu tiên trong nội địa từ lúc nào không hay, thấy tàu dừng lại, Mao Trạch Đông ngước đầu lên hỏi: "Đây là đâu?" Nhân viên báo cáo địa danh và mời ông xuống tàu, nói là có đôi danh dự đón chào ông. Mao Trạch Đông sửa sang lại y phục, sải bước xuống tàu.

Mao Trạch Đông dừng lại ở sân ga giấy lát, ngước nhìn bầu trời, trời ở đây vắng lặng, cảnh tượng của mùa đông giá lạnh. Trên bãi đất trống trước ga, cây cối mùa đông xơ xác, sương sớm còn đọng trên cành, gió bắc thổi qua kẽ lá kêu xào xạc. Ngắm nhìn quang cảnh xong, Mao Trạch Đông lại sải bước nhanh nhẹn đi về phía trước.

Tiếng quân nhạc bốn phía nổi lên, tiếng trống tiếng kèn rộn vang, các hàng quân danh dự oai nghiêm chỉnh tề đứng nghiêm trước ga, quần phục mới đồng màu, súng bộ binh trên tay, họ "roạt" một tiếng đều tằm tắp chào vi lãnh tụ của Trung Quốc đang đi lại phía họ. Mao Trạch Đông không quân gió rét, rào bước đi duyệt đôi danh dự, bắt tay chào những người ra đón, sau đó đứng một lát rồi lại lên tàu.

Đoàn tàu tiếp tục lao đi trong gió rét gào thét. Xibên nổi tiếng với những luồng không khí lạnh. Nó hoàn toàn vô tình với cả những vị khách Trung Quốc lần đầu tiên tới Liên Xô. Trên nóc tàu, bên ngoài các cửa sổ đã bắt đầu treo lơ lửng những chuỗi hạt sương li ti đọng thành hàng sương long lanh, đọng đưa run rẩy. Khi đoàn tàu đến Novôximbiéc, Mátxcơva gọi điện tới nhà ga hỏi thăm tình hình sức khỏe của Mao Trạch Đông, trên đường đi có thuận lợi không, cần cần giúp đỡ gì nữa, Mao Trạch Đông nghe xong xoa tay bảo nhân viên:

- Nói với các đồng chí Liên Xô là chúng tôi đều rất khỏe mạnh, cảm ơn sự quan tâm của các đồng chí đó.

Khi đoàn tàu đến ga Xvêtiôpxcơ, Mao Trạch Đông thấy người hơi khó chịu, sắc mặt có phần không bình thường, có lẽ là mệt do khí hậu thay đổi.

- Thứ Chủ tịch, có cần báo cho phía Liên Xô không a?

- Nhân viên công tác lo lắng hỏi.

- Không cần, không cần - Mao Trạch Đông xoa tay, rồi đứng dậy nói - Đi khi nào dừng, xuống chỗ hít một chút không khí trong lành là khỏi thôi.

Khi tàu dừng hẳn, Mao Trạch Đông cùng với các nhân viên tùy tùng xuống tàu, đi đi lại lại một lúc trên sân ga. Lúc đó thời tiết rất lạnh, nhiều người rết quá hai tay xoa vào nhau liên tục, họ sợ Mao Trạch Đông bị lạnh khuyên ông lên tàu nghỉ ngơi.

Mao Trạch Đông cười cười bảo:

- Không sao đâu.

Nói đoạn, ông vẫn động thân thể, mấy cái rồi mới bước lên tàu, các nhân viên tùy tùng thấy thần thái của Mao Trạch Đông trở lại bình thường mới thở phào nhẹ nhõm.

(Còn nữa)

NGÔ VĂN TUYẾN - THÁI HOÀNG - CHU QUÝ dịch

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA MỌI NGƯỜI



Chủ tịch Phi đen Castro

MỘT ĐỊCH THỦ THÔNG MINH

AGOSTINO CASAROLI (Ý), Giáo chủ Hồng Y, Cựu Bộ trưởng ngoại giao Nhà nước Vatican

Tôi đã tới thăm Cuba do lời mời của Đoàn giám mục chứ không phải do Nhà nước Cuba, nhưng tôi đã được chính phủ tiếp đón rất nồng nhiệt. Chuyến thăm viếng của tôi là một chuyến thăm không chính thức. Nhưng đêm trước ngày bay Phiđen đã gọi điện đến Tòa sứ thần Tòa Thánh. Lúc đó tôi đang làm lễ Misa tại Nhà thờ lớn, mọi người báo cáo với Phiđen là tôi đi vắng và đến giờ nào tôi sẽ trở về.

Vào khoảng 11h30 đêm đó Phiđen tới. Chúng tôi chuyển trò trong khoảng hai giờ đồng hồ. Đây là một cuộc nói chuyện đầy tình nhân ái và thân mật.

Một trong những điều mà vị Tổng tư lệnh nói với tôi là: "Tôi cứ tưởng gặp một đức ông to lớn, và bây giờ tôi được gặp một con người nhỏ nhắn, rất khiêm tốn, rất bình dân". Đó là ấn tượng tích cực đầu tiên của ông về tôi.

Cuộc nói chuyện diễn ra không theo trình tự nào cả, ngay cả lúc kết thúc cũng chẳng đặt ra một cái gì cụ thể, một chút gì đến chính sách quan hệ Nhà thờ - Nhà nước, nhưng cuối cùng thì tất cả những điều đó đều đã được đề cập tới.

Tôi có một kỷ niệm pha chút lưu luyến, vì tôi không chỉ đã gặp một đất nước mà còn gặp một con người thông minh cao độ, văn hoá sâu rộng và giàu ý tưởng. Tất nhiên chúng tôi không nhất trí với nhau trong mọi quan niệm, nhưng cuối cùng cuộc nói chuyện cũng rất thú vị và, về một số mặt nhất định, rất dễ chịu. Tiếp chuyện một địch thủ thông minh thật khoan khoái hơn nhiều so với nói chuyện cùng một người bạn thiếu cái tố chất đó. Nói về kỷ niệm thì đây là một kỷ niệm tốt.

(Báo Granma, La Habana, 16-1-1998)

MỘT HIỆN THỰC CỤ THỂ HOÁ

ALEJO CARPENTIER, Nhà văn Cuba

Phi đen Castro và Hô-sê Mac-ti là những người con kiệt xuất và vĩ đại của dân tộc Cuba, những con người đã khởi xướng phong trào cách mạng Cuba lãnh đạo nhân dân Cuba đấu tranh tự giải phóng khỏi sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, giải phóng khỏi chế độ thực dân Tây Ban Nha, khai sinh ra nước Cộng hoà Cuba. Vì thế họ xứng đáng được nhận những lời ca tụng đẹp đẽ nhất mà các chính khách, văn sĩ của thế giới trao tặng.

Dưới đây Văn nghệ xin trích đăng một số các phát biểu của bạn bè thế giới dành cho hai vị lãnh đạo xuất sắc này nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Cuba 1-1-2002.

V.N.

Những người thuộc thế hệ tôi nhận thấy những khát vọng sâu sắc của chúng tôi đã thành hiện thực trong Cách mạng. Những trường hợp đào nhiệm đảng kể chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Tôi nghĩ những khát vọng đó không riêng của những người Cuba mà cũng là của tất cả mọi người Mỹ - Latinh nói chung. Có nghĩa là, niềm hy vọng của một châu Mỹ hoàn toàn khác, một châu Mỹ tốt đẹp hơn, hướng về tương lai trong bầu không khí công bằng, năng động, mạnh mẽ và nhất trí của mọi dân tộc khác nhau đã tìm thấy trong Cách mạng Cuba và trong những ý kiến của Phiđen Castro một hiện thực cụ thể hoá.

(Ramón Chao: Những lời nói của thời đại, Nxb argos Vergara, Tây Ban Nha, 1984, trang 28)

NGƯỜI BẠN ĐỌC MẮN TUỆ

GABRIEL MARQUEZ (Colômbia), Giải Nobel Văn chương

Phiđen Castro là một bạn đọc mẫn tuệ, một người yêu say và am hiểu căn cựa nền văn học lành mạnh của mọi thời, kể cả trong những hoàn cảnh khó khăn nhất ông vẫn có một cuốn sách hay trong tay để đọc mỗi khi rảnh việc. Sau một đêm thức trắng để trò chuyện, khi chia tay nhau vào lúc 4 giờ sáng tôi để lại cho ông một quyển sách, đến 12 giờ trưa quay lại, tôi thấy ông đã đọc xong cuốn sách. Hơn nữa, ông còn là một bạn đọc rất chăm chú và tỉ mỉ, từng phát hiện được những mâu thuẫn và những tư liệu sai sót ở những chỗ mà không ai ngờ tới. Sau khi đọc xong truyện ngắn *Chuyện về một kẻ đắm tàu*, ông đến thẳng khách sạn tôi ở chỉ để nói với tôi rằng có một tính toán sai về tốc độ của con tàu ở chỗ nếu như thể thì con tàu không cập bến đúng giờ như tôi đã viết. Ông nói đúng. Vì vậy trước khi xuất bản cuốn *Kỷ sự về một cái chết đã được báo trước* tôi mang bản thảo gốc đến cho ông xem, ông đã chỉ cho tôi chỗ sai khi viết về các chủng loài súng săn. Người ta nhận thấy ông rất thích thú giới văn chương và ông cảm thấy rất thoải mái khi gần họ. Ông rất khoan khoái chăm lo cho hình thức văn chương của các bài diễn văn viết mỗi ngày một nhiều hơn của mình. Đã có lần không phải không có đôi chút dằn vặt tiếc nuối ông nói với tôi: Kiếp sau, tôi muốn trở thành một người viết văn.

(Plinio Apuleyo Mendoza: Hương ổi, Nxb Oveja Negra, Bogotá, năm 1982, trang 127-128)

ĐIỀU THIÊN CHO NHÂN DÂN MÌNH

HARRY S. TRUMAN, chính trị gia, cựu tổng thống Mỹ
Tôi tin rằng Phiđen Castro là một chàng trai tốt, luôn mong điều thiện cho nhân dân Cuba, vì lẽ đó mà chúng ta cần biểu lộ cảm tình và giúp đỡ anh ta làm những gì đúng đắn cho dân tộc mình.

(Hồi ký của Dwight D. Eisenhower, Nxb Bruguera, Tây Ban Nha, 1965, tập II, trang 504)

THƠ HÀN QUỐC HIỆN ĐẠI

KWANG-KYU KIM

Miền đất của sương mù

Trên miền đất của sương mù

Tất cả luôn luôn che giấu
Và chưa có gì xảy ra

Nếu có gì xảy ra
thì cũng không ai nhìn thấy
bởi sương mù

Nếu anh sống trong sương mù
anh sẽ quen tất cả
và anh không cần nhìn

Vì thế anh không cần nhìn
trên miền đất của sương mù
nhưng anh phải biết nghe

Và nếu anh không biết nghe
anh chẳng thể nào sống nổi
chính vậy tại người lớn mãi
giống tại của bấy thổ rừng

Những cái tại của sương trắng
sống trong miền đất sương mù

Trở về nhà buổi tối

Đã từ lâu chúng ta từ bỏ mọi ý nghĩ bay lên.

Giờ trong tháng năm này chúng ta thậm chí
không buồn chạy

Chúng ta không muốn đi, bởi thế
Chúng ta chuyển động nhờ xe buýt và tàu điện ngầm

PARK-JE CHUN

Những chiếc mặt nạ

Đêm đêm tôi sửa chữa những chiếc mặt nạ
Cất giấu nơi tối tăm
Những chiếc mặt nạ giận dữ, những chiếc mặt nạ
đau buồn
Những chiếc mặt nạ hiện thân cho xu nịnh và ô nhục.

Tôi lau rửa những chiếc mặt nạ bằng nước mắt tôi
Và mỗi bán mai tôi chọn cho tôi một chiếc mặt nạ
Khi tôi không thể chọn cho mình chiếc mặt nạ
thích hợp

Tôi vội vã soi vào gương
Và tự làm cho mình một chiếc mặt nạ mới.

Trên bộ mặt con người trống rỗng của tôi
Tôi phải vẽ một đôi mắt, một cái mũi và những cái tai.
Tôi trút từng lớp từng lớp đất cho nụ cười.

Hãy nhìn mà xem, gương mặt của ai đang
hiển hiện trong gương?
Và của ai những chiếc mặt nạ ở trong gương ấy?

Lá rụng

Khi tôi quò quang trong đồng lá rụng,
Tuyết trắng nằm ngoài đôn đầu vật vờ.

Trong đồng lá rụng năm nay,
Tuyết trắng nằm ngoài đôn đầu vật vờ.
Và trước những lá rụng của tôi
Tuyết trắng dần dần biến mất.

Khi tôi lùa tay vào đồng lá rụng
Tôi thấy sự sống của năm ngoái đang quần quai bỏ.

NGUYỄN QUANG THIỀU dịch



TRONG chuyến đi thăm Đức lần này, có được những cuộc trò chuyện với một số nhà văn Cộng hoà Dân chủ Đức trước đây. Thật ra, việc này không dễ. Những nhà văn mà tôi biết thì có người đã vĩnh viễn ra đi, có người thay đổi chỗ ở, có người già yếu lắm rồi. Cũng may, một số người còn ở Béc-lin, trong đó có nhà văn Ê-bơ-hác Pa-nít-xơ - tác giả của ngót 60 tác phẩm, kể cả trước và sau khi nước Đức thống nhất. Được chị Ua-du-la Ha-ken, nguyên phóng viên thường trú của báo Nước Đức mới và Thông tấn xã AND tại Việt Nam liên hệ, ông nhận lời tiếp tôi tại nhà vườn của ông ấy ở làng Pô-ri-ôx, huyện Đamê Sprê, tỉnh Phrăng - puốc bên sông Ô-đơ. Chị Uadula vui lòng lái xe đưa tôi đi. Thật ra, chị cũng muốn gặp nhà văn, vì hai người vốn quen nhau từ thời trẻ tuổi, lại từng có dịp làm việc ở Hà Nội. Êbôhác Panitxơ đã sang Việt Nam ba lần trong các năm 1973, 1974, 1975. Tôi chưa trực tiếp trò chuyện với ông bao giờ, nhưng rất yêu mến ông bởi những quyển sách ông viết về Việt Nam. Riêng cuốn Những gương mặt Việt Nam của ông được tái bản nhiều lần, có lần in cùng hàng trăm ảnh do Thô-mát Biênhác chụp trong những chuyến đi Việt Nam...

Bởi vì Êbôhác Panitxơ đang ở tại một xóm nhỏ bên suối, khuất sau một vùng rừng, rất khó tìm, nên ông hẹn gặp ở một cửa hàng tạp hoá. Ông sẽ có mặt ở đó và đón về nhà. Rất đúng giờ, ông đạp xe tới. Tôi nhận ngay ra ông, một gương mặt bầu bĩnh, miêng cười rất tươi. Thật không ngờ trước mặt tôi là nhà văn đã ở tuổi ngót 70! Ông giản dị. Tôi bước tới ông, hai chúng tôi ôm chầm lấy nhau. "Cảm ơn ông nhận lời tiếp tôi" - tôi nói với ông, trong khi hai bàn tay chúng tôi vẫn siết chặt. Ông cười: "Tôi phải cảm ơn ông chứ! Đường xa, thời gian hiếm hoi mà ông bố trí đến thăm tôi..."

Căn nhà vườn của ông, như đã nói, nằm sát bên suối, đúng ra là một đoạn của sông Đamê. Cây cối mọc um tùm, cỏ lên xanh tốt và nước sông trong la lung. Ở đây yên tĩnh quá, thật thích hợp cho công việc sáng tác của nhà văn. Panitxơ vui vẻ nói: "Ông xem, tôi cũng có hang, có suối..., trông giống như Pác Bó ngày xưa của Bác Hồ vậy". Rồi ông chỉ vào cây sồi to, lá sum suê trước nhà, nói tiếp: "Còn đây là cây đa Tân Trào!". Rồi rằng, trong lòng ông đã in đậm những hình ảnh của Việt Bắc lịch sử. Ngày ấy, trong chuyến đi Việt Nam, sau khi thăm Pác Bó, về Hà Nội ông được Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp thân tình. Theo ông, đó là một vị tướng huyền thoại - huyền thoại bởi vì ông Giáp không chỉ là nhà quân sự, mà còn là một nhà văn hoá lớn, một nhà nhân văn giàu tình yêu thương đồng đội... Cuốn Những gương mặt Việt Nam của Pa-nít-xơ có nhiều trang ghi lại cuộc tiếp của tướng Giáp. Hôm nay gặp tôi, nhà văn đã chọn đọc tôi nghe nhiều đoạn trong đó...

Vợ và các con ông đang đi du lịch ở Thổ Nhĩ Kỳ. Ở nhà một mình, không biết nấu nướng, ông chỉ luộc xúc xích chấm mù tạt ăn với bánh mì, uống mấy quả cà chua và dưa chuột. Nước uống có bia, nước quả, nước suối lọc. Thế là xong bữa. Miếng là có sức và thời gian để viết. Ông nói rằng, là nhà văn thì phải viết. Như người thợ phải cưa gỗ, phải đúng máy, người nông dân phải cày. Viết là tồn tại, là sống. Không thì thật vô nghĩa.

- Chủ đề chính trong các tác phẩm của ông là gì?

- Những người phụ nữ chiến đấu cho quyền bình đẳng trong xã hội. Những chiến sĩ cách mạng trên thế giới, như Chê Ghê-va-ra...

- Xin ông cho biết số lượng bản in và nhuận bút?

- Nói vắn tắt: thua xa thời Cộng hoà Dân chủ Đức. Hồi ấy, mỗi tác phẩm in tới 20, 30 ngàn bản, giá rẻ, dễ bán. Bây giờ chỉ

CÁC NHÀ VĂN ĐÔNG ĐỨC (CŨ) HIỆN NAY SỐNG RA SAO?

TRẦN ĐƯƠNG



Nhà văn EBERHARD PANITZ

đó một ngàn bản, giá bán tới 15-20 DM (tức là 7 đến 10 USD!). Không được nhuận bút. Người ta in cho là may. Rồi người ta đưa cho một phần sách, bán được thì tiêu, không thì đem tặng bạn bè.

- Việc in ấn có khó khăn lắm không?

- Chỉ có một số nhà xuất bản nhân in sách của chúng tôi. Đó là các Nhà xuất bản cánh tả như: Spotless, GNN, Schwarzenkopf, Neues Berlin... Còn các nhà xuất bản lớn đều từ chối, đó là lẽ tự nhiên...

- Không có nhuận bút, các nhà văn sống ra sao?

- Bằng đồng lương hưu khiêm tốn hoặc bảo hiểm xã hội. Tôi may mắn còn được vợ giúp đỡ. Mấy năm trước, bà ấy hoạt động trong Đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ (PDS), là đại biểu của Béc-lin trong Quốc hội. Nay thôi rồi. Bà ấy chuyển sang làm nhân viên cho một hãng ô tô, nhờ thế mà có lương nuôi chồng, nuôi con...

- Các nhà văn như Hécman Cẩn, Crixta Vônphơ thì sao?

- Tình hình của Cẩn khá vất vả. Nhà của ông vốn được Hội đồng Bộ trưởng cấp đã bị thu hồi. Ông vốn là Ủy viên Trung ương Đảng, là Chủ tịch Hội mà... Sức khoẻ ông kém... 75 tuổi rồi. Vợ và các con trốn sang Anh. Chị ta lấy chồng mới. Một mình ông, không ai chăm sóc, lương hưu thấp, chỉ có 2000 DM cho nên không thuê nổi nhà trong thành phố, phải sống tạm Prellang. Nếu thuê ở Béc-lin, mất ít nhất một nửa số tiền hưu ấy... Được cái, ông là người có thái độ tốt, đúng đắn. Dĩ nhiên là "sau bước ngoặt" (nach der Wende), ông xúc động và suy nghĩ nhiều. Có một đạo người ta làm ấm i lên là ông giúp việc cho "an ninh" (Stasi). Vừa rồi, nhân sinh nhật lần thứ 75 của ông, Nhà xuất bản Xây dựng (Aufbau) có nhận in cho ông một tiểu thuyết, nhưng nhuận bút chẳng là bao...

Crixta Vônphơ hiện ở Béc-lin. Sách của bà được in ở Tây Đức ngay từ trước khi thống nhất đất nước. Nhưng rồi cũng bị nghi là tay chân của "an ninh".

Erich Nôisơ vừa tròn 70 tuổi. Cách đây 6, 7 năm, ông có cho in vài tập tiểu thuyết. Hiện đang viết về một cuộc chiến tranh trong rừng xanh. Thỉnh thoảng có xuất hiện trên màn ảnh nhỏ, để cập các vấn đề thời sự của dân tộc Đức. Ông gặp không may:

người vợ mới mất vì xuất huyết não!

Ông bà Cuốc và Gianna Stécơ đã mất lâu rồi. Họ vốn gắn bó với Việt Nam, nổi tiếng vì các phóng sự nóng hổi: *Những đồng lúa - những chiến trường* và *Trước khi trời hừng sáng* ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Êc-vin Stôvimátô đã mất một vài năm "sau bước ngoặt". Tác phẩm của ông đầy ắp vốn sống của một người suốt đời gắn bó với nông thôn. Được cái, sách của ông được tái bản thường xuyên và bán rất nhiều. Có những quyển sách dành hẳn một chỗ cho sách của vợ chồng ông. Bà vợ ông, Éva Stôvimátô, hiện vẫn là một nhà thơ nữ tiêu biểu. Bà cũng là một hiện tượng lạ. Ở tuổi ngót 70 mà vẫn tràn đầy tình yêu, yêu đến khốc liệt, đau đớn, giận hờn... Tình yêu ấy đem lại cho bà những tập thơ thật thú vị...

Một số nhà văn khác như Quynthơ đê Bruyn thì quay quắt ngay từ đầu. Họ không đề cập số phận của người lao động, của quảng đại quần chúng mà nghiêng về hoài cổ hoặc tôn thờ chế độ Phổ. Tiểu thuyết gần đây của ông ta tập trung ca ngợi Lu-i-đơ, một Hoàng hậu Phổ và Napoléon...

- Về tổ chức hội nhà văn, có gì đáng nói?

- Có Hội Nhà văn Đức (VDS). Ngày mới thống nhất nước Đức, người ta nói tất cả các nhà văn Cộng hoà Dân chủ Đức trước đây đều có thể gia nhập VDS, nhưng sau đó tuyên bố trừ 23 người - trong đó có tôi và Nôisơ. Chúng tôi đấu tranh, cuối cùng cũng vào, kể cả Hécman Cẩn, Quynthơ Quê-lích... Nhưng lại có những hội viên cũ xin ra như Quynthơ Grax, người mới được tặng Giải thưởng Nô-ben năm 1999...

VDS cũng là một tổ chức nằm trong tổng hội "Ver-đi". "Ver-đi" là tên gọi tắt của Công đoàn dịch vụ thống nhất (Vereingte Dienstleistungen gewerkschaft) với tổng số 29 hội viên. Như vậy, Hội Nhà văn cũng mang tính chất công đoàn, về nghiệp vụ hoàn toàn không có ý nghĩa gì, nhưng được các luật sư bảo vệ...

- Từng Bang trong nước có Hội riêng không?

- Nói chung là không. Nhưng Béc-lin có NGL (Neue Gesellschaft Literatur), Hội Văn học mới. Ở Pôtxđam, Brandebua, Xắc-xông... cũng có Hội tương tự, nhưng hoạt động yếu lắm...

- Những tác giả nào ở miền tây được ông yêu thích?

- Grax, Boll, Lenxơ, Vandơ... Tôi rất yêu họ. Tác phẩm của họ rất giá trị về nội dung và nghệ thuật. Không khí Đức, màu sắc Đức được thể hiện trong đó rất đặc sắc...

- Trong các tác giả trẻ, có ai đáng nói?

- Đáng nói nhất, có Alêchxăngđơ Ôđăng và Daniêla Đan. Họ rất chú ý những vấn đề chính trị và xã hội. Sách mà không có chính trị, không có tư tưởng thì nhát nhèo vô cùng... Ôđăng vốn là dân miền Đông, đã sang Hambuốc làm việc trong Đài phát thanh. Trong tiểu thuyết *Tin tức*, ông kể lại đời mình khi làm phóng viên Nhật báo Béc-lin thời Cộng hoà Dân chủ Đức. Hiện nay ông thường trú ở Mỹ, chuyên viết phóng sự cho báo Béc-lin. Nét đặc sắc của nhà văn nữ Daniêla Đan là thái độ kiên quyết phê bình các lực lượng chống đối, bởi họ nước Cộng hoà Dân chủ Đức trước đây...

(Nói đến đây, Pa-nít-xơ dừng lại, cho

biết: "Đan là một phụ nữ đẹp lắm, chị có mái tóc dài, đen óng, trông như người Á Đông vậy...")

- Hiện nay ông đang viết gì?

- Cuốn tiểu thuyết về những thay đổi ở quê hương tôi, vùng Quê-lit-xơ, kể từ "sau bước ngoặt". Một vùng công nghiệp rộng lớn bên sông Nai-xơ giờ đây trở nên tàn lụi, xơ xác...

- Xin ông cho biết đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông để giới thiệu với bạn đọc Việt Nam...

- Tôi sinh ngày 16-4-1932 tại thành phố Dre-xden. Sau khi tốt nghiệp trung học ở quê nhà, tôi lên Lai-dích học đại học, khoa ngôn ngữ. Tôi đã làm biên tập viên cho các Nhà xuất bản: Cuộc sống mới (Neues Leben), Quân sự (Militaerverlag). Làm biên tập trong Nhà xuất bản Quân sự, tôi trở thành sĩ quan quân đội, được phong quân hàm thượng úy.

Cuốn sách đầu tiên của tôi mang nhan đề *Kaethe*, viết khi tôi mới 22, 23 tuổi. Cuốn tiếp theo là tiểu thuyết *Lửa chim* khi công tác trong Nhà xuất bản Quân sự. Tôi viết rất nhiều, cả đêm, cả ngày nghỉ. Giám đốc thấy thế, bảo: "Này, đồng chí Pa-nít-xơ, là sĩ quan quân đội mà chỉ ngồi viết sách của mình, thì...". Thế là tôi ra khỏi quân đội, làm nhà văn tự do, từ lúc 28 tuổi. Sau này có thời gian làm biên tập cho Nhà xuất bản Trung Đức.

Sách của tôi, như đã nói, chủ yếu đề cập vai trò người phụ nữ trong đấu tranh vì quyền bình đẳng nam nữ, dưới hình thức tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện vừa. Nhưng cũng khá nhiều bút ký, phóng sự về các nước mà tôi đã tới thăm. Tôi nhớ nhất chuyến đi Cuba 4 tháng. Một chuyến đi tuyệt vời! Cũng đi chuyến ấy có nhà nhiếp ảnh Thô-mát Bìn-hác. Chúng tôi được vợ của Chê Ghê-va-ra làm phiên dịch cho đấy! Cũng là một phụ nữ tuyệt vời. Tôi đã viết về chị ấy. Và cuốn sách về Chê, mới hoàn thành được in 2.000 bản, đó là một thắng lợi đấy.

Đã hàng chục lần tôi đi Nga, Tiệp Khắc, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Ai Cập, Ba Lan... nhưng đều dưới thời kỳ Cộng hoà Dân chủ Đức, do Hội Nhà văn tổ chức. Ba lần đi Việt Nam do Tổng Công đoàn bổ trí. Đi Tây Đức lại do Bộ Văn hoá sắp xếp. Và bốn tháng đi Mỹ là do Chính phủ Mỹ mời. Họ chi tiền về máy bay, mỗi tháng được 1.000 USD, rồi lại được 12 trường Đại học Mỹ mời ở thăm một tháng...

- Ông chủ yếu làm việc ở đâu, Béc-lin hay Phrăng-phuốc?

- Béc-lin. Chủ yếu ở đó. Còn ở đây, tôi về vào dịp cuối tuần và những ngày hè nóng nực...

Nói tới đó, ông nhìn tôi, mỉm cười:

- Nói cho đúng thì ở đâu tôi cũng làm việc. Viết, đối với tôi là nhu cầu tự thân, Viết, là một cách trò chuyện với cuộc đời, với mọi người. Nhà văn là người tư duy không ngừng, không nghỉ. Thế giới của anh ta là lớn. Có khi đang ngồi ở nước Mỹ mà lại theo đuổi một hình tượng nghệ thuật, một nhân vật văn học ở từ xứ sở của Kim Tự Tháp...

Chia tay tôi, ông nói:

- Cho tôi gửi lời chào triu mến tới các bạn đồng nghiệp Việt Nam. Dù cách xa ngàn dặm, tâm hồn tôi luôn bên họ. Chúc họ đưa nền văn học cách mạng tiến lên nhiều bước mới!

NGÔI SAO ĐIỆN ẢNH KATE WINSLET

Kate Winslet, ngôi sao điện ảnh trong vai nhân vật chính của bộ phim *Titanic* được cả thế giới ngưỡng mộ, đang có mặt ở Ấn Độ để đóng nốt những thước phim cuối cùng của *Holy Smoke*, một bộ phim của Úc do đạo diễn Jane Campion dàn dựng. Cô sống trong một khách sạn 5 sao ở thủ đô New Delhi và sinh hoạt giống như bất kỳ một phụ nữ khá giả nào đó đang đi du lịch. Trông Kate chẳng có vẻ gì là một ngôi sao điện ảnh đang bận rộn với một bộ phim sắp sửa được hoàn thành.

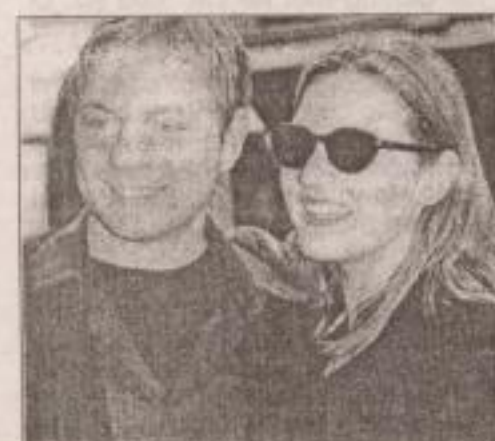
Kate cho biết cô vô cùng cảm động trước những gì mà người dân Ấn Độ bày tỏ đối với cô. Nhiều người Ấn Độ đã nói với Kate rằng dù họ không biết chữ, dù họ không hiểu cuốn phim nói gì, họ không biết Kate đến Ấn Độ bằng gì nhưng sự hiện diện của Kate đã làm cho cuộc sống của nhiều người nước này có thêm chút hương vị và dường như có đã mang đến cho họ một món quà có ý nghĩa đẹp đẽ trong cuộc sống.

Phải chăng Kate vẫn thường xuyên liên lạc với một ngôi sao khác trong phim *Titanic* - Leonardo DiCaprio, người đã cùng cô trở thành biểu tượng cho một cuộc tình huyền thoại. Kate cho biết cô thường xuyên nhận được những cú điện thoại thăm hỏi của Leonardo. Nhiều lần anh chỉ muốn hỏi rằng Kate có được bình an vui vẻ hay không? Tuy nhiên, cũng có nhiều lần hai người nói chuyện rất lâu về

những cuốn phim sắp đóng.

Cách đây 3 năm trước khi sự nghiệp điện ảnh của Kate bắt đầu trở nên rực rỡ, tài sản của gia đình cô còn chưa có gì. Cả bốn chị em lớn lên trong một căn nhà đơn sơ gồm 2 phòng ngủ ở khu phố bình dân. Mỗi dịp nghỉ hè, bốn anh chị em đều đến nhà bạn bè chơi hay đi cắm trại. Riêng Kate theo học tại Trường kịch Redroofs gần Maidenhead cho đến khi cô bước vào tuổi 18. Năm 17 tuổi, Kate tham gia đóng một bộ phim mang tên *Heavenly Creatures* trong đó Kate đóng vai một thiếu niên bị bệnh tâm thần. Tiếp theo đó, Kate được trao một giải điện ảnh của Anh và được đề cử tranh giải Oscar với vai Marianne Dashwood trong bộ phim *Sense and Sensibility* của đạo diễn Ang Lee. Thành công của phim *Titanic* giúp cô trở nên giàu có.

Hai hãng làm phim *Titanic* là Twentieth Century Fox và Paramount đã trả cho cô 1 triệu USD. Phim *Titanic* cũng làm cho cô trở nên nổi tiếng khắp thế giới mặc dù gia đình cô thường xuyên nhận được những cú điện thoại của dư luận than phiền về thân hình nhiều khi quá mập của cô. Đáp lại những lời than phiền này, Kate tuyên bố cô tự hào với sắc đẹp tự nhiên của mình và sẽ không thon thả như điều mà dư luận mong muốn. Một trong những người luôn luôn bên cạnh cô là Emma Thompson, người đã từng cùng cô đóng chung trong phim *Sense and Sensibility*. Kate đã gắn bó với Emma sau khi chia tay với người bạn trai trước đây của cô là Stephen Tredre, người



đã qua đời vì bệnh ung thư 4 ngày trước khi phim *Titanic* ra mắt khán giả tại Hollywood.

Có nói thẳng là cô rất ghét thời trang Kéo-giê-kê-cờm của không ít diễn viên Hollywood và cô chỉ thích có một cuộc sống bình dị của một người vợ, một người mẹ, bởi lẽ đối với cô, điện ảnh chỉ là một nghề nghiệp bình thường như bao nghề khác mà thôi.

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1922

Diễn văn của PER HALLSTROM, Chủ tịch Ủy ban Nobel của Viện Hàn lâm Thụy Điển



BENAVENTE, JACINTO, nhà văn, nhà viết kịch, Tây Ban Nha, (1866-1954). Sinh tại Madrid, con trai một bác sĩ nhi khoa. Học luật, sau bỏ học và đi du lịch nhiều nơi như Pháp, Anh, và Nga. Trở lại Tây Ban Nha, biên tập và viết bài cho một số báo và tạp chí. Năm 1893, xuất bản một tuyển tập thơ và trở nên nổi tiếng với *Văn chương phụ nữ* (1892-1893), một loạt các bài văn về phụ nữ. Năm 1892, bắt đầu viết kịch. Kịch của Benavente nói về mọi tầng lớp trong xã hội; cả bi và hài, cả hiện thực và không tưởng, nhưng chủ yếu vẫn là các vở hài kịch và các vai hề độc diễn. Benavente xây dựng cấu trúc các vở kịch rất khéo léo, đi vào chiều sâu tâm lý nhân vật. Với 171 vở kịch, được coi là "Người cách tân nổi tiếng của sân khấu Tây Ban Nha".

Được trao giải Nobel văn chương năm 1922.

Tác phẩm chính: *Nhà hát kịch kì quái* (1892), *Tổ chim khác* (1894), *Xã hội thượng lưu* (1896), *Vợ ngài thống đốc* (1901), *Hoa hồng mùa thu* (1905), *Bà chủ nhà* (1908), *Công việc làm ăn là công việc làm ăn* (1908), *Tình yêu mù quáng* (1913), *Gồng cùm của bóng lộc* (1907), *Con trai, ông thánh tượng của bậc cha mẹ* (1954).

JACINTO Benavente đã cống hiến tài năng sáng tạo của ông chủ yếu cho lĩnh vực kịch, và dường như ông đã dẫn dắt một cách có hệ thống con đường phát triển của mình theo hướng này qua nhiều khúc đoạn khác nhau. Nhưng với người nghệ sĩ đầy sáng tạo này, cái gọi là hệ thống dường như chỉ là một cách thể hiện tự do và khoáng đạt toàn bộ bản thể ông. Xem ra, không ai có thể đạt được mục đích nếu chỉ chịu bó ra một ít nỗ lực và trần trở không tương xứng với giá trị của thành tựu của y.

Văn phong của ông do đó đã đạt được tính độc đáo nhất - đó là sự trang nhã. Đây là một giá trị hiếm có, đặc biệt là trong thời đại của chúng ta, thời đại có rất ít nhu cầu cho giá trị đó trên thị trường và hầu hết mọi người không nhận biết. Thế nhưng, sự trang nhã, nó khác thường như thế nào thì cũng quý giá bằng ngần ấy. Đó là biểu tượng về sự cân bằng của các thể lực, của kỷ luật tự thân và sự bảo đảm cho nghệ thuật, nhất là khi sự trang nhã ấy không phải là mục đích tự thân, không đơn thuần là một sự phù phiếm, mà nó in dấu ấn - một cách tự nhiên, không dụng sức - lên toàn bộ tiến trình định hình. Vậy, nó không chỉ dựa trên bề mặt mà ảnh hưởng tới thể loại; nó quyết định mỗi thành tố trong việc xử lý đề tài và mỗi dòng văn trong quá trình miêu tả.

Phạm vi sáng tác của ông chủ yếu là hài kịch, nhưng thuật ngữ đó tại Tây Ban Nha lại mang nghĩa rộng hơn là ở nước ta (Thụy Điển, ND); nó bao hàm những gì mà

nói chung ta có thể gọi là những vở kịch thuộc tầng lớp trung lưu không có kết cục bi thảm. Nếu có một kết cục như thế, những vở như vậy được gọi là *drama* (kịch). Benavente cũng đã viết những vở như vậy, bao gồm một vở gây xúc động và để lại nhiều ấn tượng, *La Malquerida* (Tình yêu mù quáng, 1913). Ông cũng đã sáng tác nhiều tác phẩm lãng mạn và hư cấu, trong đó có những tác phẩm đặc sắc với nghệ thuật thơ ca tinh tế, đặc biệt là những tác phẩm cổ quí mô nhỏ.

Những sáng tác trung tâm của ông nằm ở các vở hài kịch mà, như chúng ta đã thấy, có thể vừa nghiêm túc vừa vui nhộn; và trong các thể loại hài kịch ngắn mà trong nền văn học Tây Ban Nha đã phát triển thành các thể loại hài kịch đặc biệt có truyền thống về vang lâu đời. Trong thể loại thứ hai này, Benavente là một bậc thầy có ma lực bởi sự dí dỏm tự nhiên, tinh khôi hài của ông, bản chất nhân hậu ngợi sáng của ông, và trên hết là sự trang nhã của ông, kết hợp tất cả những nguyên do nhỏ nhặt, 1908), *El amor austro* (Tình yêu đáng sợ, 1907), *No Fumadore* (Cấm hút thuốc, 1904). Nhưng còn nhiều tác phẩm khác, một kho tàng gồm toàn những câu chuyện hài hước, cho dù vũ khí có sắc bén đến đâu. Trong các tác phẩm cổ quí mô lớn hơn của ông, chúng ta kính ngạc trước sự phong phú và đa dạng của các phương diện đời sống và đề tài. Ta gặp ở đây cuộc sống của người nông dân, mọi tầng lớp xã hội ở chốn thành thị, thế giới các nghệ sĩ cho tới những gánh xiếc rong phiêu bạt tha

phương, những người được nhà thơ bày tỏ sự cảm thông mãnh liệt và đánh giá cao hơn nhiều tầng lớp khác.

Nhưng tựu trung, đối tượng chính của ông là cuộc sống của các tầng lớp thượng lưu ở hai trung tâm điển hình của nó là Madrid và Moraleda. Moraleda là một nơi không có tên trên bản đồ, nhưng với ánh nắng chói chang và sự đa dạng đầy sức quyến rũ của nó vẫn bao gồm đầy đủ những nét điển hình của một thị trấn vùng Castile. Trong *La farándula* (Hội các diễn viên hài kịch, 1897), nhà chính trị đầy tham vọng đã tới thành phố này để vận động và giành sự ủng hộ của những người toàn tâm toàn ý tin vào một lý tưởng được định nghĩa có phần mơ hồ; trong vở *La Gobernadora* (Phu nhân ngài thống đốc, 1901), những giấc mơ đầy tham vọng và ngạo mạn của một sân khấu lớn hơn dành cho các tài năng vĩ đại hơn. Moraleda thực sự là một thế giới trên hành tinh chúng ta, bị lôi cuốn và rơi sáng bởi Madrid khai sáng và chỉ có thể phát lộ đầy đủ sức mạnh hài kịch của mình khi so đo với Madrid.

Tôi chỉ có thời gian để kể tên một hay hai nhan đề của những vở kịch kì lạ, đơn giản và không ồn ào của ông: *Alma triunfante* (Linh hồn chiến thắng, 1902), *La propia estimación* (Lòng tự trọng, 1915) và *Campo de armio* (Tấm biển trắng, 1916). Còn nhiều tác phẩm khác cũng có giá trị tương tự, ít nhiều giống như các vở này. Nét đặc trưng của tất cả là một tính nhân bản thuần khiết đặc sắc, thoát tiền gây kinh

ngạc về một nhà viết kịch trào phúng sắc sảo và nhạy bén, trong khi sự tiết chế và sự tự do từ tất cả tính ước át trong hình thức biểu hiện hoàn toàn phù hợp với nền tảng giáo dục của ông. Trên thực tế, tất cả những đặc điểm đó kết hợp hài hoà với nhau: nếu sự duyên dáng trong hình thức của ông là một nét cổ điển, thì cảm xúc và nội thức của ông cũng vậy: cổ điển, được kiểm soát nghiêm ngặt, hài hoà, trong sáng và sâu sắc. Sự mộc mạc trong hình thức biểu hiện và giọng điệu tiết chế của ông cũng có nguồn gốc như vậy.

Trong các tác phẩm mà trong đó người Tây Ban Nha Benavente từ bỏ thể loại hài kịch miêu tả xã hội và cá nhân con người để thay vào đó những phức hệ tư tưởng lớn hơn và tìm cách diễn dịch tất cả những trần trở và khát vọng của thời đại chúng ta, chúng ta không thể ngưỡng mộ ông như những người đồng hương của ông. Điều này đúng với tác phẩm *El collar de estrellitas* (Dải ngân hà, 1915) và một số tác phẩm khác.

Ở đây tôi không nói về những hạn chế trong nghệ thuật của ông, mà cố tìm cách chỉ rõ những phẩm chất chủ yếu trong tài nghệ của ông ở đất nước và thời đại ông. Tôi tin rằng hiếm có một kịch gia đương đại nào khác có thể nắm bắt cuộc sống một cách đa chiều và trung thực đến thế và phản ánh đời sống kịp thời thông qua một hình thức nghệ thuật vừa mộc mạc vừa tinh tế, có khả năng tồn tại lâu bền như thế. Những truyền thống của thơ ca Tây Ban Nha bao gồm một tinh hiện thực mạnh mẽ, khoẻ khoắn và bạo liệt, một sức tăng trưởng dồi dào, một sự hấp dẫn. Tổng thể nào bắt chước trong tinh thần hài kịch tươi vui được xây dựng trên hiện thực chứ không phải trên sự dí dỏm kiểu trà dư tửu hậu. Benavente đã cho thấy ông thuộc về trường phái này và, bằng một hình thức độc đáo của riêng ông, đã sáng lập một nền hài kịch tinh cách hiện đại mang nhiều tinh thần cổ điển. Ông đã chứng tỏ mình là người kế thừa xứng đáng nền thi ca xưa cổ và thanh nhã; và ngần ấy là đủ nói rất nhiều về ông. ■

TÂN ĐÔN -
TRẦN TIỀN CAO ĐĂNG hiệu đính

Chị Hạo

(Tiếp theo trang 10)

hấp của gió Lào, lại phải nằm áp bụng trên cái chông tre, dưới quạt ba nói than hừng hực. Duyên thấy người như rang. Thằng bé thì cứ khóc ngằn ngặt, giờ mới ngủ. Sự mệt mỏi khiến cô ngủ một giấc thật say, lại thêm đói bụng cồn cào nên Duyên mê mải, không biết được chuyện tây đình đã xảy ra trong nhà cô, ngay cái gian bếp ngoảnh mặt vào khoảng sân nhỏ này.

Lúc ấy độ gần một giờ sáng. Trăng cuối tháng sáng trong. Trời không một gợn mây. Gió nồm hiu hiu thổi như ru, như vỗ về an ủi mọi người đã phải chịu cái nắng và nóng suốt cả ngày. Đó là sự đặc ân của Chúa. An ủi đó ban phát cho tất cả. Nhưng với quý, ân sủng này lại là cơ hội. Con quý dữ không ngủ, nó hăm hực suốt hai tháng nay rồi. Nó thấy bức bách và khó chịu. Trời thì nóng. Đứa trẻ thì hay khóc. Nhưng cái chính là nó thêm. Nó thêm cái món mà suốt hai năm qua hầu như hôm nào nó cũng dùng. Khi biết mọi người đã say giấc, nó nhấc cửa bếp lên vào, phẩm phẩm bước tới cái giường một kẻ sát của số. Ở đó có người chị vợ hơn ba mươi tuổi vẫn chưa có chồng.

Chị say sưa ngủ. Khuôn mặt sam lại vì đại đầu, vì tuổi tác của chị đang dần ra thư thả. Báu ngọc trình nguyên nhẹ nhàng nâng lên ha xuống đều đặn theo nhịp thở. Chị thấy mình đang đi ra biển. Bãi cát dài và mịn. Gió biển thổi tung tóe, tung áo chị. Gió mơn man trên da thịt. Thật khoan khoái và dễ chịu. Chị thấy người nhẹ bồng, như bay lên. Chị bay thật. Trên vai của chị có đôi cánh như thiên thần cho phép đi chao lơi. Những ngôi nhà nhỏ đi. Những cánh đồng xanh mướt dưới kia đang ri rào. Và gió thật nhiều. Gió thổi chị bay cao hơn, nhẹ nhàng êm ái hơn. Nhưng cảm giác bồng bênh lâng lâng ấy bỗng đứt phụt như lúc chị chống cái chày để vệt gạo trong cối mà chày đột nhiên rơi xuống, đập cả ngón tay chị. Chị thấy mình đau nhói. Chị muốn hét lên thật to nhưng không sao hét lên được. Người ta bảo hiện tượng ấy là bị mộng đề. Người yêu tìm ngày làm việc nặng đêm

ngủ thường bị mộng đề. Lúc ấy phải có người lay dậy thì mới tỉnh không thì một lát. Chị mang mộng nghĩ là mình bị mộng đề. Rồi chị lấy hết sức bình sinh, vùng dậy. Thì ra... Chúa ơi!

Cảm giác lúc đầu là bụng dưới nặng, chướng chướng, ngực thì căng, đau như sắp đến tháng. Rồi người cứ nôn nao. Ngủ mãi gì cũng khó chịu. Mùi rượi. Mùi cơm ừ. Mùi chuồng lợn. Mùi hành tỏi. Chị giấu mọi người trong nhà để oe. Nhưng chị không giấu được mẹ chị. Người đàn bà mười sáu lần mang thai, mười bốn lần sinh nở. Đêm, bà kéo chị xuống nhà ngang đóng chặt cửa lại. Cuộc hôn nhân bắt đầu:

- Dao này chị làm sao thế?
- Có sao đâu à.
- Có sao là làm sao. Chị không giấu được tôi đâu. Chị đổ dồn ra từ bao giờ thế. Chị nói cho tôi biết, chị với thằng nào.
Thì ra mẹ chị đã biết, đã khẳng định cái điều chị linh cảm mà chưa dám chắc. Chị tức tức khóc. Rồi vỡ òa ra. Chị muốn nói hết với mẹ, chia sẻ với mẹ nỗi tủi nhục dồn này. Nhưng chị không nói được. Từ bé đến giờ chưa bao giờ chị ngồi trò chuyện với mẹ ngoài trừ những trao đổi về công việc. Mà mẹ chị cũng chẳng đủ thời gian để nói chuyện với các con. Với lại ở quê, mọi cái cứ tự nhiên đến, tự nhiên đi, chẳng ai san sẻ với ai nỗi niềm trong mình, với người thân trong gia đình thì lại càng không.

- Chị không nói ra chị không yên với tôi đâu. Ai đời gần bốn mươi tuổi đầu rồi lại khôn nạn như thế. Nhà này nề nếp từ bao đời nay.

Rồi bà cũng khóc, vừa khóc, vừa làm đầu "Chị rước quý về nhà này rồi". Quý đã về nhà này! Đúng vậy! Nhưng ai là quý? Em rồi chị? Chị? Hay đứa con trong bụng chị? Con! Minh có con! Sẽ có một đứa trẻ nhỏ xíu ra đời, sẽ lớn lên, đi lại trong cõi đời này. Không. Chị sẽ không nói gì hết. Chị sẽ bảo vệ con chị. Chị sẽ nuôi nó lớn lên. Nhưng... chị sẽ nói với mọi người như thế nào đây.

Một cuộc họp kín gồm ba người đàn bà đều đã hóa râm vào một buổi trưa oi nóng bất đầu. Đó là mẹ chị và hai người em của bà.

- Con Hạo nó đổ đốn rồi, các dì ơi. Nó chưa rồi. Tối bắt nó khai mà nó vẫn chưa khai.

- Phải dỗ dành nó. Đứng quát mắng, nó sợ.

- Mà bác đã chắc chưa?

- Sao lại không chắc. Suốt ngày nồn ọe, gàn ọe thì pháp phóng, đi thì sa như gà mái, vũ về cặng mây ra. Trời đất đi, gàn bốn mươi tuổi... Con tôi già đầu rồi... Lâu nay cứ tự hào nó được mọi nết.

Nhưng mà với ai mới được chứ. Tôi thấy nó có quan hệ gì với ai đâu. Từ bé đến giờ...

- Nhà này, không thể để chuyện đó xảy ra được. Phải bắt nó khai ra thằng nào.

- Tìm thằng nào là một việc. Giải quyết thế nào chuyện này mới là việc khó.

- Chưa đủ cho một con người được đầu thai, phải để nó ra đời rồi hằng tính. Còn từ giờ đến khi nó sinh, mọi người phải giữ bí mật, đừng để làng xóm, bang hữu biết được. Con Hạo sẽ không được ra khỏi nhà. Nếu thuận tình, Chúa đôn đưa trẻ về với Người sớm thì càng tốt. Còn không thì phải tính chuyện khác.

- Thế nghĩa là...

- Vâng, nghĩa là thế này...

Chị bằng hoàng sững sờ. Người ta định làm gì con chị thế. Lay Chúa, nó chưa ra đời, người ta đã định đoạt nó thay Chúa rồi chẳng. Không. Nó là con chị. Nó không phải là quỷ dữ. Nó không có tội. Chị muốn có nó. Chị muốn ôm một đứa trẻ nhỏ vào lòng, cho nó bú, nghe nó khóc đêm, nhìn thấy nó chập chững tập đi rồi bị ngã, muốn nó bập bẹ gọi chị bằng mẹ. Chị muốn nhìn thấy hình hài chị đang ủ trong người được lớn lên, đi lại giữa cõi đời phàm tục này. Sự sợ hãi, cảm giác khủng khiếp về cái đêm hôm ấy đã qua, chỉ còn lại một khát khao cháy bỏng, một ham muốn tốt bậc: Làm mẹ.

Rồi cái ngày ấy cũng đã đến. Chị bối rối, lo sợ và hạnh phúc. Tiết trời mùa xuân mát mẻ và dễ chịu. Nhưng chị thấy nóng bừng bừng. Mồ hôi rịn ra rồi chảy thành dòng trên khuôn mặt khắc khổ nám sạm của chị. Chị thấy đau tức ở bụng rồi nhói

lên ngực, rất khó thở. Chị thấy gian chái bếp này toàn khói mờ mờ và ngọt ngào. Cảm giác như có một bàn tay đang nắm lấy tim chị mà bóp chặt, và một bàn tay khác thì tổng vào bụng chị. Hầy rầy chịu, mình sắp có con, mình sẽ được chăm bẵm vỗ về như đã vỗ về những đứa em, như đã vỗ về đàn cháu đông đúc của mình. Ý nghĩ đó làm chị dịu lại. Chị làm râm cầu nguyện. Rồi sẽ qua, rồi sẽ qua thôi.

Vâng! Tất cả rồi cũng sẽ qua thôi.

Những kiếp người làm than ở chốn trần gian phàm tục và tội lỗi này. Cát bụi sẽ lại trở về với cát bụi. Và những linh hồn nhỏ bé kia sẽ bay lên.

Chị khóc. Nhưng những người đàn bà đã qua nhiều lần sinh nở kia thì không hiểu như thế. Họ bảo chị yên tâm. Cố lên. Họ sẽ đỡ đỡ bé ra an toàn. Chị chẳng việc gì phải lo. Họ đề nhiều rồi, tự đỡ cho mình nhiều rồi. Chị hãy nói ra ai là bố đứa bé. Không! Hãy để Chúa trừng phạt những kẻ có tội. Đứa trẻ không có tội tình gì. Phải bình tĩnh và tỉnh táo. Bây giờ mà đến trạm xá thì hết mọi chuyện. Chị giữ được chín tháng rồi, thì phải giữ kín ít ngày nữa. Nào cố lên. Chị sẽ nuôi nó, nhưng chị phải nói ai là bố đứa trẻ. Nó, nó không có... chị không thể nói hết câu. Khuôn mặt chị tái xám không một giọt máu. Mọi người hốt hoảng lay gọi. Rồi họ cũng hiểu rằng tự họ không thể làm được cái việc tưởng như đơn giản vì họ vẫn làm nhưng thực ra rất gian khổ và vĩ đại ấy. Cưng sinh là cứu tử. Người ta đưa được chị lên bệnh viện huyện thì không kịp nữa rồi...

Trưa hôm sau, xóm Đạo làng lế cúi đầu đưa tiễn hai linh hồn tội lỗi. Đi trước là những lễ cờ phướn. Tiếp theo là cỗ xe tang chở quan tài lớn. Và theo kế ngườ sau đó, một quan tài nhỏ. Đoàn người lăm lăm đi như sự lăm lăm của họ để qua cái kiếp ngắn ngủi ở chốn trần gian tạm bợ này. Họ thăm cầu nguyện Chúa rộng lòng đón họ về với Người.

"Hãy để ngày ấy lùi tàn, ngày mà tôi ra đời và cái đêm người ta nói rằng có một con người được kết thành thai". ■

Xứ đạo Cầu Rám, tháng 10-2001
P.T.L.

ĐI CHIẾN TRƯỜNG

Trích nhật ký của nhà văn NGUYỄN TRỌNG OÁNH



Tiếp kỳ II

Về gần miền xuôi hơn – Hầu cứ nóng bỏng bom đạn đang lui về sau. Một vòng đai trắng trước mắt – Vẫn những con đường đầy đạn đại bác – Một đêm trăng – Đã thấy những khoảng trời – Cũng là những khu rừng bị bom đạn, mỗi nơi có một vẻ khác – Rừng bị hóa học thần đau cây trọc lóc, giữa những cành khô ấy, thỉnh thoảng lại như lên một cụm lá xanh. Những bãi B52 cũ, cây đổ nghiêng ngả - những cành cây gãy gập, khô gèo như chi chích bất lực – Cũng có những thân cây cao vút vùn vùn, nhưng không còn chút lá xanh nào. Những bãi B51 mới còn mùi cỏ cháy, mùi cỏ cây bị rách ứa nhựa hồng hắt những ánh trắng đau trong cành lá, rơi xuống mặt đất như trăm ngàn mảnh giấy trắng xê vùn – rồi lại đến những trăng lớn – một vòm trời đầy sao và trăng – một ý nghĩa chợt đến: khi nhìn xuống đất, chỉ thấy những hố bom, những cành cây đổ – nhưng nhìn lên trời thì thấy rừng thênh thang và nghĩ đến con đường mình đang đi, những nơi mình sắp đến. Nhìn lên mặt trăng, chợt nhớ ra rằng trên đó có cái quốc huy của Liên Xô.

Đoàn đi hướng về miền xuôi, mình chưa về những Long An, Bến Tre, những Bến Cát, Củ Chi – Nghĩ đến những dòng

kênh, những rừng dừa – Mong ước một bà mà đầu tiên sẽ gặp. Trong đoàn mình có cô Tiếp, Cô Bé chiến sĩ thì đùa đi đùa đại hồi miên về – chân đau đi cả nhấc, nghe tin chi và ông nội chết – đêm qua – chưa biết về sẽ ở đâu – Trong đoàn mình có những cán bộ hai lần kháng chiến tọc béc hoa râm – có vợ ở Trà Vinh – Căn Thơ – Đồng Tháp – có con đang đi học ở Liên Xô, Trung Quốc.

Đường hành quân về xuôi không như mình tưởng tượng, vùn qua những rừng núi, vùn năm hầm – chỉ khác những con đường rộng hơn – có những lúc trông thấy chân trời, thấy pháo sáng và tia chớp đại bác ở những đồn xa.

Gửi những con đường miền Bắc

Có những đêm gửi tình về đất Bắc
Hồn bay theo theo một ngọn núi cao mờ

Một ngôi sao lấp lánh phía trời xa
Một mảnh trăng tròn trải vàng đất

Đường mỗi bước tôi nghe lòng rộn rã
Đầu những bãi sông dài ông anh phủ

Đầu những đêm khuya rào rạt
chuyển phà

Đầu đám bụi đường đoàn xe đi
chuyển đất

Ồi những buổi chiều trời in mây ngũ
sắc

Khi chuyển hàng riu rít bến tăng bo
Khi đêm khuya nào nước những câu

Thảo vãn cửa
Đỡ tường nhà

Cho con đường lại đắp
Ồi sông Mã, sông Hồng sóng đôi bờ

Những nhịp cầu Núi Ngọc tìm trời thơ
Những ngọn đèn đứng gác suốt đêm

Tôi đã thấy rồi
Con đường dài như tình thương nửa

Hồi các chị, các anh đêm đêm đứng
gác

Trên mõ cầu sương lạnh buổi sương
đà

Hồi các mẹ, các em ươm hàng cây
xanh mát
Ven những bờ đường quanh mỗi sân
ga

Hồi đồng chí lái xe suốt đêm ngày
không nghỉ

Lòng hướng về Nam – đây cả trái
tim mình

Tôi hiểu lắm
Ồi các mẹ, các em, các anh, các chị

Con đường dài không đêm xiết
những hy sinh

Đêm nay trên đường hành quân
Bóng sao nhỏ rung rinh

Kể thủ thi tôi nghe chuyện con phà
bến nước

Nơi những hố bom quả sau chống
quả trước

Nội bối hồi tiếng hát vọng bờ đường
Ca nước lên đường

Xao xuyến bờ tre
Từng hồi trống giục

Đường mỗi bước tôi nghe lòng nào
nức

Trần chiến đấu này, nửa nước phía
sau tôi.

12/67

15/1/68

Đường đi về phân khu một – Đây 4
giờ sáng – Đi trong rừng – Đã tối trăng –
Những con đường trăng mờ mờ – Văn
đất Bến Cát – Qua một cái cầu đổ – Tay
vin những vòng cầu, chân bước trên
những thanh sắt đỏ nghiêng xuống dòng
sông – Một con đường lớn – Hai bên bờ
tre các đồng chí bảo trước đây, năm 65 –
đọc đường này hàng quân nhà cửa rất
vui – Bây giờ chỉ có bom đạn – Sắp về
đến Củ Chi – Cô Tiếp đọc hai câu ca dao
của bộ đôi làm:

Nước Củ Chi vừa hồi vừa nóng
Đường Củ Chi lòng người khó đi.

Văn con đường lớn – B52 suốt hai
bên bia rừng – Rừng ở đây cây thưa –
Đường này đêm thì đại bác, ngày thì đại
già lượn. Đến một xóm cũ, có hai ngôi
mô đá – Mấy cây dừa cắt hết ngọn chỉ
còn chông chơ một thân cây. Vung bom
như một cái chảo – đây phăng lì - nước
trong vắt – ở đây đã xảy ra một trận
chiến đấu – Quân giải phóng diệt tiểu
đoàn cốp đen – Thanh Giang bảo thế.
Đường vào rừng – Công sự bốn Mỹ đào
còn chất đầy bao cát. Hộp thức ăn và vỏ
thuốc là – Thỉnh thoảng, đầu những ngã
đường mòn, từ bao giờ không biết, người
ta cắm những miếng vụn nhỏ, kẻ những
khẩu hiệu bằng tiếng Anh: nguy hiểm –
ở đây có hầm chông. Những cái hầm bị
bom sập – Đến một đơn vị thông tin – ở
dưới một cái hầm – như tất cả mọi hầm
khác – trong hầm có bàn dài ngồi uống

trà. Đồng chí phụ trách pha trà, mời hút
thuốc Ara. Kể chuyện chính ở cái hầm
này, tám đồng chí đánh tan một đại đội
Mỹ. Dùng B40 diệt hai đại liên. Bắn chết
thằng thông tin từ lúc đầu, phi pháo
không yểm hộ được – Nó rút, mình cũng
rút. Sau đó lại quay lại cái hầm này ở
giữa cái vòng đai trắng này không có chỗ
nào không bom đạn – đơn vị cứ xoay
quanh mà ở. Nó ném bom xong lại về –
Rừng thưa, cây chết – nguy trang nắp
hầm bằng những cành cây khô.

Đồng chí thông tin dẫn về phòng
chính trị phân khu. Văn con đường to
bom đạn. Đến một múi đường – Anh gọi
– Bắc Sầu có nhà không? – Chúng tôi rẽ
vào rừng cách đường chừng 30 thước –
nhà là một cái hầm – Bắc Sầu nấu một
siêu chè xanh để sắn từ bao giờ – Mời
uống. Hàng bàn gồm có keo, bánh,
đường, xà phòng, thuốc lá. Tất cả để
trong một cái bóng. Ra đi, bác dân: qua
cái ngã ba, các anh phải coi chừng –
nhìn xem có đám già không và đi mau
cho qua. Ở đây đám già nó phát hiện rất
xa. Ngã ba cách nơi bác ở chỉ chừng 3,4
trăm thước. Người ta bảo vùng này chỉ
còn bác ở giữa bom đạn, trước là xã đội
trưởng, nay cũng xã đội trưởng, không
biết đủ kịch họ ở đâu – Bắc không có vợ
con gì cả – Mua hàng ở Thanh An về bán
cho anh em bộ đội. Có lúc thiếu gạo,
anh em bộ đội bớt cho bác.

Vừa rồi cấp trên cho bác đi chỉnh
huấn, về anh em hỏi:

- Chính huấn lần này có gì mới?
- Mới lắm chứ.
- Mới thế nào?
- Đánh Mỹ là mới.

- Thì mấy năm nay mình vẫn đánh
Mỹ.

- Hồng có, đánh Mỹ năm nay khác –
Thu đồng năm nay vừa xếp hàng vừa
chạy.

10 giờ về đến phân khu – Bữa cơm
có dưa muối và đậu phụng – Người ta
gọi tôi là anh Năm – ở đây có chị Sáu
trước là quân y sĩ, cô Nhà Nam, trước là
phóng viên báo Quyết thắng, bây giờ về
làm cấp dưỡng. Nhà Nam lấy chồng
Nghệ An, nhân tôi là người đồng hương
– Tôi đến làm mất lạc đưa lên hầm mới
ăn. Những cô con gái Nam bộ rất tự
nhiên – gặp là quen ngay – không khách
sáo – Anh em cần bổ thần tinh – Đến
hỏi chuyện, mời uống trà. Một không khí
gia đình – ở đây gia đình của mọi người là
một cái bóng nhỏ trên lưng – Khu rừng
này địch mới cần vào cách 15 hôm –
Địch đi lại quay lại.

(Còn nữa)

Bến Diêu Đài

(Tiếp theo trang 1)

con Thái chơi dưới gốc vông. Nhà con Thái bên kia sông. Bên đó không có trường, sắp nhỏ phải đi đò qua thì trần học, mần buổi mới theo người lớn về đò. Con Thái không có ai chơi cùng, tha thui xem Hưng làm xe. Làm xe chân, Hưng bên nhà thứ hạt vông đồng. Chà, cái hạt tròn như đồng xu đen, xem xep, khổ ran vậy mà nhân trắng ngà, béo ngậy. Thấy con Thái cứ trở mắt dòm mình nhai một cách thêm thưỡng. Hưng bỗng nảy ý muốn phải phình nó ăn kỷ được. "Béo vô địch!" – Hưng tâm đắc rồi tiếp tục bóc bóc nhai nhai, làm như không thèm để ý đến con Thái. Con Thái thấy vậy, không chịu nổi, cũng ngồi sếch xuống nhất một hạt đưa lên mồm, kết quả là cả hai bị một trận tháo da thóp tử nhất sinh, bỏ học cả tháng trời. Hưng bung bao da tòn tời già. May mà qua khỏi, để rồi mỗi độ giữa thu câu bẻ lại mò ra gốc cây me sau trường nhất nhưng trái vông đồng khô nê, li lợm tách hạt nhìn ngắm xem nó có gì khác thường. Ngày này qua ngày khác, Hưng khám phá ra một điều lạ là trái vông đồng rơi đầy đất, nhưng lại không có cây vông đồng con nào mọc lên quanh đấy. Có lẽ trước khi hạt rơi xuống đất, nó đã bị kiến nhai nát rồi. Hưng nghĩ, xep vào kho lương bị mất của mình. Hưng bèn chọn những hạt chắc mẩy đem trồng dọc trên sông Cồn, quãng sông uốn khúc trong lòng thì trần với bến Diêu Đài sương khói. Kỳ diệu làm sao, trong ba trăm hạt của mùa mà bạn tay nhỏ bé của Hưng vùi xuống, trên sông đã chấp nhận một cách ừ ừ: mười tám cây vông đồng con xuất hiện. Khi hàng vông đồng trở hoa mùa đầu, những người đi chợ bằng đò về thì trần từ quả nửa đêm đã thấp thóm khào nhau rầm rập khi mới độ vừa trở tới khúc sông này, họ thấy một đám tiền nữ tử bến sông nhầy vút lên mười tám cây vông đồng. Các cô tiền lần giữa tàn là thay áo, làm rung động cả những nụ hoa ngái ngủ. Hơi gió ẩm ướt mơn man mặt người. Sau đó trăng tây mờ tỏ, trên mây hiện hiện mười tám luồng sáng bạc. Câu chuyện truyền qua trăm miệng người, trăm vùng đất, rồi quay về thì trần, làm xôn xao từ các bậc kỳ lão đến nam thanh nữ tử.

Bến Diêu Đài mùa này nước đã lên. Nước mơn man đầm rêu từ phụ của gốc của trăm năm bên kia sông. Nhóm sáu đứa con Hưng thủa ấy chiều hè nào mà không đến đây chia phe đánh giặc nước, làm huyền nào cả chơm râu vì đại của cây của cỏ thu, nghịch đến nỗi ông lái đò già mắng là lục tặc. Bây giờ Hưng mới thấy cách chơ mình đứng không xa, những nhà hàng mới toanh mọc lên rất từ tin dọc bờ sông. Thảo nào thằng Sang bảo bến Diêu Đài đã khác. Xa quê đã nhiều năm, nhóm bạn cũ chỉ có Hồ Sang là còn liên lạc mật thiết với anh. Mùa lut năm ngoái, Hồ Sang điện vào kể chuyện đầm đò, mấy em học sinh bị nước cuốn không cứu kịp. Hồ Sang là thợ lặn, phải về giúp bà con mò xác. Cuộc họp nhóm hôm nay cũng do Hồ Sang sắp xếp, sau khi nghe Hưng báo sẽ về tính chuyện làm cầu bê-tông qua bến Diêu Đài.

"Thưa sếp, em đợi ở đây à?" – Câu lái xe hỏi. Hưng quay lại. "Cảm ơn, anh cứ về nhà khách nghỉ ngơi. Khi nào cần tôi sẽ gọi". Đợi câu ta lái xe đi khuất, Hưng lững thững

thả bộ tìm chỗ hẹn. Từ một nhà hàng, Hồ Sang chạy ra đón. Họ vòng xuống bãi cát, gần giáp mé sông, ở đó có một cây du du sọc trắng sọc xanh cam lè. "Ngồi ngoài này vừa thoáng, vừa biết lập với các hồi khác – Hồ Sang giải thích – Chỉ bốn mình với nhau, như xưa vậy". Dưới bóng du du, đã có mấy đứa bạn cũ ngồi chờ. "Ồ, chúng mày đến sớm vậy?" Hưng nói, một thoáng ngưỡng ngườu vì hai chữ chúng mày lâu lắm mới dùng lại. Anh bắt tay khắp lượt. "Ngồi đây" – Huỳnh Kiều chỉ cái ghế bên cạnh, ngay xưa trong bất cứ cuộc chơi nào Huỳnh Kiều cũng thích ngồi bên Hưng. Quý bực sự vắn vắn đôi mắt, cười ung dung. Tuổi ngồi đưa ngựa ngấm Hưng với một vẻ rất đản anh. Hồ Sang ghé tai Hưng, nhưng lại nói khà to để cả bọn cùng nghe: "Miễn chấp nghe mày, thằng Tuế có mầu thích làm đại ca từ nhỏ". Tuổi cười rất to, đúng kiểu đại ca, gờ lên bia lên trước mặt. Tất cả cùng ly, nhưng chưa kịp uống thì Huỳnh Kiều đã nhắc: "Còn thiếu thằng Tư. Đợi chút?". Quý bực sự khia Huỳnh Kiều: "Mày lúc nào cũng đủ lễ bộ, mất cả hứng. Đến sau uống sau. Nào, trăm phần trăm". Hồ Sang bảo Quý: "Thằng Kiều là chủ tịch thì trần, hôm nay vai chủ nhà, mày đừng lớn xon". Hưng hỏi: "Sao thằng Tư không tới?". Hồ Sang nói: "Không biết. Hôm nọ nó đã hứa chắc là sẽ tới". Tuổi lấy điện thoại di động ra, nhìn quanh một vòng: "Đưa nào biết số điện thoại của nó?". Hồ Sang đọc: "923445". "Còn số nào nữa không?" – "923446". Tuổi bấm liên tay, mặt rất đăm chiêu khi áp máy vào tai. "Không ai trực máy – Tuổi nói, rồi chuyển máy cho Quý – Gọi thử xem". Quý cầm cái điện thoại nhỏ tí trên tay, lóng ngóng ngồi. Tuổi nhếch mép: "Biết bấm không?". Quý cười cười: "Thứ này quý tộc quá, trong khi tao thuộc giới bình dân". Hồ Sang nóng nảy nói: "Đưa tao coi, thằng Tư giờ hứa đầu chắc đó mà". Hưng bảo: "Có khi nó mắc công chuyện gì gấp. Thôi chúng mình vừa nói chuyện vừa đợi. Lát nữa hãy gọi lại". Cả bọn khen phải.

Cô tiếp viên đã rót bia tràn các ly. Quý hỏi: "Bia nói hay bia ngoài?". Cô gái trả lời: "Thưa anh, bia ngoài, chất lượng vàng, ngon lắm à". Huỳnh Kiều bảo: "Hết loại này thôi, nên lấy bia Quy Nhơn". Hồ Sang bảo: "Nên như thế. Ta về ta làm ao ta, tám xon ta lại bỏ qua ao người". Cô gái lưỡng lự. Tuổi ngoắc cổ lại bên mình, nắm lấy tay cô, giọng dài dẽ: "Các bạn anh mới đùa chút xiu mà em buồn rồi. Em cứ mang bia ngoài ra đây. Anh lo!". Cô gái rút tay lại, cố tình chúi chằm chằm cảnh tay trên vai Tuổi thay cho lời cảm ơn. Tuổi quắc mắt, khó chịu ra mặt, về thương hương tiếc ngon biến mất. Cô gái không biết, hôn hờ đi lấy bia. Quý bực sự lim dim ngắm sông. Sông chảy lờ lững. Những con đò ngai ngủ lâu lâu bị sóng đẩy duẩn lên một cái rồi thiêu thiêu như củ. Huỳnh Kiều ngó qua Hưng. Hưng vẫn là đứa ít nói nhất bọn. Hồ Sang bảo Hưng đang là giám đốc một đơn vị kinh doanh cỡ lớn. Lâm giám đốc một đơn vị kinh doanh là phải đi nhiều, nói giới, đủ cả ân uy, có vậy mới điều khiển, mới ràng buộc được người ta vào với mình. Huỳnh Kiều không biết nên bắt đầu câu chuyện như thế nào, dù anh đã nghĩ rất nhiều về nghi thức của cuộc gặp. Sự có mặt của Tuổi làm anh khó chịu, nhưng là một người khôn khéo, anh không để lộ ra. Dù sao Tuổi cũng là một trong sáu thành viên của nhóm bạn cũ, dù anh không mời, nhưng Quý đã trót mời, thì anh phải biết nể, vì công việc, và vì tình bạn nữa. Và chẳng, Tuổi về có lẽ không chỉ vì muốn họp bạn. Hình như con người luôn thích ganh đua và khá cao ngạo này đang định chứng tỏ một cái gì đó, nhất

là trước Hưng. Trong cõi nhớ của Huỳnh Kiều, Hưng điểm đám, không có kiểu chơi trời võ mặt như Tuổi. Hưng biết đầu đây, thời gian có thể làm thay đổi rất nhiều thứ, mà lòng người là cái chưa bao giờ thể gian xếp vào sổ trư. Huỳnh Kiều giấu tiếng thở dài.

Hưng đưa tay sang tìm tay Huỳnh Kiều, siết nhẹ:

- Được mấy nhóc rồi?

- Hai. Nghe nói bây giờ ông làm ăn nên nổi lắm phải không? – Huỳnh Kiều hỏi.

- Tâm tạm thôi. – Hưng trả lời.

- Ông bảo tâm tạm là thế nào? – Hồ Sang, đay nhẹ, và vắn vắn rất nhanh tiếng ông mà Huỳnh Kiều vừa gọi Hưng – Giới doanh nghiệp thành phố gọi ông là Vua ngành lư. Từ một cơ ngơi rách nát mà vươn lên thành một công ty lớn, ăn nên làm ra, được cả giới kinh doanh, giới văn hóa và Nhà nước đồng loạt thay cho cái thẻ bài hữu hạn. Thế mà bảo tâm tạm. Sang này không nhất trí.

Tuổi cười nhạt bảo Hưng:

- Tôi có nghe. Chúng tôi hăm hơn ông. Thổ địa bảo: Hãy giữ gốc tre. Thế là tôi không tài nào bay nhảy được. Ngồi một ghế giám đốc vùn, cũng tạm an ủi là không hổ phần trai. Đi xa như ông không biết thế nào, chứ tôi không nói đùa, tôi cũng có chút uy đủ để trên tin dưới nể.

Hôm nào ông tôi cho tôi, lĩnh tôi sẽ rầm rập đón bạn sếp. Nem công chả phượng cũng có. Ông sẽ thấy tôi điều khiển cơ ngũ chính tề như Tào Tháo duyệt trận. Giờ ông hãy kể chuyện cho bạn bè nghe, giấu tài làm gì? Hay ông ngại tại này nhờ vả.

Nghe Tuổi nói, Quý bực sự cười khùng khinh. Hưng thấy nụ cười ấy, áy náy phần trần:

- Làm gì to tát vậy. Cuộc mưu sinh như thuyền trong sông, mà tôi thì đứng trên một chiếc thuyền thùng với rất nhiều người. Ra khơi với một chiếc thuyền thùng thì chìm thuyền, khơi cũng không ra được mà mạng cũng không giữ nổi. Thế là phải chịu khó và thuyền. Và bằng cách nào?

Lúc ấy Nhà nước đang hết sức khó khăn, cơn bão ngổ trước có chế thì trường, tiền đâu tư như muối bỏ biển. Tôi kêu gọi anh em cố gắng góp nhiều, có ít góp ít. Để có tiền góp vốn cho xí nghiệp, tôi bán nhà vào ở tập thể. Rồi còn lặn lụng đi mượn, đi vay. Như vậy đó, bao lần muốn bỏ cuộc. Song nhìn anh em lẹm lẹo, tuy có lúc đôi quá lợi tên mình ra chửi, nhưng khó khổ mà họ vẫn không chịu bỏ nhà máy, không bỏ mình, thế là mình lại cố. Còn một người tin cậy vào mình, mình cũng không nỡ phụ. Rồi cũng gặp cơ may.

- Cơ may gì? Nghe đồn ông trúng độc đắc, có không? – Hồ Sang háo hức hỏi.

Hưng lắc đầu:

- Đầu! Tôi có mua vé số bao giờ. Tại một cuộc hội thảo ngành in do Bộ Văn hóa Thông tin chủ trì, tôi gặp Giản. Các bạn nhớ Giản không? Giản, thời xưa là chủ tịch huyện mình ấy mà. Giản là ân nhân của tôi đấy, giúp vốn, giúp cả ban hàng. Giản vận động hai tháng bạn là tổng biên tập hai tờ báo nhỏ ở thành phố in cho tôi. Lần đó Giản vào, nghe tin có cuộc hội thảo này, bèn mộ tới 170 Nguyễn Đình Chiểu tìm tôi. Giản kéo tôi tới gặp tổng giám đốc công ty giấy Đại Việt. Hóa ra là người đồng hướng. Giản bảo ông ta: "Đây là Hưng, người mà tôi đã nói chuyện với ông đấy. Công nhân cho câu ấy hai phần ba là người quê mình. Ông xem có thể đỡ cho nhau chút hoàn nạn nào

(Xem tiếp trang 18)

THÁNG 6-2001, sau cuộc hồi thảo ở trường Đại học Los Angeles, biết tôi nguyên là một nhà giáo muốn tìm hiểu thực tế nền giáo dục nước này, nên các bạn đồng nghiệp Mỹ đã không quan công sức, phần công nhau, đưa tôi đi thăm một số trường đại học khác nhau trong Bang California như Santa Barbara, Stanford, Irvine, Berkeley, một trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông ở Chatsworth, Sở Giáo dục San Diego. Rất may mắn là ở nhiều nơi tôi đến đúng lúc được dự lễ bế giảng của một số trường nên đã được tiếp xúc với đông đảo học sinh, sinh viên, những người giảng dạy, công tác ở các trường và phụ huynh học sinh thuộc đủ mọi tầng lớp và màu da.

Ấn tượng đầu tiên đập vào mắt tôi là tinh thần đạo và nhân văn của nền giáo dục nước này. Học sinh không phải đóng học phí và bất cứ một khoản thu nào khác suốt bậc học phổ thông. Bậc đại học phải đóng học phí, tùy theo từng trường một năm từ 3000 đến 20.000 đô la, nhưng có đến quá nửa số sinh viên được các khoản trợ cấp của các chương trình hỗ trợ của Nhà nước, các công ty; 66% số sinh viên năm thứ nhất ở đại học Stanford nhận được 13.600 đô la/năm, 50% sinh viên đại học Michigan được nhận trợ cấp học phí. Sinh viên được bố trí làm các việc trong trường như trông coi thư viện, phòng thí nghiệm, nơi thực hành... và được trả tiền cho các việc làm thêm đó. Ngoài ra sinh viên được quyền vay tiền để theo học (trong thời gian đi học không tính lãi) sau này khi đi làm sẽ trả dần.

Một điểm rõ rệt của tinh thần, văn trong giáo dục là các trường ở Mỹ từ tiểu học đến đại học đều không có chế độ giáo viên chủ nhiệm. Các giáo viên bỏ môn chi ghi trong học bạ kết quả học tập của học sinh về bộ môn mình giảng dạy, không có quyền đánh giá nhân xét từ cách dạy, không có quyền xếp hạng hành vi học sinh. Không đặt chế độ giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo dục Mỹ xuất phát từ sự tôn trọng tính độc lập tự chủ của học sinh, mỗi con người dù còn ít tuổi cũng thực sự là một thực thể độc lập có cá tính cần được phát huy, không lệ thuộc vào bất cứ người nào. Nhà trường Mỹ không quan niệm đánh giá từ cách dạy, đức chung chung cho một học sinh. Từ bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, đại học đều có các cố vấn trong trường, nhiều hay ít tùy theo số lượng học sinh. Cố vấn không phải là giáo viên, là một nghề hẳn hoi. Công việc của họ là tìm hiểu việc học tập của những học sinh mà họ làm cố vấn, nếu thấy có vấn đề gì cần trao đổi với học sinh thì họ hẹn gặp học sinh để trao đổi như vì sao điểm một bộ môn nào đó chưa khá, vì sao hay nghỉ học... Họ chỉ cho học sinh việc rèn luyện thêm môn nào còn yếu. Họ chỉ ra khả năng, năng khiếu về một môn nào đó của học sinh và bàn cách trau dồi phát huy năng khiếu đó.

Chương trình giáo dục trung học được cấu tạo mềm, gồm chương trình A và B. Từ khi vào học lớp 9 phổ thông trung học, người cố vấn đã chỉ cho học sinh nên học theo chương trình nào tùy theo nguyện vọng của em đó sau này muốn học lên đại học ngành gì hay sau khi học xong phổ thông sẽ đi làm; học sinh có thể xin thay đổi chương trình, thay đổi lớp ngay trong những năm học nếu thấy không hợp. Người cố vấn cũng chỉ cho học sinh nên tham gia phục vụ công đồng trong những hoạt động nào thích hợp, khuyến khích học sinh nộp đơn xin vào học trường đại học nào cho hợp với trình độ và năng khiếu vì mỗi Bang ở Mỹ có hàng trăm trường đại học, mỗi trường có đến mấy trăm môn học.

Một bất ngờ nữa với tôi là tất cả mấy trăm học sinh lớp 12 mang mũ, áo thun học sinh màu lam, đang ngồi ở sân vận động dự lễ bế giảng chờ gọi tên lĩnh bằng, không phải qua kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học như ở nước ta và cũng không phải thi vào đại học. Nhà trường chỉ cần căn cứ vào việc xếp hạng bài làm kết thúc các học trình trong năm mà công nhận tốt nghiệp học loại nào. Hai kỳ thi năng lực, chạy đua tốc độ đã không xảy ra. Việc tuyển chọn vào đại học 4 năm do các trường đại học chọn trong số những học sinh nộp hồ sơ xin vào trường, căn cứ theo 3 tiêu chuẩn như sau:

1/ **Điểm trung bình kết quả học tập (GPA) trong 3 năm lớp 10, 11 và 12.** Không chỉ căn cứ vào một kỳ thi, không chỉ căn cứ vào kết quả trung bình của một năm học mà căn cứ vào kết quả điểm trung bình của cả 3 năm học, như vậy việc đánh giá và tuyển chọn học sinh vào đại học là rất chính xác, không có chuyện "học tài thi phận".

2/ **Điểm thi trắc nghiệm khả năng theo học (Scholastic aptitude test) SAT,** hay kỳ thi theo Hiệp hội thi tuyển Đại học Hoa Kỳ (ACT). Mục đích của kỳ thi này là để kiểm tra trình độ hiểu biết suy luận, toán, cùng trình độ đọc, hiểu, viết tiếng Anh cần thiết để học ở đại học. Điểm tối đa của kỳ thi trắc nghiệm SAT là 1600. Học sinh đạt điểm trên 1400 là thuộc hàng xuất sắc. Các trường đại học sử dụng điểm trắc nghiệm này như là tiêu chuẩn để so sánh khi chọn học sinh vào trường chứ không có nghĩa là chính thức căn cứ vào điểm đó.

Đây là một kỳ thi có tính trắc nghiệm



Nhà nghiên cứu Nguyễn Thế Long

NHÌN QUA MỘT NỀN GIÁO DỤC TIỀN TIẾN, HIỆN ĐẠI

NGUYỄN THẾ LONG

xem học sinh có khả năng học lên đại học hay không, chứ không phải là kiểm tra xem có nhớ các kiến thức trung học, được tiến hành bình thường ngay tại trường theo một đề chung của các trường đại học hay của Hiệp hội thi tuyển đại học Hoa Kỳ, một tổ chức phi chính phủ. Mỗi năm có khoảng 2 triệu học sinh trung học tham gia kỳ thi SAT, học sinh lớp 11 cũng có thể dự kiểm tra này để xem khả năng của mình có lên học đại học được không.

3/ **Có ý thức tham gia phục vụ cộng đồng.**

Theo cách nói của chúng ta thì tiêu chuẩn này là học sinh có tinh thần, ý thức tham gia các hoạt động xã hội trong và ngoài nhà trường. Đối với việc vào đại học ở Mỹ đây là một trong 3 tiêu chuẩn rõ ràng. Các trường đại học Mỹ không chấp nhận học sinh chỉ biết học đủ là học giỏi vào học trong trường. Các trường có quyền từ chối những học sinh đạt điểm GPA trên 4 nhưng thiếu công tác phục vụ cộng đồng.

Thí dụ một học sinh người Việt là Ông Đoàn Đức Tiến (4 chữ) học trường Fullerton, có điểm GPA là 4,72 đứng thứ 4 trong số 340 học sinh ra trường. Điểm thi SAT là 1400, em đã được trường khen thưởng nhiều lần, đã tham gia đội bóng rổ, học võ taekwondo, dạy piano cho các bạn, là phó chủ nhiệm câu lạc bộ sinh vật, đã phục vụ công đồng tích cực. Em đã được trường đại học UC San Diego bảo tin nhận vào học. Em cho biết sẽ học 2 ngành một lúc là Computer và Vật lý lượng tử (quantum). Những học sinh đạt 3 tiêu chuẩn loại xuất sắc thường được các trường có danh tiếng chọn vào và được cấp học bổng để theo học. Tuy không phải thi nhưng không phải vì thế mà học sinh không cố gắng học tập vì muốn được gọi vào trường có danh tiếng, được học bổng, các tiêu chuẩn đều phải đạt loại xuất sắc.

Mỗi nước có những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể khác nhau, về điểm này, tôi không hề có ý cổ vũ cho việc áp dụng những điều không phù hợp với hoàn cảnh các nước khác, nhưng có lẽ nào ta cứ duy trì mãi kiểu tuyển sinh hiện nay và không chú ý gì đến một điểm mấu chốt về tư tưởng mà ta thường giảng là "học tập để phục vụ nhân dân"?

Xuất phát từ những đặc điểm của một quốc gia gồm nhiều dân tộc, chủng tộc, sắc tộc, nhiều màu da, nhiều nhóm người thiểu số, giáo viên Mỹ nhằm mục đích hướng tới cơ hội giáo dục bình đẳng cho tất cả mọi công dân không kể nguồn gốc dân tộc, tầng lớp xã hội, tập hợp mọi người lại với nhau trong một cộng đồng bình đẳng trên cơ sở hiến pháp. Tuy vậy lại có đạo luật giáo dục song ngữ, cho dạy các tiếng mẹ đẻ không phải tiếng Anh của các nhóm nhập cư như Tây Ban Nha, Trung Quốc... trong các trường. Một khác hàng triệu trẻ em với khả năng nói tiếng Anh hạn chế (do mới nhập cư hay quen sử dụng tiếng bản địa) cũng lại đã nhận được những chương trình giúp đỡ để nói tiếng Anh thông thạo. Để thực hiện mục tiêu trên, giáo dục Mỹ còn góp phần làm giảm bớt những khác biệt về nguồn gốc xã hội, màu da, tạo điều kiện cho mọi công dân đều có những tiên cơ trong nhiều chương trình cho những người da màu được theo học dễ dàng. Tỷ lệ dân số theo màu da ở Mỹ như sau: Mỹ đen: 12%, Mỹ thổ dân: 0,79%, Mỹ trắng: 80,2%, Các chủng tộc khác: 3,9%. Có thể xem tỷ lệ sinh viên các màu da trong vài trường đại học công lập thuộc Bang

California năm học 2001-2002 như sau:
Số sinh viên: Mỹ đen, Mỹ thổ dân, Mỹ Châu Á, Mỹ La tinh, Mỹ trắng, khác, Không quốc tịch
Berkeley: 31.367sv 4,4%, 0,6%, 39,2%, 9,8%, 30,9% 5,6%, 9,5%
Davis: 25.312sv 2,7%, 0,8%, 32,9%, 9,7% 43,5%, 5,2%, 5,2%
Irvine: 19.602sv, 2%, 0,4%, 51,6%, 11% 22,6%, 5,7%, 6,7%
Los Angeles: 35.210sv 4,3%, 0,5%, 36%, 14,1%, 34,4%, 5,2%, 5,5%
San Diego: 19.629sv 1,4%, 0,6%, 35,1%, 10,1%, 39%, 4,2%, 9,8%

Không thể không công nhận một nền giáo dục bình đẳng với mọi màu da trên đất nước này trong những lần tôi đi lễ bế giảng ở các trường học khi thấy các sinh viên đủ mọi màu da sung sướng khi nghe tên gọi tốt nghiệp, ôm nhau reo lên, những lần tôi thăm mấy trường đại học và qua những con số mới nhất kể trên. Tôi phải nghĩ đến số sinh viên các dân tộc ở các trường đại học nước ta, không biết rõ tỉ lệ là bao nhiêu chứ nhìn qua vóc dáng mấy mặt thi thấy quá ít.

Theo suy nghĩ phản xạ tự nhiên của một nhà giáo, khi đến thăm các trường đại học, tôi lại nghĩ đến nguyên lý phương châm giáo dục của ta đã nêu lên "Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp

với lao động sản xuất". Chỉ xin nêu lên một trường đại học là Stanford để thấy họ đã thực hiện "nguyên lý" mà ta vẫn nêu ra như thế nào.

Trường đại học Stanford ở Bang California Hoa Kỳ được thành lập vào năm 1885, là một trường đại học (tư thục) tổng hợp gồm nhiều trường đại học thành viên, nhiều viện và trung tâm nghiên cứu, sản xuất. Năm 1998 trường có 14.084 sinh viên theo học trong 1534 khoa, bộ môn, trung tâm. Lần đầu tiên trong lịch sử của trường Stanford, một phụ nữ da đen, Condoleezza Rice, chuyên gia trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, đã được giữ chức Hiệu phó của trường (hiện nay là cố vấn an ninh cho Tổng thống Bush). Xin kể một thành viên của đại học Stanford là Trường Y ngoài các khoa bộ môn còn bao gồm bốn bệnh viện: Bệnh viện Đại học Stanford có 663 giường bệnh, Bệnh viện trẻ em Stanford có 162 giường bệnh, Bệnh viện Cựu chiến binh có 574 giường bệnh, và Trung tâm Y tế Santa Clara có 791 giường bệnh. Trường Y có một Trung tâm nghiên cứu y học tổng hợp (General clinical research center - GCRC) với 540 nhân viên gồm 87 người ở các cơ sở khoa học và 458 người làm việc ở các bệnh viện, thêm vào đó là 1.500 người làm việc một số giờ. Trường có 452 sinh viên theo học trong đó có 75 M.D, Ph.D. Các bệnh viện của trường gồm 564 bác sĩ nội trú, mỗi năm nhận điều trị cho 23.370 bệnh nhân. Xem qua như vậy thì thấy những bác sĩ mà trường đào tạo sẽ không còn phải là những người bỏ ngổ với việc chữa bệnh cho bệnh nhân. Đáng kính phục nhất là không một trường đại học nào trên thế giới có số giáo sư được Giải thưởng Nobel nhiều như ở đây. Trong số giáo sư giảng dạy ở trường có 14 người đã được Giải Nobel, riêng trường Y có 8 người, 114 người là Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Quốc gia, 20 người được giải thưởng khoa học của Nhà nước.

Nói đến trường đại học Stanford còn phải nói đến sự ra đời của Thung lũng điện tử (Silicon valley) nổi tiếng trên thế giới. Các công ty do thầy và trò của trường thành lập để thực hiện các phát minh sáng chế đã làm một khối lượng sản phẩm điện tử bằng 50 đến 60% sản lượng của Thung lũng điện tử, bằng 1/8 GDP của cả Trung Quốc. Quỹ trường đại học Stanford có tới mấy tỷ đô la được giao cho một công ty quản lý vốn để sử dụng đầu tư đa dạng, phân tán nhằm tránh rủi ro. Giáo sư và sinh viên của trường cũng đã khai sinh và giữ vai trò chủ yếu trong việc phát triển Khu vực Kỹ thuật vi sinh ở bán đảo San Francisco.

Tuy thoát thai từ các nước Tây Âu và ban đầu học tập áp dụng theo đường lối giáo dục của các nước này, nhưng do bản chất luôn năng động, sáng tạo, người Mỹ đã tạo ra những bước đi theo lối riêng của mình, không còn để giáo dục đại học và trên đại học như một tháp ngà. Ngày nay, trên đất Mỹ, các trường đại học là nơi đào tạo nhân tài, là nơi nghiên cứu, là nơi thực hành và sản xuất ra của cải vật chất, thầy và trò ngay trong khi giảng dạy và học tập đã trở thành những nhân tố tích cực tham gia hữu hiệu đẩy nhanh tiến trình phát triển của xã hội, trò ra trường không bỏ ngổ, thấy gần liền việc đào tạo với nghiên cứu và sản xuất chủ động trong mọi nghiên cứu theo yêu cầu của sản xuất. Phải chăng tinh thần tiến và sáng tạo của người Mỹ đã thể hiện rõ trong việc không tổ chức các trường đại học theo con đường "cổ điển" của Châu Âu, tách trường với Viện nghiên cứu, với Viện

Hàn lâm, biến những nơi này thành những tháp ngà với nhiều nấc bậc danh vọng, trì trệ với cơ chế vận hành chậm chạp trước những đòi hỏi cấp bách của cuộc sống?

Giáo dục Mỹ đã dựng nên một mô hình mới để phổ cập giáo dục đại học trong toàn dân, phù hợp với nhiều đòi hỏi tương đương, đó là **Đại học cộng đồng**. Từ nửa sau của thế kỷ XX, sự phát triển của khoa học kỹ thuật này càng nhanh chóng, các công ty luôn luôn đổi mới thiết bị máy móc, đặc biệt là trong lĩnh vực tin học đã làm thay đổi hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh tế, thương mại, ngân hàng, phục vụ đời sống... nên những người lớn tuổi đã có bằng đại học hay cao đẳng chuyên ngành đang làm việc ở các xí nghiệp, công sở cần phải cập nhật và nâng cao kỹ thuật mới có thể đáp ứng yêu cầu nếu không muốn bị sa thải. Một bộ phận học sinh sau khi học hết trung học, do những hoàn cảnh gia đình khác nhau, vừa đi làm vừa học. Các trường Đại học cao đẳng học trong 2 năm, với cấu tạo chương trình theo "mô-đun" ra đời trên khắp nước Mỹ, đã đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của họ, ngoài ra có người về hưu muốn mở mang kiến thức, muốn học thêm những vấn đề mà họ ưa thích như luật học, tin học, chụp ảnh, làm vườn, y tế gia đình... Ngân sách của trường do bang đài thọ và một phần do thu học phí. Học phí của trường Đại học cao đẳng đối với công dân của Bang thu mức tối thiểu, còn nếu là người của Bang khác thì phải nộp nhiều hơn (vị những người trong Bang đã đóng thuế để mở trường rồi). Học phí thu theo học phần, thí dụ mỗi học phần của trường Đại học cao đẳng Pierce ở Los Angeles thu 11 đô la. Các lớp học được mở vào buổi sáng, chiều, tối, thuận lợi cho mọi người theo học. Các lớp vào buổi chiều sau giờ làm đồng người học hơn, do người nào cũng có ở to riêng nên dù trường có xa đến 50 km, cũng không có gì trở ngại. Phần lớn các công ty đều khuyến khích các nhân viên đi học bằng cách cấp cho một phần học phí, cho phép làm ca thích hợp hoặc nghỉ làm khi cần thiết. Ngoài các xí nghiệp hay công ty trợ cấp, còn các tổ chức giáo dục trực tiếp thành phố hay địa phương cũng trợ cấp cho người đi học Đại học cao đẳng khoảng 50% số người. Đi học thêm lại nhận được tiền để nộp học phí và bù vào thời gian của những giờ không đi làm, điều đó đã khuyến khích người đang đi làm theo học Đại học cao đẳng.

Cấu tạo của chương trình các bộ môn ở trường đại học 4 năm và Đại học cao đẳng theo mô-đun, người học sau khi đã theo chương trình ở Đại học cao đẳng trong 2 năm có thể lên học tiếp năm thứ 3 của đại học 4 năm. Khi đã hoàn thành một số chứng chỉ theo quy định của Đại học cao đẳng, người theo học được cấp bằng Cử nhân bản phân. Với sự ra đời của trường Đại học cao đẳng ở khắp các nơi dân cư, việc phổ cập giáo dục đại học ở Mỹ đã có những thành tựu rất to lớn mà không nước nào trên thế giới đạt được.

Cũng như nhiều người Việt Nam khác, luôn bị ám ảnh bởi những tiêu cực của giáo dục nước ta như nạn bằng "giả", dùng tiền để mua kiến thức, mua bằng, những ông "tiền sĩ giấy"... tôi đã hỏi vài đồng nghiệp thì được biết nước Mỹ với 300 triệu dân với một nền kinh tế phát triển nhất thế giới, có khoảng 3000 trường đại học và trên 40 ngàn tiến sĩ. Còn ở nước ta, "kinh tế, khoa học còn tụt hậu khá xa so với các nước trong khu vực nhưng cũng có đến 12 ngàn tiến sĩ (có trên 11 ngàn là phó tiến sĩ được chuyển tên gọi), nếu chỉ xem số liệu cũng thật đáng kinh ngạc. Họ cũng cho biết luật pháp ở đây cũng không cho phép đối trả học vấn hoành hành; những giấy chứng chỉ chỉ có giá trị khi người cầm nó qua phòng vấn để kiểm tra trình độ thực tế trước khi nhận được việc làm hay để theo học lên nữa (chỉ cần qua một hai câu là đủ biết tầm bằng cầm trong tay là thật hay giả); người đã có mảnh bằng cao rồi cũng vẫn phải luôn luôn học tập nghiên cứu, có công trình đóng góp nếu không cũng sẽ bị sa thải, sinh viên không theo học nữa. Lòng tin cậy lẫn nhau trong các cấp giáo dục qua các chứng chỉ, mảnh bằng không có gì phải nghi ngại, đến mức cầm một mảnh bằng cử nhân hay master của đại học Stanford hay Harvard (đều là trường tư), đi xin việc thì được mọi vào làm ngay mà không cần phỏng vấn.

Nhìn ở tầm vĩ mô, ta thấy ngân sách của giáo dục Mỹ năm 1993 là 331 tỉ USD trong khi ngân sách quốc phòng là 301 tỉ USD; chỉ phí bình quân cho một học sinh bậc tiểu học, trung học là 6.500 USD/năm (tương đương lương 1 tháng của một giáo sư đại học) tôi thực sự hiểu ra thế nào trên thực tế coi "giáo dục là quốc sách hàng đầu". Giáo dục Mỹ đã phổ cập hết bậc học phổ thông từ khá lâu, hiện nay đã có hơn 25% dân số phổ cập bậc đại học 4 năm (chưa nước nào ở Châu Âu đạt được). Bậc học phổ thông đại học tạo mọi điều kiện về vật chất thuận lợi tối đa và bình đẳng cho con nhà nghèo được theo học dễ dàng, nhằm phát triển toàn diện con người.

Trên đây chỉ là vài nét sơ lược về giáo dục Mỹ, một nền giáo dục có tính nhân văn, bám sát thực tiễn xã hội, gần liền giảng dạy với nghiên cứu, sản xuất, học kết hợp với hành, thực sự đã trở thành quốc sách hàng đầu, làm nên móng thúc đẩy sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, góp phần vào sự phát triển nền kinh tế lớn mạnh nhất của thế giới. ■

Los Angeles mùa hè năm 2001

chàng?". Chúng tôi ngồi với nhau chừng nửa tiếng, uống chung một xi Bàu Đả với con mực khô nướng bằng cách tẩm rượu Bàu Đả rồi bắt diêm đốt. Rượu và mực đều của Giản lồi ra từ trong cặp. Rượu Bàu Đả rót chén hạt mít, sủi tăm thơm nồng cả chiếu Sài Gòn. Lại còn những thớ mực chín lũng cái nắng khô khạo của biển đã miễn Trung nữa. Chúng tôi nâng chén ngang mày, ngay trên vĩa hè thành phố, cảm thấy một cái gì yêu dấu ngẹn ngào không tả nổi. Tay tổng giám đốc Đại Việt bảo tôi: "Khi sáng chủ phát biểu, anh nghe rất tiếng Bình Định. Đã định tìm chủ, không để thằng Giản dốt đây. Gặp gỡ thế này hay lắm!". Tôi không dám nín vào tình đồng hương, ngại ông ấy cho là buồn ngủ gặp chiếu manh. Ông ấy thật chỉ tình, đến tận chỗ tôi xem xét, trợ vốn, kêu gọi các cơ sở trên địa bàn hỗ trợ, cho xí nghiệp mua giấy nợ dài hạn, khuyến tôi từng bước đào tạo nâng cao tay nghề công nhân, mạnh dạn đầu tư nâng cấp trang thiết bị... Quả là tôi đã gặp một người anh lớn trong địa hạt kinh doanh. Ông ấy không chỉ cho tôi bát cơm khi trống dạ, mà đã giúp tôi lũa má, kinh nghiệm vun trồng cây gặt. Và bên cạnh tôi là anh chị em công nhân thiết tha gắn bó với nghề. Trước dòng chảy thị trường, họ đã cùng tôi và thuyền, còi sóng, rồi họ cùng tôi mua tàu, cùng tôi ra khơi. Từ xí nghiệp đến công ty in là cả hành trình mở hội nước mắt của hàng trăm, hàng nghìn con người, có sự giúp đỡ đầy ân nghĩa của bạn bè, của các ngành hữu quan. Đây, chuyện như vậy, nào tôi có tài giỏi gì!

Gặp gỡ giữa đang mà khiến xa hóa gần, nặng hóa nhẹ, cái tình con người với nhau ngộ ghê hả chúng mày?

Hồ Sang trầm trồ. Tuổi khó chịu trong bụng. Cái thằng này từng ấy tuổi mà ruột để ngoài da, chẳng trách Quý bộc sự gán cho một chữ Tở to tướng khi gọi tên. Hay họ chỉ cũng mới ở ba tấc lưỡi thằng Hưng, đầu của tai nhèo thế nào phải thục mực sớ thì mới biết. Nghĩ vậy, nhưng Tuế lại nâng ly nói to: "Chúc mừng Hưng! Chúc mừng nhà kinh doanh lồi lạc của đất nước!". Hồ Sang nhiệt thành nói: "Tao cứ gọi mấy bạng thẳng, nghe Hưng. Chúc mừng mày, thằng bạn xuất sắc của nhóm lực tác chúng ta!". Tuế bắt bẻ Hồ Sang: "Mày ấu. Người ta có chức phận, sao kêu thẳng được?". Hưng gạt đi: "Chúc phận để chỗ khác. Đây là chỗ bạn bè, đừng làm kém vui!". Tuế hất hàm: "Yêu mến bạn bè là tốt. Nhưng yêu quá hóa lớn thì không nên". Quý thả một câu: "Chỉ sợ không thất lòng yêu một thứ gì, yêu mà thờ vụng một chút chà sao?". Cả bọn cười xòa, Tuế cười to nhất: "A ha! Giỏi! Giỏi! Thằng quân thâm này sữa lưng tao đây mà. Nào, can!". Quý bảo: "Quần thâm mà chắc thun còn hơn quần ầu bỏ ngõ...". Quý bỏ lửng, hích hoặc cười. Ai nấy đều hiểu là Quý ám chỉ chuyện Tuế đạo lớp mười, bị thầy gọi lên trước lớp do bài, nghe mất mề ngo xuống mỗi hay mình quên đóng cửa sổ quán, vôi bum tay chạy ra khỏi lớp. Tuế then, giọng đã hơi cao: "Tiểu nhân, nhớ đại thủ vật!". Hồ Sang sợ Tuế giận mất vui, bèn nói: "Cho tao mượn cái đi động, gọi lại cho thằng Tư xem sao". Huỳnh Kiều cũng chưa lừa: "Phải đấy! Ba cái chuyện cách trở này, phi đi động của Tuế thì không xong". Tuế móc túi quần lấy điện thoại, mặt mũi dẫn dắt trình trong trở lại.

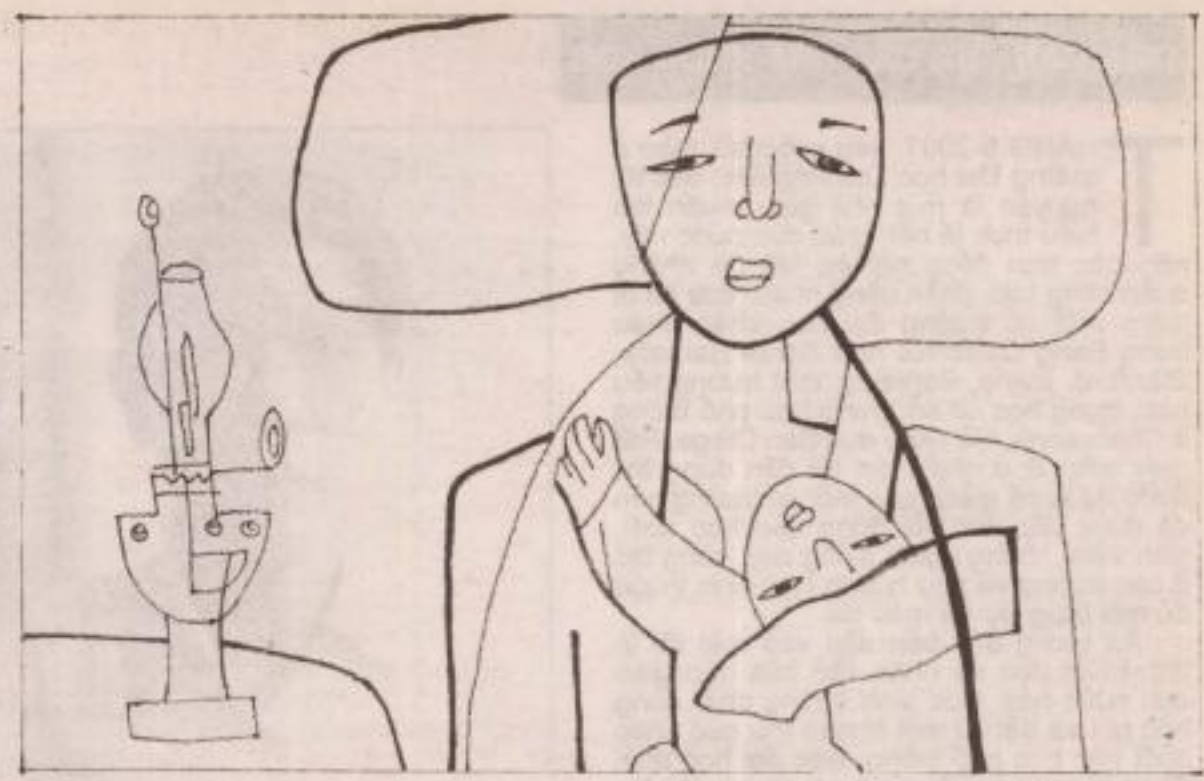
Hồ Sang hớn hển với cái điện thoại một hồi, tắt máy trả Tuế với lời thông báo: "Ket rồi. Có ý tá báo có một ca cấp cứu, thằng Tư phải xuống bàn mổ". Tuế hỏi: "Có quan trọng không?". Sang trở mặt: "Mày hỏi lại! Chuyện sống chết của con người mà không quan trọng?". Tuế nói: "Đừng là Sang tở! Tao hỏi người nằm bàn mổ có quan trọng không? Víp hay khố?". Nói xong Tuế từ tốn thưởng mình bằng một trận cười, đầm lên vai Quý mà cười. Huỳnh Kiều trầm tĩnh hỏi: "Ý ông là thế nào?". Tuế bắt lửa đốt thuốc, nhưng chưa rít vội, cứ kẹp giữa hai ngón tay gờ ngang trước mồm, nheo mắt ngắm khói, rồi quay ngoắt sang Huỳnh Kiều cười nửa miệng: "Ông cố tình không hiểu sao?". Quý bộc sự nói: "Không chỉ mình Huỳnh Kiều đâu, tao cũng muốn nghe cao kiến của mày". Tuế vút điếu thuốc chưa rít hơi nào xuống đất, di mũi giấy cho tắt lửa, cười nhạt: "Bọn này cười già nạy nữa. Muốn nghe thì tao nói cho nghe. Mổ cho Víp thì thằng Tư được bồi dưỡng đảm, lại để có cơ hội đời hơn. Mổ cho khố thì đến cả tiền bồi dưỡng cũng ít, mà khổ thì... không đáng để có nó động dao mổ. Hết! Ha ha ha!". Tuế ngửa mặt cười. Quý bộc sự cũng ngửa mặt cười, tiếng cười chói gắt như tiếng khóc, quá đi. Cả bọn chưa từng nghe Quý cười như thế bao giờ. Hưng lạnh cả sống lưng. Hồ Sang trừng trừng ngó hai đứa bạn thì nhau điên trồ. Trong đám bạn, Hồ Sang cũng trực, nóng nảy, hào hiệp nhất nhưng cũng dễ bị tổn thương nhất. Tuế và Quý vừa dứt cơn, Hồ Sang liền xô ghế đứng dậy. Huỳnh Kiều vội nắm tay Hồ Sang giữ lại, Hồ Sang bảo: "Mày để tao về". Quý thùng thẳng nói: "Mày về lúc này là hèn". Hồ Sang bảo Quý: "Tao hèn lâu rồi. Hèn vì không theo kịp cái tần tảo của chúng mày - rồi nói với Hưng - Minh về trước". Không thêm ngó Tuế, Hồ Sang đi thẳng.

- Hồ Sang! - Quý gọi.

Hồ Sang đứng lại. Quý gãi đầu gãi tai: "Mày rước tao tới đây. Giờ mày về lất nửa ngày nghèo đói về?". "Đã có Víp đưa mày về", Hồ Sang mĩa. Quý xuống nước: "Tao đã kịp nói gì đâu. Mày ngồi lại đi! Không có Tử Kỳ mày thì Bá Nha tao đàn

cho ai?". Hồ Sang giận cảnh hồng, nhưng thấy điệu bộ dở công dở ngay của Quý thì không nhìn nổi cười. Quý xuống thêm nước nữa: "Bọn mình sâu đũa, thiếu thằng Tư đã buồn, mày đi nữa thì hẻo lải. Hơi đầu mày chấp nê hai thằng thỏ tà chúng tao?". Tuế lừ mắt, Quý làm như không thấy, diu Hồ Sang lại chỗ cũ, nhấn vai bắt ngồi. Hưng cũng vô vô lên tay Hồ Sang. Không khi gương gao hân.

Huỳnh Kiều nói khéo: "Chọc phá, hờn giận nhau như vậy cũng có cái hay các ông a. Xem ra, sự xa cách không làm bọn mình bớt tự nhiên, bớt thâm thiết, mà ngược lại. Đáng mừng! Bây giờ xin phép các ông, ta bàn chuyện khác". Thấy mọi người đã chú ý, Huỳnh Kiều đứng dậy: "Chúng ta hội nhau đây, trước là họp bạn, sau để bàn chuyện làm cầu bê-tông liên xã. Tôi xin lỗi các ông, chuyện làm cầu bê-tông ở đây là không phải phép. Về lý, tôi và các anh trong ủy ban thì trấn phải đón các ông ở trụ sở, cùng họp với ta căn cứ các vị chức trách của các xã lân cận. Nhưng Hồ Sang bảo tôi rằng trong chuyện này cái tình đi trước, vì khơi nguyên là nhĩa ý của Hưng. Tôi cũng cho rằng mới gặp lại đã nơi chuyện to tát ngay thì có khi nhạt nhẽo. Thời thì hôm nay vừa là dịp bạn bè cũ ôm vai nện gối nhau cho thỏa, vừa đơn trước ý tứ trả nghĩa quê hương. Nói gì thì nói, cuộc họp chính thức theo tôi vẫn cứ phải tổ chức nghiêm, đủ các bên dân nước phân minh, lúc ấy ta hãy chính thức nhận trách nhiệm trước đồng bào. Bây giờ mới các ông". Huỳnh Kiều vừa dứt lời, Tuế liên cao giọng: "Chuyên nhỏ! Chẳng qua thằng Kiều dốt, không biết tính sớ. Nói thật nghe, phải tay tao thì cách đây chục năm đã có cầu bê-tông, để tới nay là quá muộn". Huỳnh Kiều nói: "Tôi cố nghĩ, nhưng không dám gờ. May mà ông Hưng ngó lơ". Hưng từ tốn: "Hàn các bạn còn nhớ thời chúng mình, bọn đồng niên bên kia sông đi học cực căng để đầu cho hết. Nhất là mùa lụt, nước ầm ầm trên trời trút xuống, dưới đất phun lên, bốn phía tràn về. Đố lất, người trôi, chẳng thể kiên trì. Xót lắm. Năm ngoài, chuyện Sang kể về những em bé bị nước cuốn đã khiến tôi nung nấu ý nghĩ làm cầu bê-tông. Có cầu, đò hết thịnh, bến sông bớt thơ mộng một chút, nhưng hết cảnh đắm đuối, chết đuối, vận chuyển giao lưu bốn phía trong huyện sẽ dễ dàng, trời chảy hơn. Nghe Sang bảo Huỳnh Kiều làm chủ tịch, tôi nghĩ tốt rồi, việc đưa ra sẽ mau mắn, đơn giản. Ông hãy dự toán kinh phí, rồi báo lại cho mình". Quý bảo: "Hưng nói chỉ lý, có cầu, đời sống dân chúng mấy xã liên sông này sẽ đỡ nhiều. Bước ra khỏi vựa con sông chân trước mũi bàn chân, tôi đoán chắc có không ít cu già cả đời chưa qua thì trấn, chưa biết bệnh viện huyện có mùi gì. Dân bên đó đau ốm đêm hôm cực lắm, nửa đêm kiếm đầu ra đò. Thương dân là thương những cái thiết thực vậy đó. Giời gì chứ đó giang cách trở cũng khiến dân dân sau các lũy tre bên kia ngại làm ăn lớn. Có cầu, kinh tế trong huyện đi lên là cái chắc. Có cầu - Quý xoay nhìn Huỳnh Kiều - khi có cầu rồi, xin các vị hãy lưu ý một chút tới đường nét của vùng đất. Các vị đi xa biết rõ có cho là tôi có lỗ không, chứ tôi cứ sợ đánh mất sự tĩnh lặng êm đềm của thị trấn. Tôi không sao quên được cái lần ra thành Phố Bàn súc sao kiếm tổ chim trên vách tháp Cảnh Tiên, cả lũ tranh nhau nhảy lên lưng hai con voi đã Châm xúng vương xúng tướng. Về đây vừa tắm vừa khoác lác um sớ, bị ông lái đò hú phàm linh tương sẽ bị "ngãi" phạt, cả lũ xanh mặt muốn xe ngựa ra thành với lay hay ông voi tới tới mịt mịt mới về. Bọn trẻ sau này có như lũ mình không? Thiết tình, nhiều đêm gác tay lên trán, tôi cứ thương những con đò, thường xe ngựa, thường mấy cái vị tre phơi bánh trắng, thương từ mấy thếp trâu vườn xanh ông tôi cại sợi xanh riu riu của bún Song thẳng. Mọi thứ mang một tí hồn quê. Có phải rồi chúng nó sẽ chỉ còn trong hoài niệm? Kiểu a, thời thì không thể đảm chân tại chỗ, nhưng hãy bàn cách sao hướng cho dân khỏi phúc lại các làng nghề, đứng để thị trấn và cả những làng ven sông dần sâu vào các dịch vụ giải trí ăn nhậu. Giàu rồi thưởng một ruộng phân bón. Tôi chỉ có mấy lời thô thiển vậy thôi". Hưng bảo: "Quý nói phải. Các ông a, người xa quê thường khát quê hay sao ấy. Chỗ tôi có một tay người tỉnh mình làm quản đốc, lúc nào nghe câu: *Mỗi hẩu nào em bết ốc anh hải rồi* (*) là lão ta bần thần hàng nửa buổi rồi, làm việc đã cảm thấy rõ với cánh đồng hương. Đũa nào mới vớ mà đã pha tiếng là chết với lão. Còn tôi, mỗi lúc nhớ quê, nhớ các bạn, là y như rằng cái bến này hiện lên trong tâm trí. Tôi ở xa, có lo lắng cho quê cũng chỉ là hạt bụi nhỡ con đường cũ. Các ông mới là những người chăm sóc quê hương từ phần xác đến phần hồn". Huỳnh Kiều cảm động: "Cảm ơn các ông". Hồ Sang nói: "Ơn nghĩa gì Lý nào một cái bến từng là nơi vốc nước rửa mặt cho bọn mình nên ông nên thẳng, bọn mình lại không có trách nhiệm? Tao đã trộm vía bọn mày nhớ thằng bạn là kỹ sự cầu đường khảo sát bên này từ trước để thiết kế cầu. Hân hân lời. Coi như tao xin đóng góp khoản thiết kế. Huỳnh Kiều sẽ xúc tiến các thủ tục tiếp theo. Tiên, thủ thật tao kém, chủ yếu trông cậy vào Hưng, và Tuế nữa, Tuế nhỉ?". Tuế chời đây đây: "Áy áy! Chuyện này ông Hưng chủ xướng. Tôi xen vào e không đẹp. Hèn công trình nào khác, tôi sẽ lo từ A đến Z". Hồ Sang cười khi: "Lại lừa bóng cho bạn rồi". Hưng nói: "Có lẽ Tuế bắt ngờ, chưa chuẩn bị trước, không nên ép. Thời việc này để tôi gánh



Minh họa của TỬ NINH

Bến Diêu Đài

Thiếu phần nào tôi sẽ tranh thủ thêm anh em đồng hương trong đó. Tuế khóa lấp: "Cần bản là cách đặt vấn đề của Huỳnh Kiều chưa ngay bờ sát góc ít ra cũng nên thông tin cho đại báo cho xa gần cùng biết, danh chính ngôn thuận. Làm quan năng động thì dân mới có chỗ nhờ. Ông phải rút kinh nghiệm". Huỳnh Kiều bảo: "Tôi được dân trao cho một chút bị chức, cứ chăm chăm lo sợ làm gì thiếu cần trong thì mang tiếng là bị đức. Riêng với các ông, còn một chút nghĩa bạn bè, nếu nói không đúng lời đúng chỗ lại e bạn nghĩ sai về mình. Chúng quy tôi là một kẻ chăm lo: Xin nhân phạt".

Quý bảo: "Xong nghe. Giờ tôi chuyện nói bở". Mọi người ngác nhiên chờ đợi. Quý e hèm một tiếng, lấy giọng: "Hồ Sang, Hưng, Tuế, Huỳnh Kiều này! Hôm nay chúng ta gặp lại nhau, với ý nghĩa mừng nhóm lực tác con đồng đò, dù thằng Tư chưa tới được, nhưng nó cũng mạnh khỏe. Phải không?". Hồ Sang nói: "Đúng. Tiếp đi". Quý liếc cô tiếp viên đang lạng xàng rớt bia: "Xin lỗi cô em. Bây giờ là chương trình quý anh tư phục vụ". Cô gái nhún vai bỏ đi. Quý nói tiếp: "Năm tháng qua đi, tụi bay có công nhân Quý bộc sự này tiên đoàn thứ gì trùng phóc thứ ấy không? Hồ Sang, tao nói mày là thằng dám xả thân vì nước, đúng hay sai?". Hồ Sang la: "Sai! Tao lớn lên thì hết chiến tranh, điều ấy không thể kiểm nghiệm". Hưng bảo Sang: "Mày làm thợ lặn, suốt đời ngâm mình dưới nước. Nó đoán đúng quá còn gì?". Hồ Sang ngó ra. Quý bảo Huỳnh Kiều: "Mày thì phục vụ tao sát đất từ hồi nào tới giờ. Mày mà tao tới mức không nở rời tao để lên thành phố lớn. Đúng không?". Huỳnh Kiều nghe vậy thì tức cười, mắng: "Mày dở như bư bet. Chỉ tài đoán mò. Hay chi mà mẽ?". Quý phản nản: "Mày ghen tị với tài lớn Không Minh Gia Cát của tao. Thế sao tao không đoán mày có số làm quan lớn mà chỉ làm quan nhỏ thôi? Mới làm quan nhỏ mà đã lưỡi thâm bạn rồi. Một năm nó chỉ thăm tao vào ngày hiến chương nhà giáo, chúng mày a". Huỳnh Kiều đùa: "Có phải vì vậy mà lâu lâu mày cốc sung đầu con trai tao không?". Hồ Sang hỏi: "Quý, mày dạy con nó à? Thế nào, học lực cháu tao có hơn cái con quan sinh ra nó kia không?". Quý thất tình: "Hầu sinh khả úy. Thằng nhỏ giỏi lắm, niếm tư hào của trường tao đấy". Hồ Sang nói: "Cũng như Hưng từng là niếm tư hào của tụi mình". Hưng bối rối cười. Tuế trở mình, cười như không để ý tới câu chuyện. Quý nháy mắt với Hưng rồi ngó Tuế: "Con cặp này, tao đã bảo đều có *quan mang*, nhưng tính cách trái ngược nhau. Tính cách làm nên số phận. Thằng Hưng gan cóc tia, thích mạo hiểm, luôn luôn bị quăng quật ba đào những chân tình, có trí lự, không thiếu anh em vây cánh, thành công đồng thời cũng thành nhân". Tuế không làm ngơ được nữa, quay sang giễu: "Về. T hành nhân là chuyện bạn năm mười tám tuổi hoặc sớm hơn nữa kia. Mày nói thể hóa ra xem thường thằng Hưng, cho là nó tóc muối tiêu mới thành nhân a? Hà hà. Còn tao thì sao?". "Tao chưa bàn đến mày. Trong đời tao, tao chỉ bàn về một thằng bạn sai, sai toét, khiến cho nó chết từng khúc ruột. Nhưng nó chín chắn trước tuổi, hay là vì trong tình bạn, nên không phản ứng, nhưng tao biết nó không quên. Tao cũng không quên. Tao chỉ đợi có dịp xin lỗi nó, đúng, xin nó tha, cho tao cái tội làm buồn da người khác. Thế mà tao chưa nói được. Chúng mày biết ai không?". Quý hỏi, đầu gục xuống, giọng nói thốn thụt như khóc. Nhưng khi ngừng lên, hai mắt Quý rọi ánh sáng, đôi ra xa, ra ngoài cái bến thoải thoải gối lên bờ cát trắng vôi trắng trăm chiếc xe kiến nhân đâm chôn đời, tàn cuộc vui của chủ, ra ngoài cả triển vọng đồng mười tám cây đang chừng kiến mặt trời chậm rãi cuộn nâng trên từng tầng lá u hoài. Tất cả đều

nghe rất rõ điệu Quý hỏi. Tuế trả lời, giọng rành rọt: "Thằng Tư chờ gì? Mày đoán nó sẽ là một thằng dốt tể. Mày nó tìm rím lúc bỏ đi. Mày là thằng dốt tể, ai lại không nhớ?". "Ừ, thì tao dốt tể, nhưng mày là một thằng tàn nhẫn. Tuế a. Ban này tao cười, không phải cười a đùa theo mày. Tao cười vào cái bản chất ích kỷ khuyết cảm của mày. Thế mà thằng Sang hiểu nhầm tao, nộ định bỏ về. Hồ Sang, mày đã nghe tao giải thích rồi đó. Giờ mày có muốn về tao cũng không cần. Tao đi bỏ cả đời, chai cả bản thân, miễn là không để lòng chai sạn như thằng Tuế". Tuế tai mặt. Nhưng hân vận bình tình cười nhạt suốt mấy phút. Hân tự nhủ không nên để Quý bộc sự làm cho rối trí. Hưng thấy sự việc đến hồi căng thẳng, bèn nhắc: "Thời không nói lung tung nữa. Bao năm mới gặp lại, mừng chưa tròn đã gây nhau, tôi thất khổ tâm". Huỳnh Kiều cũng can: "Thời đi. Thời đi. Đây là bia nói, có phải các ông nói đầu. Vui về lại đi nào! Nào, nào!". Với một vẻ cao đạo, Tuế cảm lý mình cùng đánh cốp vào ly Quý trên bàn, khen: "Khán lắm! Nói kỹ xem nào! Nói không xong thì không về". Quý trầm trầm, không có vẻ gì là bị khiêu khích. "Xin lỗi chúng mày, tao sai. Trở lại chuyện thằng Tư nghe. Thằng Tuế nói đúng, thằng Tư giận là phải, vì tao dám đem cái nghề bầy đắp của cha nó ra làm trò đùa. Lũ chúng mình thời bao cấp đùa nào mà không thêm thịt chầy dài ra. Bây giờ miếng ăn miếng để, đùa nào là không nhớ những khoảnh giờ lúc thằng Tư xin mẹ gởi theo chiếu đài cả bọn sau hồi trống tàn trường. Thế mà tao nói như một thằng nhập đồng mất trí, nói như một thằng vô ơn. *Lời nói đời mau, vầy mà nó nín nhìn. Nổ lẩn lưng ra học, thì trượt không nản. Điểm nó thừa sức đả bích khoa như thằng Hưng hay kinh tế như thằng Tuế, nhưng nó quyết vào y khoa. Vì sao? Hồi đó người ta quan niệm Nhất Y, nhì được, tam được bách khoa* - nó phải chúng tôi trước cuộc đời. Nó vừa ra trường thì cha nó bị tai biến mạch máu não, tử trận. Nhà nó đã sa sút, nó phải giúp mẹ nuôi chín thằng em, đứa kế nó mới vào đại học, đứa nhỏ nhất mới đi mẫu giáo. Tới nước ấy, nó rất dễ bần lương tâm để làm phần sự con đầu, anh cả. Tao động người đời theo nó, cứ sợ mình vĩnh viễn mất một thằng bạn. Nó tốt nghiệp khoa ngoại, ra đời với con dao mổ. Nhưng thằng Tư cầm dao mổ không phải làm đồ tể, mà để cứu người. Nó cứu người, không tính toán người ta là Vip hay là khố. Nó mò tìm cho một kẻ nứt đổ đổ vách hoặc cho ông lão ăn mày, tàn tật chơu đảo như nhàu. Chín thằng em của nó được anh trai nuôi ăn học, đều đã có nghề, kiếm miếng cơm bằng bàn tay sạch. Hưng này, Hồ Sang, Huỳnh Kiều từ hào về mày. Nhưng theo tao, thằng Tư mới đúng là niếm tư hào của cả nhóm chúng mình. Mày lập thân xa xứ, nhưng khi mày ngã đã có người nâng. Còn như thằng Tư, nó đơn thân mã tru. Khổ nạn, mày hỏi thằng Tuế xem nó đã vô thũng Tư ngã thêm như thế nào?". Tuế chỉ cười nửa miệng. Huỳnh Kiều gọi giắt giọng: "Quý! Thời đi Quý! Mày đã hứa với Thái rồi cơ mà".

- Thái?

Hưng và Hồ Sang thốt lên cùng lúc. Thái, tóc đuôi gà đen mượt. Khi cái đuôi gà ấy thoáng qua, lập tức sâu trái tim con trai nhóm lục tặc, cùng nổi trống trong lồng ngực. Tiếng cười trong như pha lê của cô bé vạng lên ở đầu, mắt căn Huỳnh Kiều thấy ở đó trời bỗng sáng bừng lên, Hưng mơ màng nhớ vịn bèo của hạt vồng đồng. Quý bần thần rần ra thơ, Tư hồi hộp ngó sừng cái nơ đỏ, Tuế lúng búng ngựa chặn đá bất cứ con chó nào chạy qua, còn Hồ Sang lát đất chạy đi mua me cay phục vụ vô điều kiện cả xâu con gái ăn hàng nước tiếng xoay quanh Thái. Bữa nào có bé ra chờ bán trâu giúp bà, lập tức các mề các thím đang mặc cả bán mua gì cũng ngoài nhìn và xuyết xòa hàng buổi, rằng tiền sa bến Diêu Đài cũng chỉ đẹp đến thế là cùng.

Thái, cô bạn gái cùng trường mà cả nhóm bạn sáu thằng, thằng nào cũng thầm yêu, thằng nào cũng không dám tỏ tình. Thái liên quan gì ở đây?

Vàng, Thái. - Quý nói - Tao đã hứa với Thái là không bao giờ nhắc chuyện này, nhưng... chắc! Thái yêu Tư, chúng mày a. Chúng nó yêu nhau từ hồi nào mà nóng như lửa, mà lạnh như tuyết, mà kín như bưng. Tao không biết, Huỳnh Kiều không biết, Hồ Sang không biết. Hưng biết không? Không nói! Thế mà Tuế biết. Biết mà giả tảng như không. Tao nói đây, Tuế! Thừa lúc thằng Tư xiêu điều vì gánh nặng gia đình, mày đã tao bức thư giả danh một người con gái miền Tây gửi thằng Tư, rồi đích thân mày cầm đưa cho Thái, thêm mồm dăm muối khiến Thái xa lánh, khinh bỉ Tư mà không nói lý do. Trong khi đó mày theo sát Thái, quyết liệt cướp người yêu của bạn. Tư phản nằng mồm, phản bi thái độ kỳ lạ của Thái làm tổn thương, đã không hoảng hốt tình thần suốt mấy năm trời. Thời thì cứ cho là mày quá yêu nên bất chấp thủ đoạn. Nhưng sau đó mày đã làm gì?

- Mỗi ngôi sao có một khoảng trời riêng, quan trọng là biết sáng hết mình - giọng Tuế lạnh tanh.

Trong cơn bàng hoàng, Hưng thấy Hồ Sang nắm chặt tay lại. Quý phun một bãi nước bọt:

- Tao nhớ vào thứ ánh sáng mà mày của mày. Vì sự bực tình của mày mà Thái phải cuốn gói đi biệt xứ, bụng mang da chửa lênh đênh đất khách quê người. Chỉ vì danh vọng, mày sẵn sàng ruồng bỏ Thái để cưới con gái giám đốc. Thế là từ một thằng khố mây vùn vút đạp lên đồng nghiệp, qua mặt phó phòng, trưởng phòng, rồi phó giám đốc, tất tần tật diễn ra theo cái chỉ tay của ông già vợ. Ông già ục ịch sướng rung phao câu khi thằng ré vàng nổi đuôi mình lên hàng Vip. Mày tưởng thiên hạ mù cả sao? Còn nua, để giành tron ngôi nhà mẹ cha để lại, mày cam tâm tìm mọi cách đẩy em gái ra khỏi cửa. Chính Huỳnh Kiều phải đứng ra sắp xếp chỗ ở khác cho em mày. Sao mày táng tận lương tâm như vậy?

Tuế lắp bắp:

- Tao không... tao không... Mày không được bôi nhọ danh dự người khác.

Quý cười khò, dốc ly bia đổ trước mặt Tuế:

- Danh dự ư? Hãy giữ lấy cái danh hào của mày. Chấm hết.

Tuế hộc lên như một con thú bị thương giữa rừng chiếu đồ ối. Đôi vai Quý bị nghiêng dưới hai bàn tay trắng xanh đang nổi rõ những gân rốn tím của Tuế. Gương mặt phớt đời của Tuế đã biến dạng, cặp môi thường trực nụ cười kẻ cả giờ mím chặt trong quyết tâm bóp vụn đối phương. Quý tưởng vai mình vỡ đến nơi. Hưng cố gỡ Tuế ra nhưng không được. Anh đưa bàn tay gồ thể kim chắt cổ tay Tuế, nhìn xoáy vào đôi mắt vẫn lửa của hắn, quát to: "Buông ra!". Tuế vẫn không buông. Hưng siết mạnh: "Ái!" Tuế kêu lên, mười ngón tay trên vai Quý nổi lõng. Hưng vừa thả tay, Tuế lại hung hăng lao vào Quý. Hồ Sang chặn lại, Tuế hét: "Mày đang ra! Để tao trí nôi!". Không nói không rằng, Sang kẹp ngang người Tuế, lòi sênh sênh ra mé nước. Tuế vùng vẫy la hét. Bùm! Hồ Sang quăng Tuế như người ta quăng một cục đá xuống sông. Tuế lòi ngoi lòi lên, vực vướ nước trên mặt vừa chui. Người từ các quán xôn xao chạy tới. Ông chủ quán và mấy cô tiếp viên cũng bu lại rên rí. Tuế nín bặt. Hưng cười xua tay: "Có gì đâu! Bọn tôi giận thôi mà". Huỳnh Kiều hắt đầu bảo: "Đi hết đi, tôi bảo đảm không sao đâu". Tuế cũng nấn nà một nụ cười để giả thản: "Không có gì! Không có gì! Quý vị đừng bàn lòng". Ông chủ quán giờ tay kêu trời: "Chịu các cha nôi. Già đầu mà giận ghê quá! Hà bà cũng khiếp nữa là...". Giây lát, đám người hiếu kỳ ai về chỗ nấy. Huỳnh Kiều rút khăn tay đưa Tuế. Tuế dằn dỗi hất ra. Huỳnh Kiều cười nhe:

- Tao đã mấy phen tính xóa mày khỏi bộ nhớ rồi. Nhưng thằng Quý không nỡ. Nó tiếc chửi tình bạn cũ càng. Nó định ninh còn có thể cảm hóa mày. Quý ơi! Quý, mày ngày thơ ấu, mày biết không?

- Ừ. Tao ngu vậy đó. Mày cứ sạch một mình, cao quý một mình. Tao đại mặc tào!

Quý đau đớn ngơ ngẩn đi, hai gò má nhòa nước. Hưng vụt nhớ cái lần Tuế lấy trộm bút máy của một đứa bạn gái, khiến một đứa khác trong lớp bị nghi oan. Khuyến Tuế mãi không được, Quý lên mách thầy. Tuế phải đồn, Quý cũng ngồi dưới lớp ôm mặt khóc tự chính mình bị quát ròi. Giờ đây, dòng sông đang kia phải chăng đang đầy lên vì nước mắt của Quý?

Một đàn cò từ xa bay lượn qua rừng vồng đồng. Những đôi cánh trắng gấp gáp thu từng quang thịnh không trên đường về tổ. Không gian lênh lạong như trời vừa đánh đổ một nghìn mực tím xuống bến Diêu Đài. Rừng vồng đồng cúi mặt âm thầm. Hưng như vừa thấy lại ánh mắt cả tin của một cô bé con nhìn bạn bóc hạt dưới tán vồng đồng mẹ. Thái, bây giờ bạn ra sao? Minh vẫn nhớ đến bạn, nhớ đến bà ngoại xốt châu chui mình xúi bạn ăn của đại. Bạn có biết mình đã tưởng tượng một ngày bạn cùng chồng con về thăm quê ngoại, bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy cây cầu bắc qua bến Diêu Đài, và nghe một ai tình cờ nhắc tên mình? Biết đâu bạn chẳng bối rối cất bước qua cầu, đi dạo dưới rừng cây này. Và bây giờ có thể bạn sẽ hiểu những

chữ "Tăng Thái" khắc chìm trên tất cả các thân cây của ai. Bạn sẽ mỉm cười. Hưng ư? Minh đây, mình vẫn nhớ đến nỗi nhọc nhằn của bạn mỗi lần qua sông đi học... Ôi Thái! Hưng gọi thầm, nghe miêng mình đắng ngắt. Một thiếu nữ hồn nhiên trong trắng, mỗi bước đi qua làm ngơ ngẩn một lúc sáu chàng trai, thế mà thân đơn bóng chiếc trên đời. Lòng Hưng chợt nhói lên. Hồi mười tám cây vồng đồng, buồn đến thế này liệu tiên nữ có quay về?

"Quý, mày gặp lại Thái bao giờ?" - Hưng hỏi khẽ. "Lâu lâu rồi, cái đàn cô ấy về chiu tang bà ngoại". "Thái kể với mày mọi chuyện à?" - "Không, tao mới biết. Em gái thằng Tuế là bạn bà xã tao. Nó tiết lộ rằng bức thư của cô gái miền Tây gửi thằng Tư là do thằng Tuế bắt nó viết". "Vậy Thái biết chưa? Thằng Tư biết chưa?" - Hồ Sang hỏi dồn. Huỳnh Kiều bảo: "Mỗi người một cảnh rồi, biết thì cứu vãn được gì? Chỉ đau thêm". Hồ Sang cãi: "Mày hỏi nghe không lọt tai. Tư có đáng bị Thái hiểu nhầm lâu vậy không?". Quý nói: "Không phải đợi đến lúc biết chuyện Tư mới thông cảm cho Thái đâu. Nó âm thầm tìm Thái bao năm mà không gặp. Thật ra thì có lần suýt gặp, nhưng trượt. Thái bán xôi trước bệnh viện chợ Rẫy. Tư chuyển bệnh nhân nặng vào trong đó. Thái nhận ra trước, vội vội vàng vàng cô ấy sụp nón che mặt cầm đầu chạy. Hôm tao nói chuyện, Thái khóc. Cô ấy ăn hận đã trách nhầm Tư". Hồ Sang hỏi: "Quý, mày có địa chỉ của Thái không?" - "Không. Cô ấy chỉ nói là không bán xôi chỗ cũ nữa mà đi bán bỏng dẻo gần chợ An Đông". Huỳnh Kiều than: "Sao thế nhỉ, kiếp đã khổ mà cứ vùn vào những thứ mong manh, sớm nở tối tàn". Hồ Sang thở ra: "Địa chỉ mớ hồ thế biết đâu mà tìm!". Quý bảo: "Thái như chim gãy cánh, nhan sắc vậy mà không lấy chồng. Nhìn đâu cũng sợ bị lừa dối, lưỡng lự, có ấy xét nét con gái kỹ lắm. Con nhỏ trong như ngọc, Thái lo nó dâm dẫu mẹ rồi uống một đời".

Tuế ngồi khoanh tay, mắt nhắm nghiền. Thái nuôi con một mình ư? Minh đã bảo tùy nghi giải quyết, đeo bông thì phải gánh hệ lụy. Đó là do cô ấy muốn vậy. Nếu mình không nỗ lực, có ai đem may mắn tới tặng mình không? Bọn hủ nhơ này chỉ khờ khạo cảm vật.

Quý gọi: "Hồ Sang, Huỳnh Kiều, tao có thể thay mặt hai đứa mày nói với thằng Hưng đôi điều không?". Hồ Sang đáp: "Được!". Huỳnh Kiều mắng yêu: "Chúng mày trong thằng bốc sư gần, tóc bạc tới nơi mà vẫn chưa có đủ tư cách cá nhân?". Quý nghiêm mặt: "Đây không phải chuyện đùa. Hưng, tao có thể nhận danh lữ nó, cả thằng Tư nữa, giờ mày mấy lời không?". Hưng hỏi: "Rốt cuộc là chuyện gì?". Quý trầm ngâm một lát, rồi nói:

- Hưng, chúng mình đã từng gần gũi với nhau. Bây giờ, sự thân thiết không thể nói chắc là còn như cũ. Nhưng kỷ niệm thì còn, tình nghĩa thì còn. Chính vì còn tình nghĩa mà chúng mình kẻ Vip người khổ vẫn ngồi uống được với nhau mấy ly bia, trên một bến sông cũ dù đã nhiều thay đổi.

Hưng hơi phát ý:

- Tao không có quan niệm Vip hay khố trong tình bạn. Mày nói thế nghe xa cách quá.

- Không, đừng hiểu sai tao. Tao không phân biệt đẳng cấp như thằng Tuế, mà phân biệt điều kiện hành xử. Với lại, không phải Vip nào cũng xấu. Tốt xấu tùy lòng, phải không? Những Vip mày gặp và chúng tao được biết qua chuyện mày kể ấy, chúng tao phục họ. Phục, vì họ không để người ta biến thành ghê và ghê cười lên người. Tay Giản mà mày nhắc tới, dân phải biết ơn đấy. Ông ta lạng lẽ sau những con đường bê tông hóa, sau những trường học, bệnh viện cho dân nghèo. Mà thôi, hãy trở lại chuyện chúng mình. Mày đã từng cứu mạng cả trăm người, giúp họ có miếng cơm manh áo. Mày sắp làm cầu cho dân. Tất cả những điều đó thật là tuyệt. Nhưng chúng tao còn mong mày hãy bắc một nhịp cầu cho Thái lấy lại niềm tin ở con người. Mày hãy nhìn khắp sáu thằng. Không, thằng Tuế thì vứt! Nắm thằng, ai là người giúp Thái được? Chỉ có mày ở gần cô ấy nhất, không tìm thì thôi, chứ có lòng tìm thì chim trời ca nước cũng thấy. Mày hãy giúp Thái, nghe Hưng?

Hưng xúc động nghẹn ngào, anh nắm chặt tay Quý:

- Tao hứa.

Tuế ngáy pho pho. Huỳnh Kiều ngao ngán lắc đầu. Hồ Sang thưởng mặt nhìn những thằng bạn khố sớm của mình. Anh buột một tiếng chửi thề, rồi lẩn mớ cục áo. "Tắm một cái, chúng mày!". Sang rú. "Phải đấy! Tắm cho nhe người" - Hưng hưởng ứng. Một. Hai. Ba. Bến nước vong lên tiếng cười đùa, tiếng quẩy đạp. Tuế nhanh chóng tỉnh giấc ngủ vờ. Sau mấy giây ngẩn ngừ, hắn móc điện thoại đi đồng gọi ta-xi.

Trăng đã lên. Nước thần thiết chàng vai những người bạn thiếu thời. Hưng vốc từng nắm sáng ấp lên mắt. Huyền ảo dòng sông Côn yêu dấu. Huỳnh ào một bên sông tiên tâm. Này bến Diêu Đài, này làn nước dịu dàng thấu đáy, mày có thể làm tan vỡ mây vầng trắng để tìm về gương mặt của Thái không? ■

T.T.H.T.

CHUYÊN VĂN
CHUYÊN ĐỜI



PHẠM HỒ, CON NGƯỜI SINH RA ĐỂ YÊU THƯƠNG

VŨ TÚ NAM

QUEN biết Phạm Hồ trên bốn chục năm nay, qua đời sống và thơ văn của anh, tôi có thể nói: Phạm Hồ là con người sinh ra để yêu thương. Quê hương, đất nước, thiên nhiên và trẻ thơ đã nuôi dưỡng tâm hồn anh. Và gần gũi nhất là gia đình thân yêu của anh, và những con người như Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Trần Mai Ninh, Phạm Văn Kỳ, Nguyễn Đỗ Cung... đã tác động nhiều đến tư tưởng và tình cảm của anh trên con đường dài công tác và sáng tác.

Phạm Hồ yêu từ chú gà con mới nở. *Lông trắng lông đỏ*
Thành mớ thành chân
Cái mỏ tí hon
Cái chân bé xiu...

Yêu đến cái cây, anh phát hiện ra một điều rất bình thường mà mới lạ:

Đêm im thấy cây ngủ
Lặng im, rất lặng im
Sáng ra em mới biết
Trong cây còn có chim

Yêu thiên nhiên và trẻ nhỏ, Phạm Hồ đã sáng tạo ra nhiều chuyện cổ tích mới: *Chuyện hoa chuyện quả*, và tìm ra những tứ thơ ở *Những người bạn im lặng* cùng *Những người bạn ồn ào*. Mọi đồ vật bình thường hàng ngày trong đời sống đã được Phạm Hồ đưa vào thơ cho trẻ em, sinh động và ấm áp. Với một tâm hồn tươi trẻ, anh còn phát hiện ra những điều rất ngộ nghĩnh như:

Cua già vẫn chưa có cổ
Mèo nhỏ đã có lông râu!
Hoặc sâu lang như
Mùng bé thêm một tuổi
Thương ông, bà già hơn
(Năm mới)

Và hai câu thơ sau đây:
Hoa thường ít hơn lá
Quả thường ít hơn hoa

Làm ta nhớ đến câu thơ Nguyễn Trãi *Hoa thì hay héo, cỏ thường tươi*. Những câu thơ hết sức dung dị mà giàu màu sắc triết lý.

Phạm Hồ là một con người sinh ra để yêu mến trẻ em. ở cơ quan Hội Nhà văn từ những năm 1960 đến những năm 1980, anh thường lo cho các cháu học tập và vui chơi. Rằm Trung thu, Tết và hoặc ngày 1 tháng 6, bao giờ Phạm Hồ cũng tổ chức cho các cháu liên hoan vui vẻ, khi thì quanh gốc khế ở cơ quan Hội, 84 Nguyễn Du, kè thì giữa sân nhà đồng bào nơi sơ tán. Phạm Hồ lúc nào cũng xưng "chú" với các cháu, mặc dầu anh lớn tuổi hơn nhiều bác cha mẹ. Anh luôn muốn mình trẻ mãi, để gần gũi các cháu của mình.

Trong nhiều năm dài, Phạm Hồ đã lóc cóc đạp xe đi dạy các em lớp năng khiếu Văn ở Cung văn hóa thiếu nhi; anh có cách giảng văn rất sáng tạo, dân chủ, khuyến khích các em đối thoại với thầy. Khi là Chủ tịch Hội đồng văn học thiếu nhi của Hội Nhà văn, anh rất nhiệt tình tổ chức các trại sáng tác cho các em, tận tụy giúp đỡ từng cây bút. Tôi đã thấy anh chăm sóc đến thơ Trần Đăng Khoa như thế nào, khi anh phụ trách Tổ thơ của báo *Văn nghệ*. Anh đã gặp Khoa nhiều lần - khi ấy Khoa còn bé tí - để trao đổi, góp ý với em về thơ. Phạm Hồ kiên trì theo sát các đối tượng thiếu nhi. Anh đã từng đi thực tế dài ngày ở trại Kim Đồng.

Những người tạt nguyên luôn ám ảnh anh. Đã năm sáu năm nay, anh viết đi viết lại - và chưa hoàn thành cuốn tiểu thuyết về người mù mà anh đã ôm ấp từ lâu.

Phạm Hồ còn là người rất yêu hoa cỏ. Trên hành lang căn hộ của anh, có rất nhiều chậu hoa đủ màu sắc. Được hoa sĩ Nguyễn Đỗ Cung dạy vẽ từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp, Phạm Hồ say mê sáng tạo về các loài hoa. Anh đã có mấy cuộc triển

lãm tranh, được các em nhỏ yêu thích. Tranh hoa Phạm Hồ rất nhiều chất thơ.

Được sống gần anh nhiều, tôi thường thấy Phạm Hồ chắc lưỡi thốt lên "Tội quá! Tội quá!" khi nghe một câu chuyện buồn hoặc thương tâm. Tâm hồn anh như một tâm hồn Phật tử. Cái tên "Hồ" dù rất thật, nhưng đây là một con hổ hiền từ, không bao giờ làm gây một nhạnh lá, nư hoa. Không phải Phạm Hồ không phản ứng với cái xấu cái ác. Ngược lại. Nhưng anh thường thu giấu tình cảm trong lòng mình. Giản mà buồn. Giản mà thương.

Có một trường hợp (trong thơ), Phạm Hồ đã hành động quyết liệt:

Hắn bỏ lang thang theo giặc mấy năm nay

Tôi buồn tôi giận
Đêm nay gặp hắn

Tôi bắn hắn rồi!
Những ngày xưa thân ái
Không ngăn nổi tay tôi

Đó là Phạm Hồ đã bóp cò súng trong thơ, còn trong đời thực thì chắc là không hề xảy ra. "Tôi bắn hắn rồi!" là để diệt cái ác, mở đường cho cái Thiện. Đó là tấm lòng của tác giả.

Trước cảnh đời vô chống cảm để được đứa con biết nói, Phạm Hồ gửi gắm tâm sự:

Bố cảm
Mẹ cũng cảm
Cháu tôi biết nói!
Cuộc đời lặng im
Cuộc đời luôn chờ đợi
Cháu ơi!

Hãy góp cho đời
Một tiếng nói thẳng ngay!

Lòng đa thằng ngay, yêu thương ấm áp, đây là con người Phạm Hồ?

Hồi trẻ, anh rất mê bóng đá. Những năm tập kết ra Bắc, anh là cây bóng bàn nổi tiếng của cơ quan Hội Nhà văn, bên cạnh vài anh khác. Anh chăm rèn luyện thân thể. Thế nhưng anh lại có nhiều bệnh. Mấy năm trước, anh đã phải trải qua một cuộc phẫu thuật, và gần đây bệnh hen luôn hành hạ anh. Mắt mờ đi nhiều, nhưng Phạm Hồ vẫn có cái nhìn lạc quan. Do sức yếu đi thì hơi hợp và gặp bè bạn được, anh thường gọi điện thoại thăm hỏi anh em, nhất là để chúc mừng những sáng tác mới. Hồi này, anh hay xúc động và hay khóc.

Phạm Hồ rất tinh tế và có tình khi viết về cuộc đời và sự nghiệp của các nhà thơ đi trước. Những bài tiểu luận về Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Tế Hanh... tràn đầy sự cảm thông và trân trọng. Đó là một cách thu hoạch và học tập của anh.

Trên nửa thế kỷ, kể từ tập thơ *Lưu non* xuất bản năm 1950 ở Liên khu V, Phạm Hồ đã miệt mài sáng tác thơ văn cho thiếu nhi và cho người lớn. Việc anh vừa nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt I đã khẳng định tài năng và sự đóng góp của anh.

Con người rất sợ cô đơn, thậm chí có thể chết vì cô đơn, nhưng cũng có những giây phút con người rất cần đến sự cô đơn, và thích ngồi một mình, đi dạo một mình, ngủ một mình... để có cảm giác mình nghe được đất trời và những gì cao hơn, rõ hơn, và cũng từ đó, tự nghe thấy được mình rõ hơn...

Trong bài "Nửa đêm tỉnh giấc", Phạm Hồ đã viết như thế. Sự cô đơn cần thiết để gần bó anh với "đất trời và những gì cao hơn, rõ hơn", gần bó anh với bè bạn, đồng bào, thiên nhiên và trẻ nhỏ, những đối tượng mà suốt đời anh say mê hướng tới.

Xin chúc Phạm Hồ giữ được sức khỏe, hoàn thành tốt những sáng tác đã dự định. ■

Hà Nội 21-12-2001

• **CÔNG TRÌNH KHOA HỌC "VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ XX**, những vấn đề lịch sử và lý luận – bộ sách tổng kết lý luận đầu tiên của nước ta – do giáo sư Phan Cư Đề làm chủ biên, đang được khẩn trương thực hiện. Đây là công trình khoa học trọng điểm của Đại học Quốc gia Hà Nội, được làm theo cách mới, không theo phân kỳ văn học, không đi vào từng tác giả, gồm 2 tập, dày khoảng 1200 trang với 9 chương mỗi chương là một chuyên luận. Ở đây, mọi vấn đề văn học sẽ được bàn dưới góc nhìn lý luận, cung cấp một cái nhìn toàn diện, khách quan và khoa học về diễn biến văn học Việt Nam thế kỷ XX. (P.V)

• **TRÌNH CÔNG SƠN: CUỘC ĐỜI, ÂM NHẠC, THƠ, HỘI HỌA VÀ SUY TƯỞNG** là một cuốn sách mới xuất bản (Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh) về người nghệ sĩ đa tài này. Cuốn sách do Trình Cung biên soạn với 24 bài viết của: Văn Cao, Dương Tường, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Thái Bá Vân, Bửu Chỉ, Lý Quý Chung, Đinh Cường, Khánh Ly... là những kỷ niệm, chiêm nghiệm về Trình Công Sơn, ngoài ra còn công bố một số thơ, hội họa và những bài viết của chính nhạc sĩ về cuộc đời, con người. Đây là một cuốn sách quý. (P.V)

• **HỘI THẢO "PHIM TRUYỆN - NHÌN TỪ VĂN HỌC"** do Hội Nhà văn Hà Nội và Hãng phim Truyền hình Việt Nam phối hợp tổ chức vào ngày 28-12-2001 đã thu hút gần 100 nhà văn, đạo diễn, biên kịch, diễn viên... tham gia. 15 bản tham luận của các nhà văn cũng là tác giả kịch bản và đạo diễn đã sôi nổi trình bày, khẳng định sự đóng góp của các nhà văn vào việc nâng cao chất lượng phim truyện từ khâu kịch bản. Mỗi quan hệ này cần được phát huy để điện ảnh có thể phát triển hơn trong chặng đường tới. (V.T.H)

• **GIẢI THƯỞNG HÀNG NĂM HỘI NGHỆ SĨ SÂN KHẤU VIỆT NAM** với 3 giải đặc biệt (10 triệu đồng): *Hồn nước* kịch bản Nguyễn Khắc Phục, đạo diễn Đoàn Hoàng Giang - Đoàn kịch nói quân đội dân dụng, *Người là đồng chí*: Hoài Giao - Lê Hùng - Đoàn kịch Công An. *Biển Lẻ* Duy Hạnh - Trần Ngọc Giàu - Nhà hát kịch Thành phố Hồ Chí Minh... Giải A, (8 triệu đồng) cho *Trê cóc tranh* con tác giả Trần Đình Ngón, *Mùa hoa sữa*, Nguyễn Anh Biên - Giải B (6 triệu đồng) cho 12 vở diễn và Giải C (4 triệu đồng) cho 9 vở diễn - 5 Bằng khen (3 triệu đồng) cho 3 vở diễn và 4 bằng khen (2 triệu đồng) cho tác phẩm phê bình, nghiên cứu lý luận của 4 tác giả Hồ Ngọc, Từ Lương, Vũ Hà, Văn Học. Lễ trao giải thưởng đã được tổ chức sáng 1-1-2001 tại Hội trường Hội nghệ thuật sân khấu Việt Nam. (PV)

• **THI ĐƠN CA GIỌNG HÁT HAY HÀ NỘI** lần thứ 8 do Trung tâm Văn hoá - Nghệ thuật công cộng (Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội) tổ chức đã kết thúc tối 31-12 tại Nhà hát Hồng Hà, Hà Nội. Cuộc thi đã thu hút hàng trăm thí sinh ở Hà Nội, các trường nghệ thuật và các tỉnh tham gia. Đây là cuộc thi được tổ chức hai năm một lần. Sau ba đêm với 27 thí sinh vào chung kết, Đỗ Hương Giang, 21 tuổi, sinh viên năm thứ 3 Nhạc viện Hà Nội đã đoạt giải Nhất. Ngoài ra còn có 2 giải Nhì, 4 giải Ba và 6 giải Tư. (HỮU ĐO)

HỢP THƯ

Tuần qua, chúng tôi đã nhận được tin, bài, thư của các bạn:

1- **Văn xuôi**: Lương Duy Thứ, Lê Văn Thảo, Phạm Minh Dũng (Thành phố Hồ Chí Minh); Trần Hữu Lan; Nguyễn Kim Trach (Hà Nội); Khánh Chi (Bình Thuận); Ngô Phan Lưu (Phủ Yên); Đoàn Lê (Hải Phòng)

Mây Lai, Ngô Văn Hiếu (Bắc Giang); Ánh Nga (Vũng Tàu); Đỗ Trọng Khơi (Thái Bình); Trần Nguyên Ý Anh (Trà Vinh).

2- **Bút ký - phóng sự - ghi chép**: Thanh Giang (Thành phố Hồ Chí Minh); Trần Trọng Trai (An Giang); Lâm Thị Thanh Hà (Cần Thơ); Khánh Chi (Bình Thuận); Từ Phạm Hồng Hiền (Bến Tre); Đặng Đình Lai (Thái Bình); Nguyễn Hữu Văn (Ninh Bình); Thế Thị Mỹ Ý (Tp Huế); Trương Hoàng Minh (Vĩnh Long).

3- **Thơ**: Phạm Tấn, Đoàn Văn Lưu, Phạm Đức Toán, Trần Quang Thịnh, Nguyễn Duy Thân, Tô Hùng Ba, Lê Văn, Văn Tế, (Hà Nội); Phương Thảo, Bùi Ngọc Anh, (Hải Dương); Giang Văn Hoan, Huy Khoát (Ninh Bình); Đỗ Huy Phan (Thái Bình); Cảnh Nguyễn, Nguyễn Văn Tài (Nghệ An); Dạ Nguyễn Hương, Bùi Văn Tuyên, Vũ Hoàng Oanh (Thanh Hoá); Vũ Ba Lan (tp Vinh); Lương Sơn (Hưng Yên); Võ Thị Kim Liên, Vũ Bích Ngọc, Nương Bích Ngọc (Thành phố Hồ Chí Minh); Nguyễn Hồng Phúc (Quảng Bình); Phạm Tư Kha, Huỳnh Quang Nam (Phủ Yên); Bùi Ngọc Hồng, Viết Hoài (Hà Tĩnh); Nguyễn Văn Đình (Quảng Bình); Trần Văn Giả (Khánh Hoà); Nguyễn Hiệp (Bình Thuận); Nguyễn Nhã Tiên (Đà Nẵng); Nguyễn Đạo Đảm (Bắc Giang); Nguyễn Văn Tích (Phủ Thọ); Hải Ba (Đồng Nai).

Xin cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của các bạn.

V.N.

GÓC HÀI HƯỚC



Thông lung NGŨ LIÊN TÙNG

*T*ạm thuê quê tôi nhiều ngách ngõ
Cánh đi buồn lâu mọc đường đây
Nhớ phiên ông trực, tên anh gác
Đút "chỉ" chưa vừa - em đút "cây"

Anh lật hàng xem - em cời túi
Luật chơi "đám dùi" hiểu nhau rồi
Anh mần chứt đỉnh, ông xai tí
Chùi khéo không nhòn cái mếp hời!

Bỗng nhiên trạm gác hết oai phong
Miếng cán tịt còi, gậy chắn cong
Nháy mắt xe qua - hàng lậu vút
Tắc đầu - anh chỉ lối đi vòng?

Cửa ngõ tồn dư loài gặm nhấm
Mong chi thu nhập, giữ tài nguyên
Bao Công có đến nơi này nhỉ?
Ngân bọn "Thông lung" khoét túi tiền???

Đông 2001

Tang... bi kịch

LAM ĐIỀN

*N*hiều nơi nhà cô đám tang
Nhìn vào thấy cảnh trái ngang phôi bày:
Cha mẹ mất mặt mây rảo hoành
Nghĩa tình con lạnh lạnh dừng dừng
Chỉ nghe cát-sét từng từng
Phát bài "nhạc hiệu" bập bùng ở e...!
Khách đến viếng khó bề cảm xúc
Phấn đông vì "thủ tục xã giao"
Cho nên hoà nhịp rí rào
Chuyện trò xí xồn như vào... "hỉ gia"
Ôi tang vậy quả là bi kịch
Ai biết, đều chẳng thích qua đời
Cho dù mất đã nhắm rồi
Cũng trừng mở lại xem người ta... tang!

Tiền ấy ở đâu ra

SĨ HỒ

*L*ương bổng, ông kêu, thật hăm hiu
An còn chẳng đủ, lấy chi tiêu
Sáng ra chẳng dám cơm, mì, phở
Tối đến nhiều khi chẳng cứng... điều!

Nhà cửa tuồng toàng chẳng có chi
Thiếu đài, thiếu đĩa, thiếu ti vi,
Phóng an, phóng khách hai mà một
Tủ đứng, đi vắng đã mốc xỉ!

Bỗng chốc ngày kia ông phóng tay
Váng ba con chín mấy trăm cây
Tung ra tấu đài, xây nhà mới
Biệt thự bên hồ trông... ngất ngây!

Ông không đi Mỹ, chẳng đi Nga
Trúng số cũng không, ấy vậy mà
Trước chỉ mấy đồng lương đạm bạc
Giờ thì tiền ấy ở đâu ra?

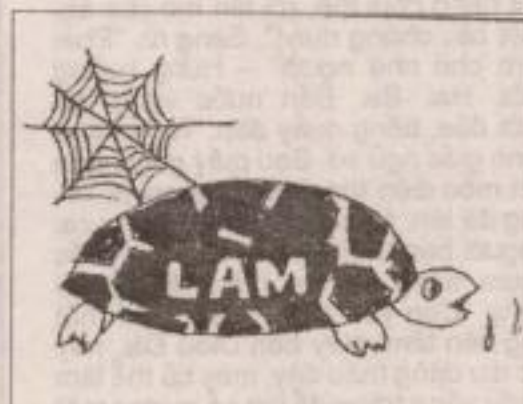
TRANH VUI



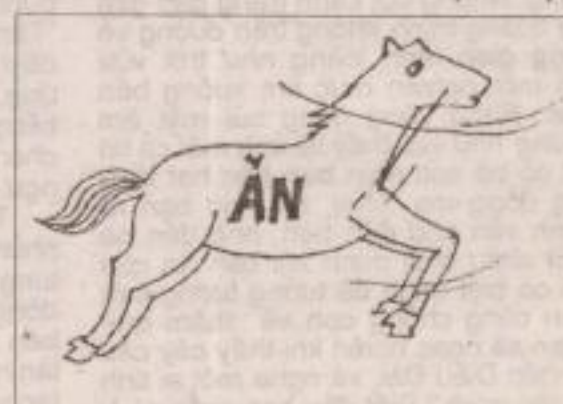
Không lời



Xin ngài ngồi im cho, kẻo ngài sẽ có hai mặt dí dẹt (S.V. st)



Không lời
Tranh:
CHU ĐỨC TIẾN



CHUYỆN VUI

NHẤT QUỲ NHÌ MA

DINTON FORD (Anh)

*N*GHE thấy tiếng kính vỡ kêu loảng xoảng, bà Dixbon vội vàng chạy lại chỗ cửa sổ. Bà đã hiểu rõ chuyện gì xảy ra rồi. Trên tấm kính toang hoác một lỗ thủng kích thước vừa bằng quả bóng đá đang nằm lẩn lóc ở chân tường đối diện.

- Lại cái trò đá bóng! - Bà ta rên rỉ - Không biết đến bao giờ cái bọn lưu manh ấy mới đi học!

Vào những ngày nghỉ hè, những trái bóng thường xuyên rơi vào bếp của bà Dixbon, bởi lẽ bãi đá bóng nằm ngay dưới cửa sổ của nhà bà.

Thông thường sau khi xạc cho những kẻ có lỗi một trận ra trò, bà Dixbon vẫn trả lại bóng cho chúng. Nhưng lần này bà không thể chịu đựng được nữa. Bà quyết tâm trị cho chúng một phen để chúng không bao giờ dám bén mảng đến gần cửa sổ nhà bà chứ đừng nói đến chuyện đá bóng đá biếc. Ngồi bên cửa sổ bà Dixbon với vẻ mặt hăm hăm kiên tâm chờ đợi. Ít phút sau có tiếng chuông gọi cửa.

Đứng ngoài thêm là một chú bé chừng mười hai tuổi, có mái tóc trắng nhợt. Nó mặc một chiếc quần soóc đã bạc màu, một chiếc may ô có những hình vẽ ngộ nghĩnh trên đôi giấy đã bong. Nó khụt khịt mũi và nói lí nhí:

- Châu xin lỗi bác. Từ rầy chúng cháu sẽ không...
- Thì ra mày là thằng lưu manh đánh vỡ kính của tao phải không? - Bà Dixbon giận dữ nói.

- Không, không phải cháu. Nhưng lũ bạn cháu bảo rằng đôi trường phải đi lấy bóng về. Mà cháu là đôi trường. Vì thế cho nên cháu đến đây. Bác cho cháu xin lại quả bóng a!

- Cái gì? Để chúng mày lại đánh vỡ cửa kính nhà tao nữa à?

- Cháu xin hứa sẽ không đá bóng ở đây nữa, chúng cháu sẽ rời đến chỗ cuối phố kia. Cháu nói thật đấy a!

Nhưng bà Dixbon vẫn còn nghi ngại, thấy vậy chú bé liền nói thêm:

- Còn về chuyện tấm kính vỡ thì bác khỏi lo. Tối nay bố cháu sẽ đến lắp kính mới cho bác. Cháu sẽ kể cho bố cháu nghe tất cả. Còn tiền thì bố cháu sẽ trả vào tiền quỹ của cháu.

Bà Dixbon lẽ dĩ nhiên không tin một lời nào của thằng nhóc, nhưng rồi vẫn trả nó quả bóng.

- Mày phải giữ lời hứa đấy. Lần sau mà còn thế nữa thì đừng có mà trách.

Chú bé nói nhanh câu cảm ơn rồi như một mũi tên chạy vút ra ngoài phố.

Bà Dixbon dĩ nhiên không chờ đợi bố chú bé tới. Và bà quả tình rất ngạc nhiên khi xẩm tối có một người tay cặp tấm kính đến bấm chuông nhà bà. Đi ngang qua người đàn bà hãy còn sống sờ, ông ta nhanh nhẹn thay tấm kính vỡ rồi rút từ trong túi ra một mảnh giấy.

Nổi kinh ngạc của bà Dixbon dâng lên tới đỉnh điểm hài hước khi người đàn ông nọ mỉm cười lịch thiệp và đưa cho bà mảnh giấy no. Thì ra đó là tờ biên lai.

- Có chuyện gì thế? - Bà lúng túng hỏi.

- Thưa bà, đây là biên lai thanh toán tiền lắp kính - Người đàn ông nói.

- Vâng... nhưng... thằng nhỏ ấy... chẳng lẽ nó không nói gì với ông à?

Người đàn ông vui vẻ đáp:

- Có chứ. Nó nói rằng cần phải lắp miếng kính ở trong bếp, còn biên lai thì mẹ sẽ thanh toán. Chẳng nhẽ bà không phải là mẹ nó sao?

THU LAN (dịch)

TRONG phong trào Cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa, Tân Nhạc đường như là môn nghệ thuật duy nhất gắn liền các khối người, liên kết các đám đông. Ở thời điểm Tháng Tám năm 1945, cùng với *Tiến quân ca* của Văn Cao như tiếng nổ hiệu lệnh, những tác phẩm Tân Nhạc hùng tráng đã như những khẩu đại bác bắn vào dinh lũy thực dân.

Cách mạng đã tiếp nhận Tân Nhạc như tiếp nhận một đội quân xung kích. Nền âm nhạc cách mạng non trẻ ngay lập tức "nhập cuộc" vào những ngày Nam Bộ kháng chiến. Những đoàn quân Nam Tiến cùng bao giai điệu mới như *Phát cò Nam Tiến* của Hoàng Văn Thái, *Tiếng súng Nam Bộ* của Đỗ Nhuận. Văn Cao thì làm lời mới về cuộc Nam Tiến này cho *Bến Xuân* và gọi đó là *Đàn chim Việt*. Lưu Hữu Phước thì bưng chài trên sinh lũy chiến khu viết ra những *Đời lạnh*, *Đoàn quân ma*...

Sau Cách mạng Tháng Tám, ca khúc không còn loanh quanh trong đô thị nữa mà lan rộng tới các làng quê, rừng núi, miền biển và cùng toàn dân đi kháng chiến. Nhịp hành khúc khi nhập vào cuộc chiến đấu của dân tộc Việt Nam đã có thêm vẻ đẹp mới. Đó là vẻ đẹp của một dân tộc từ bóng tối nô lệ của vùng Đông Nam Á bước tới chân trời tự do của thế giới. Nhịp hành khúc đã đạt tới vị trí vinh quang nhất của nền âm nhạc cách mạng. Những năm đầu, những hành khúc như *Chiến sĩ Việt Nam*, *Hải quân Việt Nam*, *Không quân Việt Nam*, *Bác Sơn* (Văn Cao), *Cảm tử quân* (Hoàng Quý), *Du kích ca*, *Nhớ chiến khu*, *Đoàn lữ nhạc* (Đỗ Nhuận), *Lên đường*, *Tiếng gọi thanh niên*, *Xếp bút nghiên* (Lưu Hữu Phước), *Đoàn Vệ quốc quân* (Phan Huỳnh Điểu)... đã hành trình cùng cuộc trường chinh. Nhưng chính trong cuộc kháng chiến, đã xuất hiện những tác giả mới (đa số là mặc áo lính) với những hành khúc mới phơi phới, tự hào. Đó là *Nam Bộ kháng chiến* của Tạ Thanh Sơn *Trường chinh ca* của Lương Ngọc Trác, *Sẽ về Thủ đô* của Huy Du, *Đoàn quân đi của Việt Lang*, *Du kích Ba Tơ* của Dương Minh Viên, *Tám vu* của Đắc Nhân - Quốc Hương, *Tiểu đoàn 307* của Nguyễn Hữu Trí (phỏng thơ Nguyễn Bình), *Xuất quân* của Phạm Duy... Nhịp

TRƯỜNG KỲ KHÁNG CHIẾN - THỜI TRẮNG CA CỦA TÂN NHẠC

NGUYỄN THUY KHA



Những bài ca ngày đầu kháng chiến.

Ảnh: PHAN HỮU

3/4 cũng lần đầu tiên đã Việt hoá tiết tấu Valse quý phái của Châu Âu. Thật kỳ lạ là nó đã hoà thân vào làng Việt Nam kháng chiến để rung lên những giai điệu mang bóng dáng lũy tre xanh. Đó là *Làng tôi*, *Ngày mùa* của Văn Cao, *Quê em miền trung du* của Nguyễn Đức Toàn, *Làng tôi* của Hồ Bắc, *Tiếng hát quay tơ* của Tử Phác, *Con kênh xanh xanh* của Ngô Huỳnh, *Nhạc rừng* của Hoàng Việt... Tiết tấu Fox sinh động, rộn ràng cũng được chuyển vào những ca khúc vui, lạc quan của một dân tộc chiến đấu với niềm tin chiến thắng. Đó là *Tuyên truyền xung phong* của Phan Huỳnh Điểu, *Ai lo tăng gia* của Văn Cận, *Tự túc* của Dương Minh Ninh, *Thằng Nhai thắng Nha*, *Vào Đông Khê* của Văn Chung, *Bé đeo ba lô* của La Thăng Rạng *kháng chiến còn trường kỳ* của Trần Hoàn... Nhiều ca khúc hay in sâu vào tâm trí của một thời kháng chiến như *Áo mùa đông* (Đỗ Nhuận), *Bình Trị Thiên khỏi lửa* (Nguyễn Văn Thương), *Tiếng chuông nhà thờ* (Nguyễn Xuân Khoát),

Lên ngàn (Hoàng Việt), *Niềm thương mến* (Phan Văn), *Đường lên Tây Bắc* (Văn An), *Nhớ về quê em* (Tân Huyền)... Nhiều tác phẩm thanh nhạc lớn đã xuất hiện trong chống Pháp như *Nắng Ba Đình* (Bùi Công Kỳ - thơ: Vũ Hoàng Dịch), *Người Hà Nội* (Nguyễn Đình Thi), *Du kích sông Thao* (Đỗ Nhuận) và đặc biệt là bộ tứ linh về sông Lô: *Lô Giang* (Lương Ngọc Trác), *Chiến sĩ sông Lô* (Nguyễn Đình Phúc), *Bên bờ sông Lô* (Phạm Duy) và *Trường ca sông Lô* (Văn Cao). Ý tưởng "Khoa học - Dân tộc - Đại chúng" của "Đề cương văn hoá" 1943 đã được chuyển thành hiện thực. Không ít các nhạc sĩ đã chủ trương bút pháp của mình là xây dựng tác phẩm từ chất liệu âm nhạc dân gian. Người nhún nhuyển và có nhiều thành công nhất là Phạm Duy với *Dân ca thương binh*, *Về miền Trung*, *Gánh lúa về* (đầu tiên là *Gánh thóc khao quân*)... trong những năm tháng đi kháng chiến. Bên cạnh đấy là Đỗ Nhuận với ca cảnh *Sóng cả không ngã tay chèo*, Văn Chung với *Lý và sào*,

Quê tôi giải phóng, *Gái thôn Đoài*, *trai thôn Thượng*, *Lê Lôi với Đổng nhanh*, *lúa tốt* (ca dao của Huyền Tâm), *Hoàng Văn với Hồ kéo pháo*, *Nguyễn Xuân Khoát với Con voi*, *Hát mừng bộ đội thắng trận trở về*, *Nguyễn Văn Tý với Vượt trùng dương*...

Song tuy không diễn ra cuộc tranh luận như "Thơ không vần" ở thơ và "tranh nghệ thuật" ở hội họa, Tân Nhạc thời chống Pháp cũng phải chịu không ít những áp đặt của lúc đó. Lẽ ra cần phải đẩy mạnh, khuyến khích những ca khúc kể trên để duy trì vẻ đẹp đích thực của âm nhạc, thì hình như chúng ta vẫn nghiêng về việc coi âm nhạc như "Đội quân xung kích", lại sử dụng để tuyên truyền thì thẩm mỹ âm nhạc bị hạn chế. Song những tin hiệu này còn yếu so với sự lớn vượt của Tân Nhạc thời chống Pháp. Nó chưa đủ sức phủ nhận nhưng đã đủ sức phản lực.

Ngoài việc làm hạn chế sức sáng tạo tinh ca của các nhạc sĩ đi cùng kháng chiến (người viết bài này đã nói rõ trong bài "Tinh ca trong kháng chiến" đã in), nó còn làm vắng thiếu dần trong đoàn quân trường chinh những gương mặt âm nhạc đáng kể. Không thể đồ diệt cho tất cả những người đã tham gia kháng chiến rồi một thời gian sau quay về thành (vùng tạm bị chiếm) là không chịu đựng được gian khổ, là cầu an hưởng lạc. Họ có thể có cái không chịu đựng được nhưng chưa chắc đã là gian khổ. Hướng cái nhìn nhân bản về phía đó, chúng ta mới có thể đủ bình tâm để nhìn nhận vào những sáng tác của Đoàn Chuẩn, Hoàng Giác, Canh Thân, Ngọc Bích, Văn Phụng, Phạm Duy... và những đóng góp mà họ đã tạo nên cả thời kỳ binh lửa. Và đương nhiên, khách quan, nó vẫn phải được xem như một mảnh dịu dàng, nhỏ bé trong thời kỳ này - thời tráng ca của Tân Nhạc tráng ca của thời kỳ kháng chiến.■

Gần đây, trên các phương tiện thông tin đại chúng đã in một số bài về người vẽ mẫu Quốc Huy. *Họa sĩ Lê Lam cho rằng họa sĩ Trần Văn Cận và họa sĩ Bùi Trang Chước là đồng tác giả. Họa sĩ Lương Xuân đoàn kháng định họa sĩ Bùi Trang Chước là người thiết kế chính còn họa sĩ Trần Văn Cận chỉ chữ lại.*

Nhằm góp thêm một tiếng nói, chúng tôi in bài của họa sĩ Lưu Công Nhân, người cùng họa sỹ Trần Văn Cận vẽ mẫu Quốc huy theo yêu cầu của cấp trên. Chúng tôi cũng mong muốn nhận được nhiều ý kiến của những người thông tỏ cụ thể việc này để được rộng đường dư luận.

V.N
SAU hiệp định Genève, Ban Mỹ thuật (khi đó chưa có các Hội), tất cả đều gọi là Ban - Ban Mỹ thuật, Ban Văn học... thuộc Hội Văn nghệ Việt Nam ở tập trung số 9 Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Sau khi họa sĩ Tô Ngọc Vân mất, công việc chủ chốt anh Tố Hữu giao cho họa sĩ Trần Văn Cận.

Trong suốt thời gian dạy trường Mỹ thuật trong kháng chiến chống Pháp, tôi được hai thầy (lúc đó xưng hô là anh như trong gia đình). Tô Ngọc vân và Trần Văn Cận vẫn coi là học trò có chất trang trí hợp với gu của 2 thầy. Thường khi phải làm mới hoặc thể hiện phác thảo, tôi bị gọi làm nhiều hơn anh em, vì dù bối cảnh triển lãm, vẽ các trang trí mỗi khi có công việc chỗ anh Tố Hữu giao cho.

Một buổi sáng tôi đang vẽ trong phòng, anh Cận mở cửa bước vào, tay ôm một gói to sách.

- Anh cận Nhân làm một việc.

- Hôm qua anh Năm (đồng chí Trường Chinh) gặp anh và giao cho anh việc vẽ Quốc huy. Tôi xin nói rõ là anh Trường Chinh rất yêu quý anh Cận... và cả Lưu Công Nhân nữa.

Anh có gặp Đặng Chấn Liêu và lấy về đây một lô Quốc huy của Liên Xô, Trung Quốc, các nước Đông Âu, Pháp, Mỹ... Nhân xem kỹ và mai đến buổi anh, anh em ta làm thử.

Tôi hỏi thêm. Đồng chí Trường Chinh giao cho anh,

có ai nữa không?

- Anh Năm bảo mình làm và có thể thêm vài anh em nữa cùng làm thử.

Anh nói thế nhưng tôi hiểu đây là việc anh phải làm là chính. Và anh nhờ tôi giúp anh cùng phác thảo và render (thể hiện) hoàn chỉnh để trình Quốc hội thông qua.

Tôi mở bọc Quốc huy của ... thiên hạ ra và nói:

- Hai anh em ta xem, anh bảo em làm gì em sẽ làm. Việc đầu tiên, anh Cận nói, Công nông liên minh, búa liềm, nhà máy và...

Nhân tìm ý tìm hình vài ngày đem đến buổi anh và hai anh em ta mise au propre (anh Cận nói nguyên tiếng Pháp):

Nói xong anh Cận ra về và tôi bắt đầu vẽ phác tẩm Quốc huy.

Các Quốc huy của các nước trong Liên bang Xô viết nói chung rườm rà, và cũng khá giống nhau. Còn những Quốc huy về hình đại bàng hay sư tử... không hợp với tâm lý dân Việt Nam. Tôi để ý những nhánh lúa đều là lúa mì.

Tôi phải vẽ hạt lúa bông to, lúa nếp Việt Nam.

Sáng ngày hôm sau, tôi đi xe về xã Đại Kim xin mấy bông lúa nếp về làm mẫu vẽ.

Đem xếp bố cục hai bông lúa chầu vào nhau. Phải sắp xếp sao cho có một bố cục pictorial chứ không phải như của Liên Xô - tính chất mỹ nghệ.

Sau khi vẽ gần chục phác thảo hai bông lúa nếp, tôi đến anh Cận trình bày. Anh Cận làm xong non chục

phác thảo - xoay quanh hai con cò cặp chữ viết trên dải lụa, với cảnh tre.

Hai thầy trò bàn ghép phần của thầy và phần của trò, thành một mẫu như hiện nay.

Bây giờ đến giai đoạn làm thành hoàn chỉnh. Đường kính 1 mét.

Sau mấy ngày tôi vẽ xong bản hình mẫu trên giấy. Cả hai thầy trò đều nhận thấy phải làm bằng chất liệu sơn mài.

Tôi hỏi anh Cận:

- Anh định làm sơn mài lấy hay nhờ ai? Em thấy làm vóc đắp nổi anh nên giao cho anh Phạm Đức Cường hay bác Phó Thành.

Cả hai anh em đều nhất trí nhờ Phạm Đức Cường. Nền đồ anh Cường làm sơn trai đánh bóng. Hai nhánh lúa và bánh xe đắp nổi. Ngôi sao đắp nổi thép vàng lá. Riêng bánh xe thép bạc.

Sau gần một tháng, bức Quốc Huy đầu tiên làm xong theo tôi đó là một mẫu trang trí đậm tính dân tộc, đặc biệt về chất liệu phong phú và sang trọng. Hai bông lúa và bánh xe đắp nổi có bố cục có phần thi vị, không cứng nhắc của các nước.

Xong xuôi, anh Cận đem trình đồng chí Trường Chinh và Quốc hội.

Còn tôi hết nhiệm vụ, đi về ở xã.

Thời gian trôi qua, tôi mãi vẽ tranh cũng không nhớ mấy nữa.

Và cũng từ đó tôi chuyển xuống Hải Phòng. ít gặp anh Cận.■

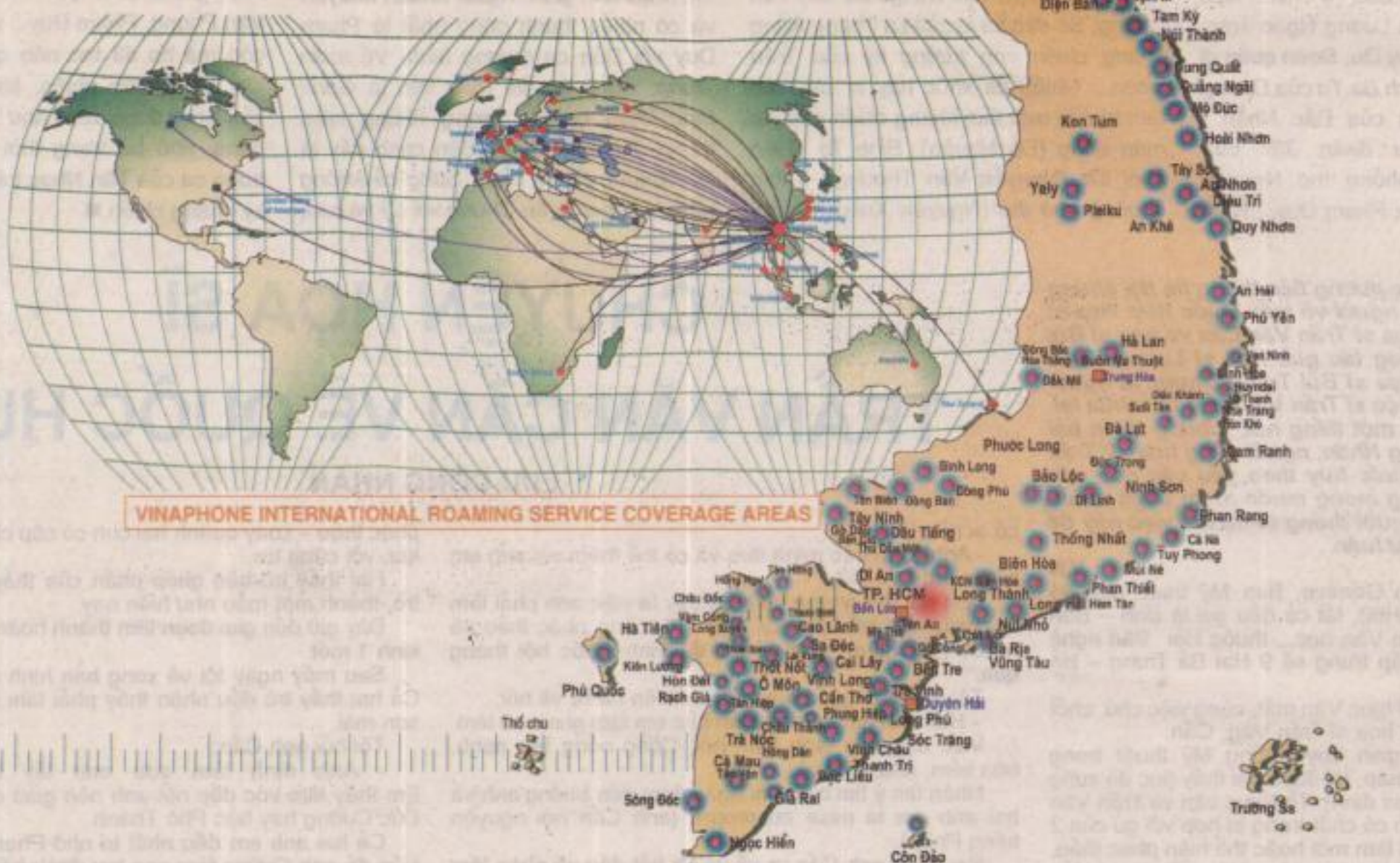
BẢN ĐỒ PHỦ SÓNG VINAPHONE

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Nhâm Ngọ

VinaPhone

- * Mạng điện thoại di động có vùng phủ sóng rộng nhất Việt Nam với gần 500 trạm BTS.
- * Có số thuê bao lớn nhất.
- * Dịch vụ đa dạng (VinaCard, SMS, WAP, IR...).
- * Đã thực hiện chuyển vùng Quốc tế với 57 nhà khai thác ở 28 nước trên khắp châu lục.



VinaPhone's Coverage Map

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI ĐẶC BIỆT TỪ NGÀY 20/12/2001

Mọi chi tiết xin liên hệ các Bưu điện Tỉnh, Thành phố hoặc liên hệ 151



CÔNG TY XI MĂNG BỈM SƠN

Bimson Cement Company (BCC)

Trụ sở : Thị xã Bim Sơn - Thanh Hóa Điện thoại: (037) 824.242; (037) 824.481 ; Fax: 84-37.824.046



1997 - 2001



Chúc mừng năm mới

THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- ☆ Từ năm 1988 được cấp dấu chất lượng cấp I
- ☆ Từ năm 1993 được Bộ xây dựng và Công đoàn ngành xây dựng Việt Nam tặng cờ chứng nhận sản phẩm chất lượng cao.
- ☆ Từ năm 1990 liên tục được cấp huy chương Vàng Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.
- ☆ Từ 1994 liên tục được cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn cho xi măng PC30, PCB30.
- ☆ Ủy ban Quốc tế của tổ chức BID (có trụ sở tại Thủ đô MADRIT - TAYBAN NHA) đã có quyết định tặng thưởng "Sao vàng Quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho công ty xi măng Bim Sơn.
- ☆ Được bình chọn và chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" 5 năm liên 1997 - 2001.
- ☆ Được DNV - Na Uy và Quacert Việt Nam cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc tế ISO-9002
- ☆ Được tặng cúp vàng về chất lượng hàng Việt Nam năm 2000.

CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

- Trung tâm GDTT TX Bim Sơn - Thanh Hóa	Tel: 037.824.214	Fax: (84-37) 824.092
- Chi nhánh Thanh Hóa	Tel: 037.852.180	Fax: (84-37) 858.525
- Chi nhánh Nghệ An	Tel: 038.853.107	Fax: (84-38) 853.662
- Chi nhánh Hà Tĩnh	Tel: 039.855.492	Fax: (84-39) 856.826
- Chi nhánh Ninh Bình	Tel: 030.871.002	Fax: (84-30) 873.433
- Chi nhánh Nam Định	Tel: 0350.847.317	Fax: (84-350) 839.857
- Chi nhánh Thái Bình	Tel: 036.836.570	Fax: (84-36) 838.506
- Văn phòng đại diện tại Lào	Tel: 0086.054341371	Fax: 0086054341370



CÔNG TY DU LỊCH PHONG PHÚ

Trụ sở chính: Bến Đá chông, Xã Vĩnh Lương - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: (058) 839433 - 839018 - 839446 - 822298; Fax: (058) 839018

Chúc Mừng Năm Mới

Công ty Du Lịch Long Phú là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 1881/2001/QĐ-UB ngày 25/5/2001 của UBND Tỉnh Khánh Hòa, trên cơ sở hợp nhất Công ty 18/4 và Công ty Khách sạn Hoàng gia - Khánh Hòa.

Công ty hoạt động kinh doanh các ngành nghề sau đây:

- > KHÁCH SẠN DU LỊCH;
- > DU LỊCH LỮ HÀNH;
- > VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH;
- > DỊCH VỤ VUI CHƠI GIẢI TRÍ;
- > CHĂN NUÔI KHÍ VÀ ĐỘNG VẬT RỪNG...

Đặc biệt Công ty có Cụm đảo du lịch Hòn Lao - Hòn Thị nằm trong đầm Nha Phu ngay sát thành phố Nha Trang là nơi tham quan du lịch sinh thái kết hợp du lịch giải trí nổi tiếng sẽ phục vụ một cách tốt nhất các kỳ tham quan du lịch của quý khách trong và ngoài nước.



Công ty du lịch Phong Phú
Rất hân hạnh được đón tiếp
và phục vụ quý khách!



Chúc Mừng Năm Mới

CÔNG TY GIẤY

BÀI BẮNG

BAI BANG PAPER COMPANY (BAPACO)

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

TRỤ SỞ CHÍNH: Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: (0210) 829755 / 829181 / 829182 / 829184 Fax: (0210) 829 177

E mail: BAPACO PN @ HN. VNN. VN

Tài khoản: 710A.00.001 Ngân hàng Công thương khu vực Đền Hùng - Phú Thọ

CHI NHÁNH CÔNG TY: **Tại Hà Nội:** 142 Đội Cấn, Ba Đình, HN. ĐT-Fax : 04. 7220 347, Email: BAPACO @ HN.VNN.VN

Tại Đà Nẵng: 68 Hàm Nghi - Quận. Thanh Khê -Tp. Đà Nẵng. ĐT: 0511655306 / Fax: 0511650418

Tại TP HCM: Số 6 Đường Bàu Cát 4, P.13, Q.Tân Bình, TP. HCM. ĐT: 08. 8493 821/Fax: 08. 8493 822

Tổng Giám đốc : Anh hùng Lao động TRẦN NGỌC QUẾ

CÔNG TRÌNH HỢP TÁC VIỆT NAM - THỤY ĐIỂN
VIETNAM - SWEDEN FRIENDSHIP AND COOPERATION PROJECT

● VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng Biên tập : HỮU THỈNH

● Tòa soạn, Trị sự : 17 Trần Quốc Toản, Hà Nội - Điện thoại biên tập : 9439619, Trị sự : 9437091 - Fax : 8.263926 - Email : Vannghes@fpt.vn

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam : 43 Đồng Khởi, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8.298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh

miền Trung : 34 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng - Điện thoại : 8.21434; Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : 8.51752 - 8.53522; 292 Đường 2

Tháng 4, TP. Nha Trang - Điện thoại : 8.22832 - 8.26040 ● In tại Nhà in Báo Nhân Dân ● ISSN 0866 - 0815

● Trình bày : THÀNH CHUONG

Giá : Bốn ngàn năm trăm đồng